THƯ VIỆN TỈNH NB
ĐC
955

NGÔ VĂN MINH

Bái Đính

MỘT VÙNG VĂN HÓA

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

BÁI ĐÍNH
MỘT VÙNG VĂN HÓA

ĐC: 9
B.103B

NGÔ VĂN MINH

BÁI ĐÍNH
MỘT VÙNG VĂN HÓA

THƯ VIỆN
TỈNH NINH BÌNH
ĐC: 955

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Lời tựa

Gia Sinh là xã miền núi, bán sơn địa, phía Nam huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Đây là một vùng đất cổ có bề dầy lịch sử và văn hoá từ rất lâu đời.

Các nhà khảo cổ học đã công bố kết quả cho biết rằng, người Việt cổ đã sinh sống ở đây từ thời đại Đá mới, sơ kỳ Kim khí, cách ngày nay 3 - 4.000 năm. Phong cảnh núi sông nơi đây kỳ tú. Sông Hoàng Long và sông Lê như hai con rồng lớn ôm phía Tây Nam và Tây Bắc xã, bồi đắp phù sa cho đồng đất mỡ màu. Phía Đông Nam là dải núi hùng vĩ kéo dài từ Sơn Lai (Nho Quan) đến Trường Yên (Hoa Lư) như bức trường thành chiến luỹ vô cùng hiểm yếu. Núi đồi quanh co khuất khúc tạo nên nhiều thung lũng đẹp, có nhiều gỗ và cây thuốc quý, chim muông, thú rừng và những hang động kỳ tú.

Gia Sinh và các địa phương trong vùng có thế núi sông hiểm trở, nên nơi đây từng là địa bàn chiến lược, là phòng tuyến án ngữ và điểm phát xuất của bao đạo hùng binh trong tiến

trình dựng nước và giữ nước oanh liệt của dân tộc ta từ thời đại các Vua Hùng.

Nhân dân Gia Sinh cần cù lao động và anh dũng đấu tranh bảo vệ quê hương, góp phần cùng quân, dân Gia Viễn và cả nước lập nên bao chiến công trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Người Anh Hùng Lao động và Anh hùng Lực lượng vũ trang đầu tiên của huyện Gia Viễn đã xuất hiện trên mảnh đất này, cùng bao Liệt sĩ, chiến sĩ cách mạng, gia đình có công với nước, mãi mãi là niềm tự hào không chỉ của quê hương Gia Sinh mà của cả huyện Gia Viễn nói chung.

Gia Sinh còn nổi tiếng với bao huyền sử, huyền tích ly kỳ như huyền tích về sự ra đời của đức vua Đinh Tiên Hoàng, về sông Hoàng Long, Bái Đính, Sinh Dược, hang Tiền, Long Ẩn... Huyền thoại, huyền tích về ông Khổng Lồ là biểu tượng lung linh về người Anh Hùng Văn Hoá có tên thật là Nguyễn Chí Thành, quê Điềm Dương/Giang (nay thuộc xã Gia Thắng, Gia Tiến, huyện Gia Viễn) gắn liền với tên đất, tên làng, tên đồi, tên núi của Gia Sinh và những vùng phụ cận về việc đăng đó, đánh lưới, câu cá, trồng vườn thuốc quý cứu dân; lập am thờ Phật trên động Bái Đính... dầy đặc trên mảnh đất địa linh nhân kiệt này. Và từ dấu tích lịch sử, văn hoá từ ngàn xưa ấy, nay một Trung tâm Tâm linh - chùa Bái Đính - được xây dựng với quy mô và tầm cỡ quốc gia nơi đây đã làm cho Bái Đính cổ kính, huyền thoại bỗng sôi

động, tấp nập, có tiếng vang xa, lan tỏa trong và ngoài nước.

Nhân dân Gia Sinh càng tự hào về truyền thống yêu nước và cách mạng, lại càng ra sức cùng nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình và cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng quê hương ngày càng thêm giàu đẹp, vững mạnh trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trở thành một địa chỉ đầy hấp dẫn, ấn tượng, lịch lãm của du khách và bầu bạn bốn phương.

Bái Đính - Gia Sinh là một vùng văn hóa - Văn hoá quá khứ, hiện tại và cả trong tương lai! Một vùng núi sông kỳ tú, huyền thoại đang mở rộng vòng tay và tấm lòng hân hoan đón chào bạn hữu xa gần.

Xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả cuốn ***"Bái Đính - một vùng văn hóa"*** *của tác giả Ngô Văn Minh, một người con quê hương viết về quê nhà với những dòng viết mộc mạc, hấp dẫn, một lòng tri ân sâu sắc - Như một lời giới thiệu súc tích về quê cha đất tổ của mình và cũng là một lời mời chào trân trọng, thắm tình của đất và người Gia Sinh và nhân dân Gia Viễn với bạn hữu bốn phương.*

Cuốn sách cung cấp cho người đọc khá nhiều tư liệu và sự kiện quý, giúp chúng ta thêm hiểu, thêm yêu mến đất Gia Sinh, một dải đất kề cận với Cố đô Hoa Lư lịch sử và quê hương sinh Vương sinh Thánh của huyện Gia

Viễn, tỉnh Ninh Bình, lòng nhủ lòng không thể ít nhất một lần trong đời tìm về mảnh đất địa linh - nhân kiệt này để thưởng ngoạn, tiêu dao!

Thu - Đông năm Mậu Tý, 2008

Trương Đình Tưởng

Giám đốc Điện ảnh tỉnh Ninh Bình

Trưởng Chi hội Khoa học lịch sử Việt Nam tỉnh Ninh Bình

Trưởng Chi hội Văn nghệ dân gian Việt Nam tỉnh Ninh Bình

Chương I:
Bái Đính đất và người

Từ núi Kỳ Lân thành phố Ninh Bình con đường du lịch đưa bạn vào thăm khu hang động Tràng An. Đường quanh co trong núi, núi ngút ngàn, thấp cao đủ loại. Chưa hết cảm xúc thanh thản khi được chiêm ngưỡng cảnh đẹp của vùng Hạ Long cạn, xe vừa chớm đoạn cuối con đường bạn đã được tắm mát bởi gió của sông Hoàng Long thổi tới. Từ đền Vực Vông đường chạy bên bờ sông, một khoảng sáng lấp lánh của vùng sông nước ùa vào xe của bạn, qua cầu Đen, trước mắt bạn là núi Bái Đính. Núi Bái Đính là ngọn núi cao nhất, hùng vĩ nhất như mái nhà của cả vùng. Xung quanh núi là các làng Xuân Trì, Sinh Dược, Lê Thượng, Lê Trì (hai thôn này còn gọi là Lương Sơn), Sơn Tiến, hình thành 11 xóm của xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Cùng với các xã Gia Phong, Gia Minh của huyện Gia Viễn, Sơn Thành, Thanh Lạc, Thượng Hòa, Lạc Vân, Đức Long, Phú Lộc, Quỳnh Lưu,

Sơn Hà, Sơn Lai của huyện Nho Quan, Gia Sinh là điểm cuối của đồng bằng Bắc Bộ, là vùng tiếp giáp giữa đồng bằng Bắc Bộ và vùng trung du của tỉnh Thanh Hóa và đều là châu thổ của sông Hoàng Long. Sông Hoàng Long là hợp lưu của ba dòng sông, sông Lạng, sông Sui, Sông Bôi. Sông Sui bắt nguồn từ khu vực vườn quốc gia Cúc Phương, qua cầu Sui xuống vùng Lạng Phong, gặp sông Lạng chảy từ vùng chợ Đập, Yên Thủy, Hòa Bình về ngã ba Đồng Đinh (thuộc xã Thượng Hoà, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình). Từ ngã ba Đồng Đinh chảy đến Kênh Gà (thuộc xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn) gặp sông Bôi chảy từ vùng Đầm Đa, Chi Nê, Hòa Bình đến, từ đây là sông Hoàng Long. Điểm thượng nguồn của sông Hoàng Long là ngã ba Kênh Gà nơi có suối nước nóng tự nhiên nổi tiếng. Với 10 km chảy đến cửa Gián Khẩu, Hoàng Long nhập vào sông Đáy. Từ vùng núi điệp trùng của Hòa Bình, Cúc Phương mái nhà của Khu Ba, hàng ngàn con suối nhỏ tạo nên sông Sui, sông Bôi, sông Lạng, khi qua Kênh Gà, dòng sông rộng mênh mông, đến ngã ba sông Lê nhập thêm dòng sông Lê, từ đây sông uốn lượn về phía đông bắc chảy sát vào chân núi Bồ Đình tạo thành vòng cung sông ôm lấy các xã Gia Phương, Gia Trung, Gia Thắng, Gia Tiến. Từ chợ Sinh Dược cũ ra đến cửa Gián Khẩu dòng sông nhỏ dần, tại cửa Gián Khẩu dòng chảy thắt lại như một cái nút đó, vào mùa mưa nước ở cửa Gián Khẩu đổ ra sông Đáy như một dòng thác lớn, nước ở sông Hoàng Long có khi cao hơn nước sông Đáy hàng mét.

Cấu tạo của sông là vậy, nên từ cửa Gián Khẩu ngược về thượng nguồn các nơi như Tùy Hối, Chi Phong Hạ, Điềm Dương, Điềm Xá, Chi Phong Thượng, Đông Khê, Trung Đồng, Đại Hữu, Bồ Đình, chín làng Lê, Sinh Dược, Xuân Trì là rốn nước, là vùng tụ khí tụ thủy. Tâm điểm của vùng tụ khí tụ thủy rộng lớn này là vòng cung sông Đại Hữu (thuộc các xã Gia Trung, Gia Phương, Gia Tiến, Gia Thắng) và vòng cung núi Bái Đính xã Gia Sinh (đều thuộc huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình).

Nằm ở phía hữu ngạn sông Hoàng Long, xã Gia Sinh với diện tích tự nhiên là 2.048ha, gần 7.000 nhân khẩu. Đất chia làm hai phần núi đá, đồi đất và ruộng cấy lúa. Núi đá, đồi đất chiếm hầu hết diện tích của xã, ngoài một số ngọn núi độc sơn như núi Hàn Cay, Hàm Rồng, Hang Trai, Núi Nhãn, Núi Làng Đồi, Núi Lê, Núi Thanh Lương, Núi Khám.... Núi đồi tập trung ở hai vòng cung chính:

Vòng cung phía đông nam bắt đầu từ dãy núi Con Lợn, núi Phường sát sông Hoàng Long chạy vào đến vùng Cửa Ui, thung Lang giáp với Trường Yên, Ninh Vân, Ninh Hải của huyện Hoa Lư, Sơn Hà của huyện Nho Quan.

Vòng cung phía tây bắc bắt đầu là núi Lê sát với sông Hoàng Long tiếp đến là núi U Bò, vùng núi Ba Chạc, đồi Lê chạy dài vào đến núi Khơi và vùng đồi núi của các xã Sơn Lai, Quỳnh Lưu của huyện Nho Quan.

Đứng ở vị trí đầu hai cánh cung núi này và cũng là án ngữ cánh cung sông Bồ Đình, Đại Hữu, Điềm Dương, Điềm Xá chẳng biết thiên nhiên có sắp xếp gì không, mà đầu cánh cung phía tây bắc núi Lê như một con Kỳ Lân, đầu cánh cung phía đông nam là núi Hàm Rồng, hai ngọn núi này đều quay về phía Bồ Đình nơi sinh ra vua Đinh, đúng là thế Rồng chầu, Lân phục.

Toàn bộ làng mạc ruộng vườn của nhân dân trong xã nằm gọn trong hai vòng cung núi đồi nói trên.Vòng cung núi đồi này đối diện với vòng cung sông Hoàng Long phía chân núi Bồ Đình. Bên này núi non hùng vĩ, bên kia sông uốn lượn nên thơ, thật là thư hùng giao hoan, sơn thủy hài hòa là vùng đất hun đúc khí thiêng sông núi, nơi mà *"Đại Hữu sinh vương Điềm Dương sinh thánh"* là đây.

Núi Bái Đính nằm ở giữa hai vòng cung đồi núi này với độ cao gần 200m là đỉnh cao nhất ở đây, tất cả các ngọn núi, đồi của hai vòng cung đều quay về Bái Đính như triều bái. Núi đồi phía tây Bái Đính tạo dòng chảy về phía tây, nước đổ về xã Sơn Lai (Nho Quan). Phía đông Bái Đính nước đổ về sông Hoàng Long. Mùa mưa phía đông Bái Đính có 5 dòng chảy chính. Phía bắc Bái Đính có hai dòng chảy: Dòng thứ nhất từ núi Khơi, Ao Hồ... chảy ra Cầu Đá. Dòng thứ hai từ các đồi Nủm, bãi Xích Chó... chảy theo Sòng Bò ra Đồng Nứa. Phía nam Bái Đính cũng có hai dòng chảy: Dòng thứ nhất từ Cửa Ui ra Hang Nước. Dòng thứ hai từ vùng đồi Voi, đồi Lều, sườn phía

nam Bái Đính chảy ra Bến Bổi (Đồng Mơ). Chính giữa là dòng chảy từ Hóc Cả xuống sòng Mo.

Là vùng đất đồi núi, đồng ruộng giao thoa do vậy ở vùng này có rất nhiều mom nước tự nhiên nước quanh năm không bao giờ cạn điển hình là mom nước *"rốn rồng"* nằm ở đồi Lê phía tây Bái Đính và mom nước *"hóc Cà Phê"* phía đông núi Đính. Trong quần thể núi đá, do là vùng rốn nước mùa mưa nước ngập 5-6 tháng vì vậy đã tạo ra rất nhiều hang động đẹp. Các ngọn độc sơn cạnh sông Hoàng Long như núi Lê, núi Hòn Cay, núi Hàm Rồng có hình dáng kỳ thú. Trong lòng các ngọn núi Phường, núi Bái Đính, núi Ấn Mã đều có những hang động thần tiên. Động Bái Đính được xem là đẹp nhất vùng *"Bàn Long, Bích Động xem còn kém đây"*. Đường hang động xuyên núi Ấn Mã ở cánh cung phía đông nam, cửa phía bắc là Hang Vồng, cửa phía nam là Hang Nước tên là động Long Ẩn với độ dài gần 2km được coi là một trong những đường thủy động đẹp nhất trong quần thể hang động Tràng An.

Núi đá, đồi đất xen lẫn ruộng cấy lúa, phía tây bắc là sông Lê, phía đông bắc là sông Hoàng Long. Bái Đính là vùng kinh tế đa năng. Rừng và núi đá không những cung cấp vật liệu xây dựng mà còn có nhiều các loại dược liệu, động, thực vật khác. Động vật ở đây rất phong phú dưới sông là tôm, cá, ba ba, rái cá... Trên núi là chồn, sóc, cầy hương, đon, khỉ, sơn dương, rùa, trăn, rắn, ốc núi... Trước đây mùa ngô vào "bắp", cứ vàng vàng mặt trời là từng đàn khỉ lại hú gọi nhau xuống bẻ ngô

dân trồng trong các thung lũng. Còn ốc núi thì ngay cả bây giờ cứ mưa đầu mùa hạ, ngay sau mưa bạn lên núi là có thể bắt được hàng vốc. Nếu có ốc núi, bạn hãy thả vào nước, ngâm khoảng nửa ngày để nó thải hết rớt rãi, sau đó rửa sạch rồi luộc tới chín, khều ruột chấm mắm gừng. Đây là món đặc sản vừa ngon, vừa bổ dưỡng. Chim chóc ở đây cũng còn nhiều loại đúng là trong rừng ba mươi sáu thứ chim như: my, sáo, khướu, đa đa, bìm bịp, cu gáy, vàng anh, phượng hoàng đất (còn thấy xuất hiện ở vùng thung Ui và vùng núi giáp với Trường Yên), gà rừng, chèo bẻo... Nếu đi buổi sáng bạn sẽ được nghe tiếng ríu rít của my,tiếng véo von của khướu, buổi chiều nắng quái về hôm tiếng gù của cu gáy lại làm bạn thấy gần gũi trong cảnh làng quê thanh bình. Động vật là thế, thực vật cũng rất đa dạng, cây lấy gỗ có rất nhiều loại như: Trai, sến, táu, ô dô, dò vàng (cây này còn cho quả ăn rất ngon) mang, muồng, trắc, trắc thối (gỗ sưa: ở núi Thần làng Lương Sơn có rừng sưa hàng ngàn cây)... Rau quả đủ loại, một số đặc sản đến nay vẫn còn như rau sắng (ở núi Thờ, Lương Sơn), hạt dẻ (ở núi Thanh Lương), rêu đá (hay còn gọi là sún đá) thường có sau mưa, lấy về rửa sạch chần qua nước sôi, vắt khô trộn với vừng, rau thơm bạn sẽ có món nộm tuyệt vời. Trong hầu hết các thung lũng đều có rất nhiều cây rau rướng, lá dùng để nuôi lợn, vỏ loại cây này là nguyên liệu duy nhất để chế tạo giấy gió. Điều đặc biệt là trên khắp núi, đồi, đồng ruộng quanh vùng Bái Đính có rất nhiều loại nam dược như: Hà thủ ô, Sơn thù (rễ cây sơn thù), Hoàng

bá (cây núc nác, loại cây này vỏ làm thuốc, gỗ rất giống vàng tâm nên dân gian có câu: Vào rừng không biết lối ra, thấy cây núc nác tưởng là vàng tâm), Hoài sơn, Cát căn, Đỗ trọng (vỏ cây sang trắng), Bán hạ, Bách bộ, Sinh địa, Chân chim, Ngũ gia bì, Kê huyết đằng, Bạc khau, Phòng phong, Bồ công anh, Bông má đề, Kim ngân, Lạc tiên, Bìm bìm, Bình vôi, Rẻ quạt, Khiếm thực (củ súng), Liên nhục (hạt sen), Ngũ bội tử, Cà độc dược, cây trinh nữ, dây hoàng đằng, Nam bạch chỉ, bồ chích, Đậu xương, rễ mặt quỉ, y thiêm, mục thông, bổ cốt toái, thổ phục linh, lông công, bồ chích sâm, đẳng sâm... Thật xứng danh là vùng Sinh Dược (thuốc sống). Đồi đất để chăn nuôi, phát triển cây công nghiệp như mía, dứa, vừng, lạc và các loại cây màu như khoai, sắn nhiều loại cây màu đặc sản như củ từ, dong trắng, khoai sọ ở vùng này ngon nổi tiếng. Ruộng chiêm, ruộng mùa năm hai vụ lúa một vụ màu và trồng rau xanh cung cấp đủ cho nhân dân trong xã. Ấy vậy mà do là vùng xả lũ trước đây khi chưa có đê quai năm nào lũ lụt cũng tàn phá nặng nề, các trận lụt của những năm 1978, 1985 cả xã hầu như nhà nào cũng bị thiệt hại về nhà cửa, hoa màu. Đất thì nhiều song chỉ cấy được một vụ, dân không đủ ăn. Các làng Lê và Sinh Dược, Xuân Trì có lẽ trước kia là rừng rậm và đầm lầy do phù sa sông Hoàng Long vùi lấp đi mà nên, bằng chứng là khi đào, nắn sông Hoàng Long từ Gia Lạc đến Gia Sinh, dưới mặt đất là một lớp than bùn nhiều chỗ còn cả những thân cây to bị vùi lấp đường kính rộng hàng mét. Từ xa xưa hàng năm phù sa theo

nước lũ chảy về lắng đọng ở chân các ngọn núi, đất cứ thế nổi dần lên thành gò đống rồi thành các bãi lớn, dân đến đây khai khẩn dựng thành xóm ấp làng mạc.

Theo các tài liệu khảo cổ được công bố gần đây thì vùng Bái Đính trước kia đã là nơi ở của người việt cổ. Tại núi Thung Bình nay thuộc xóm 7 xã Gia Sinh có 5 hang đá quay về phía đông nam của núi, mỗi hang diện tích từ 50-70m^2 cửa hang cao từ 7-9m so với mặt ruộng. Trên nền hang xuất hiện tầng văn hóa khảo cổ gồm vỏ nhuyễn thể nước ngọt (ốc núi, ốc suối, trùng trục...) vỏ nhuyễn thể nước mặn (ốc bù giác, hầu, sò huyết, ngao dầu) cùng xương thú và công cụ đồ đá được làm từ đá cuội. Đây là những di tích thuộc nền văn hóa khảo cổ học đá mới Hòa Bình cách ngày nay trên dưới một vạn năm. Cũng nói thêm rằng cách núi Thung Bình về phía đông nam khoảng 3km là thung Ui, nơi có hang Bụt là nơi đã phát hiện di chỉ khảo cổ học thời đại văn hóa Hòa Bình. Cư dân văn hóa Hòa Bình thường sống thành từng nhóm (nhóm hang, núi đá) quay theo hướng nam hoặc tây nam khai thác nguồn thức ăn ở những thung lũng (hoa, quả, củ, chim, thú, nhuyễn thể). Những di vật là vỏ nhuyễn thể biển cho thấy cư dân văn hóa Hòa Bình ở đây đã tiếp xúc và khai thác nguồn thức ăn ở biển (biển lúc đó còn vỗ sóng ở vùng Trường Yên, Hoa Lư cách đó khoảng từ 3-4km). Điều đáng chú ý là lớp trên của tầng văn hóa khảo cổ còn xuất lộ một số mảnh gốm thuộc giai đoạn thời kỳ kim khí cách

ngày nay từ 3.000 đến 4.000 năm. Trong thung Ui là thung Lang, thung Cùng và các thung khác... theo truyền thuyết là kho, đụn của các triều đại trước đây, vùng này còn lưu truyền câu ca: *"Thung Cùng cho chí thung Lang, hàng trăm thỏi vàng ta để có nơi"*.

Cũng theo tài liệu khảo cổ, dưới chân đồi phủ lăng thờ Duyên Khang công chúa và Trưởng Quốc công chúa, vào mùa nước cạn xuất lộ vỉa gạch ngói dạng gạch thất (xây thành) gạch vuông (lát nền) trang trí hoa sen, đầu ngói ống trang trí hoa súng giúp chúng ta nhận biết nơi đây dưới thời Đinh, Lê cách ngày nay khoảng một ngàn năm có những công trình kiến trúc qui mô. Chúng ta đã biết rằng Đinh Tiên Hoàng Đế trước khi xây dựng kinh đô Hoa Lư Ông đã cho xây dựng hành đô (kinh đô tạm thời ở vùng Sơn Lai, Nho Quan). Vậy địa điểm Phủ Lăng nằm ở phía hữu sông Hoàng Long là nơi trung gian giữa hành đô và kinh đô Hoa Lư nên có vai trò hết sức quan trọng về mặt quân sự, là địa điểm trung gian cả về đường sông lẫn đường bộ, là cửa ngõ từ vùng núi phía tây bắc (nơi có đường thượng đạo Bắc Nam) về kinh đô Hoa Lư. Không chỉ dưới triều Đinh, Lê mà nhiều triều đại sau này đã lấy vùng Bái Đính làm căn cứ chống quân xâm lược.

ĐC: 955

Đất lành chim đậu, trải qua các thời kỳ lịch sử dân các nơi đến vùng Bái Đính lập nghiệp ngày càng đông. Người thì thấy đất đai màu mỡ đưa gia đình, họ tộc đến sinh sống. Người thì đi lánh nạn do sự truy đuổi của chính quyền nơi

khác, đến đây tá túc rồi lấy vợ đẻ con tạo nên cả dòng họ. Người thì là quan quân triều đình đi chinh chiến qua đây bị chinh phục bởi các cô thôn nữ, sau khúc khải hoàn đã quay về xây dựng gia đình rồi trở thành công dân chính thức dưới chân núi Đính Sơn. Mỗi họ, mỗi người một hoàn cảnh khác nhau, đây là nơi quần cư của nhiều dòng họ trên khắp vùng miền đất nước. Cư dân ngày một đông đúc tạo thành làng mạc. Lịch sử các làng được kể như sau:

Các làng Lê

Bà Vĩnh An Hoàng hậu (thời Lê Trung hưng) xuống tóc đi tu ở chùa Hạ, làng Lê Hạ Chấn Hưng ngày nay, một thời gian sau thấy vùng núi non cảnh đẹp trên bến, dưới thuyền Bà đã đến khai phá và dựng nên chùa Lê (chùa toạ lạc ở phía tây bắc núi Lê, nhìn xuống dòng sông Lê) rồi trụ trì ở đây, từ đó núi này cũng gọi là núi Lê. Cùng với việc dựng chùa Bà cùng nhân dân trong vùng khai khẩn đất hoang, nông tang cày cấy, dân theo đến ngày một đông lập nên chín làng Lê. Bà đặt tên là: Lê Đò (nay thuộc xã Gia Lạc) Lê Chòm (nay thuộc xã Gia Phong) Lê Hạ, Lê Hậu, Lê Trung, Lê Côi, Lê Phú (nay thuộc xã Gia Trung) Lê Thượng, Lê Trì (nay thuộc xã Gia Sinh) thuộc tổng Lê Xá. Tổng Lê Xá tồn tại hàng mấy trăm năm trong lịch sử làng xã Việt Nam.

Lê Thượng, Lê Trì hai làng nằm sát bờ sông Lê (nay gọi là thôn Lương Sơn) dưới chân núi Lê, sát ngã ba sông (nơi sông Lê đổ ra sông Hoàng Long) tại đây có chợ Lê quanh năm sầm uất, tấp nập kẻ mua, người bán, nhất là các loại hàng nông sản đặc biệt là các loại hàng sản xuất từ tre, nứa như: thuyền, nong, nia, thúng, mủng, dần, sàng, riu tép, đó tôm, đó cua... Nay những thứ này hầu như không còn. Chợ Lê cũng họp tại hai địa điểm của hai xã Gia Lạc và Gia Sinh.

Làng Lê Thượng, Lê Trì đều thờ đức thánh Cao Sơn và bà Chúa Lê Triều làm Thành Hoàng làng. Cả hai làng đều có đình trung, lễ hội làng được tổ chức vào ngày 15 tháng 10 âm lịch hàng năm. Hiện nay ở Lương Sơn có 9 dòng họ sinh sống. Số đông nhân dân hai làng đã chuyển lên khu đồi phía trên sau trận lụt năm 1985.

Di tích chùa Lê không còn thay vào đó là trường THPT Gia Viễn C. Đình Trung hai làng, miếu thờ Đức Khổng Tử ở Đồi Gai cũng không còn. Hiện nay ở Lương Sơn còn đền Ba Cây thờ Bà Chúa Lê Triều Kim Anh Từ Hòa Công Chúa, đền Thánh Quận thờ Lễ Quận Công Bùi Thời Trung, đền ở núi Thanh Lương thờ Chúa Bạch, đền cây Chò thờ Đức Thánh Cao Sơn.

Dân ở các làng Lê chủ yếu làm nghề trồng lúa và rất giỏi việc đánh bắt các loại tôm, cua, cá, tép... vì sông Lê bắt nguồn từ vùng Rịa, Nho Quan chảy xuống, mang theo rất nhiều thức ăn, do vậy vùng ngã ba sông Lê có rất nhiều cua cá... Mắm tép chợ Lê ngon nổi tiếng có lẽ đây cũng là vùng

sản sinh và lưu truyền thương hiệu mắm tép Gia Viễn cho đến ngày nay. Ngồi bên bát mắm tép thơm ngon, đậm đà chân quê vừa thưởng thức bạn vừa nghe kể về các công đoạn để có sản phẩm này.

Người đồng chiêm trũng dùng lủi, riu, đó, vó... để bắt tép. Lủi, riu, đó... đều được làm bằng tre, tre nạc chẻ nan đều như que tăm vót nhẵn, dài ngắn khác nhau tuỳ theo dụng cụ cần làm. Lủi hình phễu dài khoảng 1,5 đến 1,8m, miệng hình thang, nan che kín cả trên dưới và hai bên, các nan được đan cố kết với nhau bằng sợi móc lấy từ cây móc mọc rất nhiều trên núi, đan xong từng mảnh được buộc vào khung chắc chắn, lủi dùng bắt tép ở vùng nước sâu. Riu gần giống lủi, nhưng dùng bắt tép ở vùng nước nông nên phía trên để hở, phía trước thân riu là càng riu bằng năm, sáu thanh tre dài khoảng 2m phía ngoài cùng buộc lại rồi dùng dây níu vào thân riu, tạo độ cong để cản rong rêu, trong thân riu có hai khoang, khoang phía trong nhỏ hơn dùng để chứa tép. Đi riu tép là việc khó vì vừa phải đun về phía trước lại phải vừa nâng để riu không sục xuống bùn, tốc độ không nhanh, không chậm, tối kỵ không được đẩy giật cục làm sao để tép không chạy ra khỏi riu.

Đó dùng để đơm tép thường gọi là đó bùi vì nó giống quả bùi, quả trám, đó gồm hai nửa nếu tách đôi dán giấy trắng có thể làm chao đèn. Đó có hai ngóng đặt hai bên ngược chiều nhau, một đầu buộc kín, một đầu hở để đổ tép ra khi đơm

phải đút nút đầu này lại. Đó thường đơm ở nơi có dòng nước chảy, vào những đêm có gió nồm và trăng sáng là đơm được nhiều tép nhất, tép là loài rất nhạy cảm với ánh sáng, trăng càng sáng tép càng đi mạnh. Không có trăng thì dùng đèn, đuốc, nước không chảy thì đắp tròn một khoảnh ruộng to bằng gian nhà rồi đặt đó, cạnh đó là đèn, cứ thế tát từ trong ra, nước ở ngoài chảy vào, có dòng nước chảy, thấy ánh sáng tép đi theo vào đó, đây là hình thức tát bỗng. Giữa đêm đông giá lạnh, ánh lửa bập bùng, tiếng gầu tát nước ì uồm, để kiếm con tép con tôm, cái tần tảo của nông dân quê tôi là vậy.

Đãi tép, tép bắt được từ riu, lủi, đơm đó... không sạch ngay mà phải đãi để bỏ hết rờm rác. Rá đãi tép to và nông, đường kính khoảng 1m bên trên có thanh tre buộc ngang. Khi đãi, một đầu rá gác lên cọc tre, đầu này cao hơn mặt nước, đầu còn lại tỳ vào chân người đãi, thấp bên dưới mặt nước. Người đãi tép phải đứng đối diện với mặt trời, đổ tép vào rá xong một tay vỗ nhẹ, đều trên mặt nước tép thấy động chạy về phía trước, một tay nhặt rác vất về phía sau các động tác phải rất nhẹ nhàng, chính xác không để cho tép chết. Muốn tép khô phải vảy, vảy tép là cả một nghệ thuật, thường ngày chỉ có một ít rau sống mà bạn không có cách nào làm cho hết nước, vảy không khéo thì trong tay bạn chỉ còn rổ, rau văng hết ra ngoài. Rổ vảy tép thường nhỏ, lòng sâu đựng khoảng 2kg tép, khi vảy chân bước rộng hơn vai, người đứng chéo khoảng 30 độ hai tay cầm rổ

tép đưa về phía trước với tốc độ chậm vừa phải khi rổ đến ngang đầu thì đưa xuống tốc độ nhanh hơn, thỉnh thoảng xóc đảo từ dưới lên trên, cứ thế khi nào hết nước thì thôi.

Làm mắm tép, mắm tép có nhiều loại, tuỳ từng loại tép (phải là tép tươi) mà làm mắm cho phù hợp. Mắm xổi thường làm để ăn ngay loại này không kén tép, tép rửa sạch để hết nước cho vào cối giã, sau đó trộn muối thường thì cứ 3,5 tép 1 muối, sau này nếu nhạt cho thêm, khoảng 5 đến 7 giờ sau thì đổ nước trộn thính, dùng nước sôi để nguội 1kg tép một lít nước là vừa. Thính có thể là gạo hoặc ngô rang thật vàng, giã nhỏ trộn đều bịt kín tránh ruồi nhặng. Mắm canh (còn gọi là mắm nén) loại này thường để lâu do vậy phải làm loại tép già nhỏ đều, trên mình có chấm đỏ, gọi là tép đỏ. Tép rửa xong để khô không cần giã chỉ bóp đều với muối (muối nhiều hơn so với làm mắm xổi, 3 tép 1 muối), thính gạo không cần giã, xong trước khi trộn cần ngâm một lát cho mềm. Các loại mắm trước khi ăn dăm ngày đổ vào một ít rượu cho vừa đỏ, vừa thơm. Mắm tép thường được chưng với thịt ba chỉ, hành và một ít lá gừng.

Làng Sinh Dược

Cách đây gần một ngàn năm Đức Thánh Nguyễn Minh Không (1066 - 1141) đã đến động

Nguyễn Minh Không (1066 - 1141), người lập động thờ Phật trên đỉnh núi Bái Đính và lập vườn Sinh Dược để chữa bệnh cho nhân dân

Tượng đồng thờ ở đền Lý Quốc Sư trên đỉnh núi Bái Đính

trên núi Bái Đính, vừa tu hành Ông vừa hái thuốc trên núi, trồng thuốc dưới thung lũng để trị bệnh cứu người, cứu nhân độ thế. Chữ Sinh Dược nghĩa là thuốc sống từ đó mà ra. Chữ này được đặt tên cho làng, có dân đến ở đầu tiên gần núi Bái Đính nhất, đó là làng Sinh Dược. Nói Bái Đính ở vùng Sinh Dược cũng đồng nghĩa với nói ở vùng Sinh Dược có núi Bái Đính vậy.

Dân làng Sinh Dược sống quần tụ xung quanh chân núi Làng Đồi, phía bắc còn có trại Đồng Lâm, trại Quèn đều thuộc làng Sinh Dược. Nuí Làng Đồi như một đĩa xôi, núi Nhãn như con gà trống chầu về đĩa xôi nên đất ở đây rất phồn thịnh, dân cư đông đúc là tâm điểm của các làng xung quanh. Theo gia phả các dòng họ còn để lại thì việc định cư ban đầu không tập trung ở làng Sinh Dược mà rải rác ở khắp các vùng đồi chân núi Bái Đính. Họ Phạm (hiện nay ông Phạm Văn Dũng trưởng họ đời thứ tám) đến định cư ở vùng Sòng Bò, (trường cấp 1+2 bây giờ) lập nên thôn Ninh Cư, tại đây xây dựng đền Tư thờ Bà Chúa An Cư (Ngọc Dong Công chúa)

Họ Nghiêm (ông Nghiêm Văn Nghiên trưởng họ đời thứ 10) từ Nam Định vào lập ấp ở vùng núi Cấn, trại di cư lập nên thôn Tây Hồ, các họ khác lập nên thôn Đông Hồ, tại đây xây đền Phú Vinh thờ bà chúa Kim Tinh, nay ở nhà thờ họ Nghiêm còn câu đối:

Nguyên cư Ba Hạ Nghĩa Hưng Nam Định Tỉnh
Định cư Sinh Dược Tây Hồ tân lập ấp.

Tạm dịch nghĩa:

Gốc dòng họ ở Ba Hạ, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
Đến định cư ở Sinh Dược lập ấp mới Tây Hồ

Ông tổ 10 đời của họ Nghiêm là Nghiêm Đình Thông đã được phong tới chức nhất binh bảo vệ Đô Kỳ, đô đốc chỉ huy quân bảo vệ kinh thành Thăng Long (sắc phong ngày 26 tháng 2 năm Cảnh Hưng 44, vua Lê Hiển Tông 1740-1786) câu đối tại nhà thờ họ Nghiêm còn ghi:

Tướng lĩnh quân cơ thành cửa bắc.
Thăng Long nuôi mãi chí anh hùng

Họ Trần Đăng (trưởng họ ông Trần Văn Xuân đời thứ 11) là thân tộc nhà Trần từ vùng Tức Mạc phủ Thiên Trường buộc phải theo họ Hồ vào Thanh Hóa. Sau thấy vùng Bái Đính là nơi đất linh thiêng nên về đây lập nghiệp. Hai Công Chúa nhà Trần là Duyên Khang Công Chúa và Trưởng Quốc Công Chúa thờ ở phủ Lăng là người của họ Trần này. Câu đối ở nhà thờ họ Trần Đăng còn ghi:

Lam Sơn lưu trú truyền gia phả
Đính Lĩnh chung linh bốc thế cư

Tạm dịch nghĩa:

Lưu trú ở Lam Sơn lập gia phả truyền lại đời sau.

Núi Đính linh thiêng chọn làm chỗ định cư dòng họ.

Họ Trần Đức (trưởng họ ông Trần Ngọc Hoàng đời thứ 7) ông tổ là Trần Đức Vi quê ở Bình Định, là quan Đô Ty hạt Hoàng Đan thời Tây Sơn. Ông là người đã phò vua Quang Trung làm lễ tế cờ ở núi Bái Đính trước khi tiến về Thăng Long đại phá quân Thanh. Sau ngày chiến thắng Ông quay về Sinh Dược lấy vợ lập nên dòng họ Trần Đức. Còn rất nhiều dòng họ khác mà các bậc tiền nhân để lại lời ngợi ca về quê hương Sinh Dược như câu đối ở nhà thờ họ Ngô ghi:

Sinh Dược linh đơn thọ thế gia
Ngô tộc chư nhân trịnh thái hòa.

Tạm dịch nghĩa:

Sinh Dược có nhiều thuốc quí giúp mọi người sống lâu.
Đại tộc họ Ngô luôn sống nhân hoà hạnh phúc.

Việc sống tản mát thời xưa dễ bị trộm cướp và người ngoài quấy nhiễu, dần dần từ các thôn Ninh Cư, Tây Hồ, Đông Hồ, dân chuyển về ở cả làng Sinh Dược tạo nên sự cố kết mạnh mẽ. Các nhà ở mé làng đều đào ao, bờ ao trồng tre, trồng mây để vừa có vật dụng, vừa là rào chắn chống đỡ sự xâm phạm từ bên ngoài. Làng Sinh Dược có đến 30 dòng họ định cư, nhiều họ đã có tới 15 đời sinh sống ở đây như: họ Nguyễn (ông Nguyễn Văn Nhan trưởng họ) họ Nguyễn (ông Nguyễn Văn Khoa trưởng họ).

Làng Sinh Dược thờ Quý Minh Đại Vương làm Thành Hoàng làng (Quí Minh và Cao Sơn là hai tướng tả hữu của Tản Viên Sơn Thánh, con rể Vua Hùng Vương thứ 18. Quý Minh sau này phát Thành Hoàng được nhiều nơi thờ tự trong đó có làng Sinh Dược). Bài vị thờ Thành Hoàng đặt trên long ngai ở hậu cung đình làng có ghi: Thần vũ nhân dũng Quí Minh Đại Vương. Sắc phong cổ nhất hiện nay còn lưu giữ được là ngày 26/7/1784 (năm Cảnh Hưng thứ 44) vua Lê Hiển Tông sắc phong Đức Thánh Quí làm Thành Hoàng làng Sinh Dược.

Làng Sinh Dược cũng xây dựng nhiều nơi thờ tự như: Đền thờ Đức Thánh Nguyễn, đình Chợ (ở chợ Sinh Dược cũ), chùa Đà A thờ phật, bà Chúa Kim Tinh, Đền Bóng thờ quan Đệ Tứ, chùa Bái Đính thờ thần Cao Sơn, thờ Phật, thờ Mẫu, đình Trung thờ Thành Hoàng, văn chỉ thờ Đức Khổng Tử trên đỉnh núi Làng Đồi, Đền Tư, Đền Mom. Đến nay chỉ còn đền Đức Thánh Nguyễn, đền Bóng, đền Tư, chùa Bái Đính, đình Trung các nơi khác hầu như đã hư hỏng.

Dân làng Sinh Dược chủ yếu là sống bằng nghề nông trồng lúa, trồng màu một số thì khai thác lâm sản và nam dược, nghề này đến nay không còn.

Làng Xuân Trì

Làng Xuân Trì khi khai hoang lập ấp gọi là

làng Ao Hạ ở sát sông Hoàng Long (vùng cầu Đen bây giờ). Song vì hay bị bọn đạo tặc ở dưới sông lên quấy nhiễu (tộc phả họ Trần Đăng làng Sinh Dược còn ghi rằng, có lần dân làng Ao Hạ bị bọn đạo tặc kéo đến đe dọa, dân làng Ao Hạ đến cầu ở Phủ Lăng hai Bà Công Chúa nhà Trần hiển linh làm bọn đạo tặc phải khiếp sợ bỏ chạy) nên làng chuyển về chỗ ở hiện nay. Làng tựa lưng vào dãy núi Hang Trai và núi Phường. Lúc đầu gọi là trang Xuân Trì (Trì Trang) sau đổi là làng Đào Ao. Ngày 15/2/1821 (năm Minh Mệnh thứ hai) chính thức đổi tên là làng Xuân Trì (cái ao mùa xuân). Làng Xuân Trì trù phú với hơn 20 dòng họ sinh sống có thời gian là xã Xuân Trì có Lý Trưởng riêng.

Từ khi còn ở làng Ao Hạ dân làng đã xây dựng đền Hàng Xóm thờ quan bản thổ, tiếp đến là đền Đầu Ghềnh ở đầu núi Phường thờ Thượng Thượng Đẳng Thần, chùa Quai Thao ở núi Dọc thờ Bà Chúa Quai Thao, Phủ Lăng thờ hai Công Chúa nhà Trần. Khi chuyển về Xuân Trì làng xây dựng đình Trung 5 gian và 3 gian hậu cung thờ Thành hoàng, theo sắc phong thần ngày 25/7/1925 (Khải Định năm thứ 9) thì làng thờ "Đô Tổng Đốc Thái Giám Thượng Quận Công" làm Thành Hoàng, lễ Thành Hoàng tổ chức vào ngày 13.10 âm lịch hàng năm. Năm 1938, ông Đỗ Văn Tặng tiến cúng xây dựng chùa ở làng gọi là chùa ông Hậu Tặng (chùa do ông tự Cơ làm vãi nên dân gian thường gọi là chùa ông Cơ), năm 1962 chùa bị bão C tàn phá do vậy phải dỡ đi chỗ khác.

Tất cả, đình, đền, chùa đều hư hỏng theo thời gian, thuộc làng Xuân Trì nay chỉ còn Phủ Lăng thờ hai Công Chúa nhà Trần là còn nguyên vẹn. Lễ ở Phủ Lăng được tổ chức vào ngày 19.9 âm lịch hàng năm, đền Đầu Ghềnh ở núi Phường mới được dựng lại.

Từ những năm 1960 với chính sách giãn dân để xây dựng kinh tế, một số gia đình ở các làng Lê Thượng, Lê Trì, Sinh Dược, Xuân Trì chuyển lên ở quanh núi Bái Đính. Nhân dân ở vùng ngoài đê xã Gia Tiến chuyển vào ở khu vực đồn điền Chu Văn Luận lập nên thôn Sơn Tiến. Sau trận lụt 1985 số dân chuyển lên đồi ngày càng đông, lập nên 11 khu vực dân cư như ngày nay.

Tên gọi của xã Gia Sinh theo thời gian:

- Năm 1802 (năm Gia Long thứ 3) Sinh Dược là một làng trong tổng Lê Xá của huyện Gia Viễn.

- Năm 1937 (Bảo Đại thứ 11) Sinh Dược, Xuân Trì là hai thôn của tổng Lê Xá thuộc huyện Gia Viễn.

- Năm 1946 (sau cách mạng Tháng Tám) Sinh Dược, Xuân Trì, vùng chợ Lê, Chi Phong (Trường Yên) được gọi là xã Hưng Long.

- Năm 1949 đổi tên xã Hưng Long thành xã Gia Ninh.

- Năm 1954 đổi tên là xã Gia Sinh gồm có hai làng Sinh Dược và Xuân Trì.

- Năm 1976 nhập thôn Lương Sơn của xã Gia Ninh, lập thôn mới Sơn Tiến, cả xã có 11 thôn. Từ đó đến nay địa giới hành chính của xã không thay đổi.

Chương II:
Di tích và danh thắng

Đây là nơi đồng ruộng, đồi, núi, sông suối xen lẫn nhau như vịnh Hạ Long trên cạn nhiều thắng cảnh như: Động chùa Bái Đính, Động Long Ẩn, Phủ Lăng... nổi tiếng khắp nơi. Trong suốt chiều dài của lịch sử làng xã rất nhiều công trình kiến trúc phục vụ dân sinh như đường xá, cầu cống. Các đình, đền, lăng tẩm phục vụ việc thờ tự. Nhiều lễ hội, phong tục tập quán còn in đậm nét văn hóa đặc sắc của địa phương, và công lao to lớn của các bậc tiền nhân.

Tại địa phương còn lưu giữ được 30 đạo sắc phong của các triều đại trước đây trong đó có 27 đạo sắc phong thần, cho các vị thần được thờ ở 3 làng Sinh Dược, Xuân Trì, Lương Sơn, 3 đạo sắc phong cho các tướng lĩnh và những người có học vị cao. Nhiều đạo sắc chỉ còn ghi lại được ngày tháng năm, triều đại phong sắc, những đạo sắc còn đầy đủ nội dung lần lượt được giới thiệu ở các phần sau.

Người dân Sinh Dược và vùng xung quanh đã sáng tác và lưu truyền những vần thơ mộc mạc ca ngợi quê hương mình:

Nhác trông lên thấy núi đồi san sát
Không đâu bằng cảnh đẹp Đính Sơn
Cả một vùng núi núi, non non
Cây chen đá, cỏ hoa lồng bóng nguyệt
Lãng đãng trời mây kìa ánh tuyết
Phải đây là cảnh vật tuyệt nhân gian
Hỏi giang san gấm vóc của ta chăng
Kìa ai đó rợ xích thằng luấn quấn
Nhất thiên thu cảnh vô nhân vấn
Bán dạ thu phong vọng nguyệt hằng
Đông đáo tịch, dương muông thú ẩn
Hạ, hồi thoả mộc sắc sinh hương
Qua bao đồi núi khắp miền gần xa
Thung Bình, Đồng Bái, Ổ Gà
Hang Thanh, Hóc Cả, chạy ra Đầu Chòi
Giếng Rồng, hang Hút, ao Soi
Lỗ Lươn, giếng Bái ta ngơi gót vàng
Dạo chơi phong cảnh một vùng
Ba Rau, Đống Củi, Ổ Rồng, Bẹn Tiên
Sòng Ngang, Quai Vạc một miền
Trũng Nhội lên Đính tới liền hang Ông
Dạo qua hang Tối ngóng trông
Vòng vào hang Sáng trông sang cửa Vàng

Núi Môn, Cánh Cốc, Đồi Chàng
U Bò, núi Cấn, Rùa Vàng, hang Dơi
Chùa Lê dừng gót nghỉ ngơi
Kỳ Lân thuận nẻo, đồi Gai đi về
Lê Thượng mến cảnh đồng quê
Quèn Ma đường cũ lối về Độc Trang
Vòng qua lại tới đồng Khoang
Một vùng non nước, xóm làng dạo chơi
Thanh Lương, hang Đọ nghỉ ngơi
Hoàng Long nước mát lại xuôi Hang Tiền
Hàm Rồng ngả bóng Đồng Vàng
Đồi Thờ thuận nẻo Tràng An đi về
Mục Hòan bản cổ cảnh quê
Đền trên, miếu dưới đi về viếng thăm
Đính sơn cảnh sắc điệp trùng
Có cây chen đá, hoa ngàn ngát hương
Bước chân lữ thứ dặm trường
Tình quê sâu đậm lòng thương dạt dào
Ấy ai tục khách ra vào
Nội tâm sáng tỏ khác nào sao Khuê.

Sau đây xin giới thiệu cùng bạn đọc một số di tích, danh thắng vùng Bái Đính.

1. Đình Trung làng Sinh Dược và Lễ hội Kỳ Phúc

I. Đình Trung làng Sinh Dược

Miếu Vũ thờ Thành Hoàng và đình Trung làng Sinh Dược được xây dựng từ thời Lê Trung Hưng. Dân làng Sinh Dược thờ Đức Thánh Quí làm Thành Hoàng làng. Hiện còn lưu giữ được 7 đạo sắc phong thần của các triều đại cho Thành Hoàng làng Sinh Dược:

Đạo sắc thứ nhất ngày 26.7.1784 (năm Cảnh Hưng thứ 44)

Đạo sắc thứ hai ngày 4.12.1824 (năm Minh Mệnh thứ 5)

Đạo sắc thứ ba ngày 18.6.1844 (năm Thiệu Trị thứ 4)

Đạo sắc thứ tư ngày 4.12.1844 (năm Thiệu Trị thứ 4)

Đạo sắc thứ năm ngày 24.11.1880 (năm Tự Đức thứ 33)

Đạo sắc thứ sáu ngày 1.7.1887 (năm Đồng Khánh thứ 2)

Nội dung:

Sắc hiệu linh đôn tĩnh hùng hậu trắc vĩ Cao Sơn Thượng Đẳng Thần

Tượng Thần Cao Sơn Đại vương
thờ trên động đỉnh núi Bái Đính

Truy lương linh diệu địch cắt lăng tĩnh Quí Minh Thượng Đẳng Thần

Linh tuệ trừng tĩnh viên thông đoan tiên Minh Không thiền sư chi thần

Hướng lai hộ quốc tí dân nẫm trứ linh ứng tiết mông ban cấp.

Tặng sắc lưu tự tứ kim phi ưng.

Cảm mạnh miễn niệm thần hưu khả gia tặng linh bảo trung hưng các đẳng thần.

Nhưng chuẩn hứa Ninh Bình tỉnh, Gia Viễn huyện, Sinh Dược xã, y cựu phụng sự thần kỳ tương hữu bảo ngã lê dân khâm tai

Đồng Khánh nhị niên thất nguyệt sơ nhất nhật.

Đạo sắc thứ bảy ngày 11.8.1809 (năm Duy Tân thứ 3).

Trên long ngai thờ, bài vị của Thành Hoàng Làng còn ghi rõ "Thần Vũ nhân dũng Quí Minh Đại Vương". Thần phả Quí Minh Đại Vương do Hàn lâm viện đông các đại học sỹ thần Nguyễn Bính Phụng soạn. Quản giám bách thần chi điện hùng lĩnh thiếu khanh thần: Nguyễn Hiền y chính bản phụng tả, vào năm Vĩnh Hựu thứ hai (1737, đời vua Lê Ý Tông). Hiện còn lưu giữ bản chữ Hán tại đình làng Lỗi Sơn, xã Gia Phong, huyện gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, nội dung như sau:

Thần phả
Quí Minh Đại Vương

(Theo ngọc phả lục thuộc càn chi nhất thượng đẳng thần quốc triều chính bản của bộ lễ)

Thời xưa cuối đời họ Hùng là thời Duệ Vương (Hùng Duệ Vương, huý là Huệ Lang sinh năm canh thân 421 Tr.CN, lên ngôi khi 14 tuổi, làm Vua đến năm 258 Tr.CN). Nước ta từ đạo Sơn Tây, phủ Quảng Bá, huyện Gia Hưng, động Lăng Xương. Có một nhà tên là Nguyễn Cao Hành, lấy người trong động tên là Đinh Thị Điện. Vợ chồng làm điều nhân, tích việc nghĩa, giúp đỡ người nghèo đói, Người trong địa phương ai ai cũng khen là người có lòng tốt. Lúc này ông Nguyễn Cao Hành đã ngoài 50 tuổi chưa có con, gặp buổi tiết xuân hoà khí, chốn chốn nở hoa, chật đường đi lại, người người du lịch. Ông cùng với ông anh ruột, là ông Nguyễn Xương cùng với mấy người hang động lên chơi chon Vân Sơn, núi Tản Viên. Đi đường bộ vừa đến chân núi bỗng gặp một ông lão đầu râu tóc bạc, đầu đội mũ trăm sao, vừa đi vừa hát, đằng sau có vài thanh đồng hầu rượu có mang theo đàn và một cái la bàn, lấy làm lạ mọi người bỏ về.

Còn hai ông đứng lại bảo nhau rằng, đây không phải là ông lão tiên, thì cũng là thần núi Tản chứ không phải người trần gian. Nói xong hai Ông đến trước mặt Ông lão vái chào mà rằng: Nhà tôi bạc đức hai anh, em tuổi đã cao mà con

cái chưa có, nay may gặp tiên ông ở đây dám xin mở rộng lòng nhân, làm phúc cho anh, em chúng tôi chóng có tin mừng và có người nối dõi gia đường, thật là muôn đội đức lớn của tiên ông vậy. Ông lão nghe nói cười mà rằng: *"Tôi chẳng phải Tiên, chẳng phải Thánh chỉ là người nhàn trong cuộc trong cuộc đời, nay hai ông gặp Tôi ở đây, là nhà hai ông có hậu đức chứ không phải bạc đức. Tôi xem ở đây có một cục đất long triều, thuỷ tụ, tả đôi, hữu đôi huyệt cư nhâm bính, tốc phát như lôi, để vài năm thì sinh tam Thánh tử. Hai Ông về nhà thu hài cốt người trước, sáng mai đem đến đây Tôi sẽ giúp"*. Hai ông rất mừng chào từ biệt ông lão trở về nhà lấy hài cốt Mẫu Thân sáng sớm mai đem đến chân núi, thời đã thấy Ông lão đến trước ngồi đợi hai ông. Hai ông bái kiến ông lão, ông chiếu la bàn điểm huyệt mà an táng, táng xong hai ông định làm lễ tạ thì ông lão biến mất. Từ đó hai ông trở về chuyên việc tán tài, giúp đỡ mọi người, chưa tới hai năm quả thấy hai bà vợ, trong hai trong hai gia đình đều có mang thai. Đến ngày, đến tháng vào năm bính thân, mùa xuân, tháng giêng ngày mồng bốn (năm 385 Tr.CN) bà vợ ông anh sinh một trai, bà vợ ông em sinh một bọc vỡ ra được hai trai đều mắt rồng, mắt phượng, hàm yến, mày ngài, ngũ nhạc triều thiên, tam đình bình chính.

Hai nhà cả mừng lấy làm trời cho, đất phúc có thể thịnh vượng. Con trai ông anh đặt tên là Tuấn, con trai ông em một tên là Sùng, một tên là Hiển. Từ đó xuân sinh, hạ lớn chẳng học mà

tự biết, trên từ thiên văn, dưới từ địa lý, không một việc gì mà không biết, không một vật gì mà không tinh. Đến năm 13 tuổi thì than ôi biến chẳng trước lường, hoạ không đơn chí, chỉ trong một năm mà cha, mẹ hai nhà đều chết cả. Từ đó 3 anh em sớm vậy, tối vậy, một nắng, mười rét, bốn bề phên rách gió thổi, nhà cửa không còn cỏ mọc. Ba anh em dẫn nhau lên chon Linh Sơn, núi Tản Viên nương nhờ bà họ Ma là Cao Sơn thần nữ và bà nhận là con nuôi, ngày ngày hái rau, kiếm củi để có ăn, có mặc. Sau đó anh cả là Tuấn cũng cầm được gậy tre của Thái Bạch dưới sách ước của Thủy Tề, cứu được hoạ phúc cho thế gian, báo được ơn sâu của mẹ nuôi, người thời ấy khen là thần núi Tản Viên.

Bà Ma Thị cũng công nhận là con có hiếu, Bà lập chúc thư gồm tất cả ruộng đất, núi đồi giao phó cho Tuấn Công. Sau khi bà Ma Thị mất Tuấn Công chia từ núi non về phía tay trái giao cho Sùng Công, lập sung Công làm "Tả Kiên Thần", từ núi nhạc trở về bên tay phải giao cho Hiển Công, lập Hiển Công làm " Hữu Kiên Thần" nhân dân địa phương gọi ba ông là ba Sơn Thần vậy. Lúc này Duệ Vương sinh được 20 hoàng nam tử, 6 công chúa, chỉ còn 2 công chúa. Công chúa thứ nhất là Tiên Dung đã gả cho Chử Đồng Tử. Còn công chúa Mỵ Nương (có sách ghi là Ngọc Hoa), thì thiêm cung đương khoá, ngọc nhị nguyên phong, túc ước lương duyên, kỳ tất chưa định. Vua bèn cho lập lầu ở đất Hào Trì, thành Phong Châu đề ba chữ " tuyển tế lầu", chiêu truyền thiên hạ

thần dân ai có thông minh, tài trí, anh hùng đức độ có thể nhường ngôi được là gả Công chúa cho, ngày ấy bến chật tầu thuyền, trước lầu xe ngựa. Hát văn múa mà rắn, rồng bóng động, sao tinh đẩu rụng giang hàn, vũ trận vây mà hổ báo hồn kinh, động sấm sét chớp loè góc bể. Một trường nhà nước, bốn bể anh hùng nhưng đều là được điều này, mất điều khác chưa được toàn tài, chưa được xứng ý, thơ đào yêu còn chưa được ngâm, người sau có thơ vịnh rằng:

Nhất trường gia quốc thôi tình động
Tứ hải anh hùng lão nhãn ngang
Bất giác việt thành xuân tái thược
Vị thuỳ khải thủ, vị thuỳ phong.

Tạm dịch thơ:

Mở hội kén chồng tình xuân lay động
Bốn bể anh hùng những đua chen
Biết ai mở khoá vườn xuân sớm
Tài cao đức trọng mãi cầu mong

Lúc này Sơn Thánh (Tuấn Công) được tin bèn bảo tả, hữu Kiên Thần rằng: Xưa khen nam tử gặp được giai nhân đã là lạ, huống chi lấy vợ là Công chúa mà chẳng thích hay sao. Vả lại con gái Vua là bậc nghiêng nước, nghiêng thành. Phải nói rằng chúng ta vượt đường xa mà đến, chắc chắn rằng ước trao tơ không vào tay ta thì vào tay ai? Nói xong ba người cùng đến lầu dự thi.

Vua thấy Sơn Thánh có nhiều tài lạ thông

thiên, triệt địa, có nhiều thuật lạ, chuyển nước dời non, bèn vời Công chúa lại gả ngay. Sơn Thánh rước Công chúa về sơn động cùng ở, để tả, hữu Kiên Thần ở lại giúp phù vương chính.

Trong thời gian này thiên hạ thái bình, trong nước vô sự, Hiển công dâng biểu xin phóng bước tuần du. Vua đồng ý cho đi, ông đi khắp mọi nơi non xanh, nước biếc xem xét việc đời, khi thì dạo chơi non nước vui với gió xuân ở trong khoảng đồng rộng, khi thì hỏi bến bên sông xem trăng sáng dưới dòng sông, Một ngày ông về đến Châu ái, phủ Tràng An, động Hoa Lư, xóm Trung Hoà, xã Lỗi Sơn ông thấy địa thế non nước vòng quanh, hổ long hoàn bão, non cao dẫn mạch, mọi xa cúi đầu nhân dân no đủ, phong tục thuần hậu. Ông bèn truyền quân sỹ cùng với nhân dân thiết lập một hành cung ở mé dân, mé nước, long hình chính cục, toạ quí hướng đinh. Xây dựng xong ông thường qua lại làm nơi nghỉ chân, dừng xe, dạy dân cày cuốc khuyên chăm chỉ cầy ruộng, trồng dâu nên lấy nhân nghĩa mà cố kết lòng dân, lấy lễ nhượng mà luyện thành tục tốt, khuyến khích người có công lớn với dân vậy. Nhân dân đều ca ngợi công đức, đều đội ơn như mặt trời, mặt trăng đều thân ái như cha, mẹ vậy.

Lại nói lúc này Vua Ba Thục tên là Phán, xa nghe Duệ Vương thọ đã ngoại 90, mà 20 con trai đều rong chơi tiên cảnh thế là nước có đại biến. Thục vương cầu viện nước lân cận chuẩn bị tinh binh trăm vạn, ngựa khoẻ 8 ngàn, chia làm 5 đạo quân lớn đánh để cướp nước:

- Một đạo theo đường thập châu Hoàng Tùng - Quỳnh Nhai đường rừng xuất quân.

- Một đạo theo đường Bố Chính Minh- Linh Châu xuất quân.

- Một đạo theo đường Tuyên Quang tả long bảo lục châu xuất quân.

- Một đạo theo Ái Châu đường núi Tam Điệp xuất quân.

- Một đạo thuỷ quân theo Hoan Châu, theo Giang Hải môn.

Dựng cột cờ lớn ở đất Thuỷ Châu biên thư cấp báo một ngày 5 lần Vua vời con rể là Tản Viên Sơn Thánh và các chư tướng đều về bàn kế. Hiển Công đang ở xóm Trung Hoà, xã Lỗi Sơn nghe chiếu triệu hồi, ông liền chọn 25 người tráng đinh làm gia thần thủ hạ, xếp đặt xong ông về triều cùng trăm quan hội nghị kế hoạch. Vua sai Sơn Thánh làm "Ngũ Đạo Đại Tướng Quân", lĩnh nguyên suý ấn, quyền trưởng thuỷ bộ chư quân cho tuỳ tài bổ chức. Sơn Thánh bái tạ trước Vua hội dẫn các tướng phân đạo tiến đánh. Sơn Thánh cùng Sùng Công, Hiển Công cùng ngày dẫn đại quân 5 đường tiếp ứng, 5 đường kiêm thảo tả, chi tặc binh tại Ái Châu, rồi tiến đến Tràng An, phủ Hoa Lư, động Sơn Dược, Bái Ân, Phú Khố, ba xã có đám đất sát nhau, Sơn Thánh truyền binh sỹ lập đồn chính ở đây, chia làm 3 chủ.

- Sai Sùng Công lĩnh 3.000 quân về đóng đồn ở khu đồi Khoai, xã An Lão, huyện Phụng Hóa, phủ Nho Quan.

- Sai Hiển Công lĩnh 3.000 quân lập đồn ở xã Vân Cái, lập tuyến phòng vậy.

- Sơn Thánh lập một đồn ở giữa xã Sơn Dược, sai thái bảo Kha Công người xã Đại Hoàng lĩnh binh 3.000 đóng ở đây để phòng triệt lối sau.

Công việc đã xong truyền hịch cho các xã, địa phương dụ lấy lòng dân cần vương giết giặc, được nhân dân hưởng ứng, cộng được 3.000 đều làm gia thần thủ hạ, Sơn Thánh, Sùng Công, Hiển Công chia đường tiến đánh thẳng vào đồn giặc. Đánh một trận lớn quân Thục thua to, Vua Thục chạy trốn về nước, quân Thục tan vỡ, chiếc xe không còn , con ngựa cũng không sót, các tướng tá hợp sức cùng đánh đều được toàn thắng. Vua biết tin này rất mừng hạ chiếu triều hồi, thưởng lạo ba quân, khao phong tướng sỹ, cấp bậc xếp đặt. Phong Sơn Thánh làm Quốc Chủ kiêm Thượng Đẳng Thần, phong Sùng Công làm Cao Sơn Đại Vương, Phong Hiển Công làm Quí Minh Đại Vương cho cùng với Sơn Thánh đi khắp thiên hạ, chọn lập sinh từ để sau này làm nơi hưởng thần.

Ba ông phụng mệnh bái tạ trước vua cùng theo xa giá đi khắp bốn bể trong nước, trải xem mây núi chỗ này chỗ khác. Có khi đến núi An Tử cao thấp, mây trắng ráng hồng, phong nguyệt Long Biên cao thấp, có lúc đàn kêu, sáo thổi thơ phú đối đáp càn khôn, nhạc phượng loan ca thanh sắc bồng lai thú vị. Ba ông đi đến đâu dân chúng lập sinh từ đến đó cộng được 172 sở, về đến các xã Ái Châu dân thiết hành cung nghinh giá. Ba ông trở về Sơn Dược, Bái Ân, Phú Khố 3 xã ngày

trước Sơn Thánh lập đồn chính ở đây, nay Sơn Thánh lập một đồn đinh để cho gia thần 3 xã cùng ở vậy. Công việc xong xuôi Sơn Thánh hồi triều, Sùng Công, Hiển Công đều cùng từ biệt. Lúc này Hiển Công về xóm Trung Hoà, xã lỗi Sơn thiết lập một sinh từ ở hành cung cũ, cho nhân dân 300 quan tiền, mở hai công đất để làm công bản cho việc trông coi từ sở.

Lại nói đến Duệ Vương ở ngôi 150 năm, Vua hạ chiếu nhường ngôi cho con rể là Tản Viên Sơn Thánh. Sơn Thánh cố từ chối không nhận nhân tâu với Vua rằng: 18 đời Hùng Vương thiên thư có hạn. vả, tôi thuật mây bay biến hoá muốn cùng Vua thoát khỏi cõi trần ai, cùng lên cõi mây chẳng vui lắm sao? nhà Vua cần gì cứ bo bo giữ một góc cõi Nam. Vậy chẳng bằng gọi Thục Vương lại nhường ngôi. Vua nghe theo nhường nước cho Vua Thục, cùng Sơn Thánh một ngày lên trời hoá sinh chẳng mất. Lúc này Hiển Công ở xóm Trung Hoà, xã Lỗi Sơn nghe Vua cùng Sơn Thánh đã hoá than rằng: Thiên hạ họ Hùng đã rơi vào tay người khác, bèn đem gia đồng vài mươi người, cùng với anh ruột là Sùng Công trở về động Lăng Xương quê cũ. Trên đường đi mới đến phường Nghi Tàm, huyện Quảng Đức, đạo Sơn Nam nay thuộc phủ Hoài Đức, huyện Thọ Xương. Hai ông cùng ở nơi này sao mà trời định, hay số mệnh vậy thay, đến đêm Hiển Công bị cảm phong mà mất vào ngày 19 tháng 12.

Sùng Công cùng địa phương làm lễ an táng ở phía tây phường Nghi Tàm (thổ hình chính cục

toạ cấn hướng khôn), cho người ở phường lập đền lên lăng mộ tả thần hiệu là Quí Minh Đại Vương để phụng thờ, giữ trai giới 6 tháng mới xong, Sùng Công trở về động Lăng Xương.

Lại nói Thục Vương từ khi được trị nước, cảm ơn nhường nước của Duệ Vương, sửa sang miếu điện ở núi Nghĩa Lĩnh để phụng thờ họ Hùng, liệt Thánh, còn các tướng tá, công thần đều được gia phong sắc chỉ, huyết thực phúc thần, cho các nơi hưởng ấp, đồn dinh đều lập đền phụng thờ. Lại tặng phong Sơn Thánh cùng Sùng Công, Hiển Công làm *"Tản viên sơn quốc chủ tam vị thượng đẳng tôn thần"*, lập chính từ ở động Lăng Xương núi Tản Viên để hàng năm xuân thu,nhị kỳ lại sai quan quân về tế. Lại phong tặng ba vị mỹ tự sắc chỉ gồm 172 đạo. Chiêu truyền thiên hạ các xã dân ngày trước ba ông có lập sinh từ ở làng, đều rước sắc về hành lễ tứ tế.

Đến đời vua tiền Lý Nam Đế khởi binh bình Tiêu Tư, cầu đảo ở thần từ Quí Minh ở phường Nghi Tàm, huyện Hoài Đức đêm mộng thấy một viên thần tướng mặc áo giáp vàng, tay cầm giáo vàng, đằng sau theo một đạo binh sỹ gươm giáo nghiêm trang, đường đường đi thẳng vào trước Vua vái chào xưng họ tên tự nguyện theo Vua đánh giặc. Vua tỉnh dậy biết là có anh linh lớn- và hiển ứng, bèn ghi ngay vào kim trướng để làm hậu nghiệm. đến khi bình được Tiêu Tư lên ngôi Hoàng đế, tặng phong bách thần, tăng gia Quí Minh Đại Vương và mỹ tự là: Nghiêm Linh Hiển Ứng. Trải đến đời vua Đinh Tiên Hoàng sau khi

bình 12 sứ quân lên ngôi hoàng đế ở động Hoa Lư lại gia tăng 8 chữ: Quả Đoán Hành Hựu Tế Thế An Dân, chiếu truyền thiên hạ các chư xã dân có đền thờ Quí Minh rước sắc về dân thờ tự.

Lúc này xóm Trung Hoà, xã Lỗi Sơn lại rước sắc về sửa sang đền miếu phụng thờ. Về sau Đinh, Lý, Trần, Lê bốn họ mở rộng nghiệp lớn thường có hộ nước cứu dân, cầu tạnh, cầu mưa đều có linh ứng. Nhiều bậc đế vương gia phong sắc chỉ Thượng Đẳng Phúc Thần, ức niên hương hoả dữ quốc đồng hưu rằng rặc lâu dài, mãi mãi không mất kính vậy thay.

Tôn phong Tản Viên Sơn Quốc Chủ Đệ Tam Vị Hữu Đô Đài.

Quí Minh Đại Vương gia tăng: Nghiêm linh hiển ứng quả đoán hành hựu tế thế an dân Thượng Đẳng Thần.

Mồng bốn tháng giêng sinh nhật Đại Vương lễ dùng: Thượng tiến trai hàn cản quả, cam tửu, lợn đen toàn sắc, xôi rượu mọi thứ.

Mười chín tháng mười hai Đại Vương hoá nhật: Lễ như trên.

Tháng mười ngày mười lăm lễ đại khánh hạ lễ dùng: Trai hàn trà quả, oản, bạch môn tỉnh hạ, dung lợn đen toàn sắc, duy tửu, đẳng vật, ca xướng ba ngày.

Kiêng trống không mặc áo đỏ.

Niên hiệu Vĩnh Hựu thứ hai (Vua Lê Ý Tông 1737)

Hàn lâm viện đông các đại học sỹ thần: Nguyễn Bính-phụng soạn.

Quản giám bách thần chi điện hung lĩnh thiếu khanh thần: Nguyễn Hiền-y chính bản phụng tả.

Đầu những năm niên hiệu Gia Long (1802-1819) miếu Vũ được tôn tạo lại. Năm Minh Mạng thứ 20 (1839) do miếu thờ chật hẹp làng xây dựng thêm hậu cung. Năm Thiệu Trị (1884) đình làng được tu sửa lần đầu và quay hướng như bây giờ. Năm Bảo Đại thứ 3 (1928) hậu cung cũng được sửa lại. Hiện nay miếu Vũ không còn, chỉ còn đình và hậu cung.

Tọa lạc ở phía nam chân núi Làng Đồi, vị trí gần như giữa làng, đình quay hướng nam, qua sân là ao đình. Đình rộng 5 gian được thiết kế theo kiểu quang đèn (để treo đèn khi có lễ hội), ở giữa là hai hàng cột cái cao 5,7m chu vi là 0,9m, hai bên là hai hàng cột quân cao 3m chu vi là 0,8m diện tích sử dụng của đình gần 100m vuông. Kể từ khi xây dựng đến nay khoảng hơn 200 năm đình vẫn ở chỗ cũ.

Hậu cung năm 1962 được dỡ chuyển đến một địa điểm gần đó làm cửa hiệu may mặc và cửa hiệu thuốc bắc của hợp tác xã mua bán xã Gia Sinh.

Năm 1974 lại chuyển lên làm cửa hàng mua bán ở đường rẽ gần bưu điện xã bây giờ). Khi hợp tác xã mua bán giải thể cửa hàng được thanh lý cho tư nhân. Năm 2004 thể theo nguyện vọng của nhân dân chính quyền xã đã đưa hậu cung về chỗ

cũ. Hậu cung có 3 gian, gian giữa là long ngai thờ bài vị Thành Hoàng làng, long ngai còn nguyên bản từ khi xây dựng đình đến bây giờ, kiểu ngai đời Hậu Lê. Gian phía tây là gian thờ thổ công. Theo các bậc cao niên ở làng thì trong đình có bộ sập bằng đá và 2 tấm bia, tấm bia to ghi lịch sử của làng và việc xây dựng đình làng, tấm bia nhỏ ghi công đức của dân trong việc trùng tu miếu Vũ. Cả hai tấm bia đều bị vùi lấp trong quá trình di chuyển. Đến năm 2004 thì tìm lại được tấm bia nhỏ nhưng do đào bới nên bia bị vỡ và một số chữ bị mất. Bia được lập vào ngày đại cát, tháng tám, năm Tự Đức thứ 6 (1853) xin ghi lại như sau:

Bia trùng tu miếu Vũ

(ngày đại cát, tháng tám, năm Tự Đức thứ 6 - 1853)

Từng nghe:

Đỉnh vạc, trống chiêng đặt ra để lo việc lễ.
Con người kiên định trung trinh sánh tày sắt đá.
Miếu Vũ công thành tưởng nên ghi tỏ.

Đền miếu chọn được nơi đất đẹp, hẳn nhờ người mà nên thắng cảnh. Dòng nước uốn lượn bao quanh, quả thực được hơi thở linh thiêng của đất.

Xưa từng nhờ có mạch mà việc tế lễ mới

nên. Bởi trước đây, vào năm niên hiệu Gia Long (1802 - 1819), từ ý cụ Nguyễn Duy Thể, người xã Điềm Xá huyện nhà đã đôn đốc dân làng xuất tiền của tư gia góp vào việc tu tạo Miếu Vũ. Kính thần một thời gián đoạn. Đến năm Vua Minh Mạng thứ 20 (1839) dân trong xã nghĩ là nơi thờ còn hẹp đã dựng thêm hậu cung mới rộng rãi hơn trước.

Việc thờ thần được tôn nghiêm. Dân cúng lễ đông đúc. Nay, may nhờ thánh thần linh thiêng ngầm giúp mà ngày thêm đổi mới mãi lên. Chính là do ý dân trong xã muốn được tới đây chiêm bái đông hơn, để tỏ lòng kính trọng lâu dài bèn xuất tiền, gạo hai giáp, cùng huy động hằng sản, hằng tâm của các nhà khá giả ở hương làng mà thay bằng ngôi miếu xây bằng đá vào tháng giêng năm đó (1839).

Nhân việc thiện đã thành, bởi thế khắc vào đá bài minh và kể họ tên những người đã có công lao đóng góp vào việc xây dựng đặng lưu truyền mãi về sau.

Minh rằng:

Trần được mới lên
Là lẽ nhân tình
Bút đượm hương thơm
Miếu thờ đã vững
Chẳng đã bền sao
Ngàn năm sừng sững
Ngày sẽ mới thêm

Hậu nhân tôn kính

Kể rằng:

1. Trần .... đốc dân tô tượng

2. Nguyễn Duy Hựu 10 quan tiền
3. Ngô Văn Chiến 01 quan tiền
4. Lê Văn .... 01 quan tiền
5. Nguyễn Văn Khoản 01 quan tiền
6. Nguyễn Văn Bút 01 quan tiền
7. Nguyễn Văn Phụng (Điềm xá) 06 quan tiền
8. Nguyễn Văn Phả (Quang phong) 03 quan tiền
9. Vũ Thị Mỹ 02 quan tiền
10. Nguyễn Văn Nĩu (lý trưởng) 03 quan tiền
11. Nguyễn Văn Tợ (Điềm xá)10 quan tiền
12. Đoàn Duy Sáng 01 quan tiền
13. Phạm Ngọc Quảng 01 quan tiền
14. Ngô Văn Bảo 02 quan tiền
15. Nguyễn Đức Lộc (mất chữ)
16. Bùi Đăng Minh (mất chữ)
17. Nguyễn Thị Dung (mất chữ)
18. Trần Đăng ..... (mất chữ)
19. Nguyễn Văn ..... (mất chữ)
20. Lê Văn ..... (mất chữ)
21. Tống Văn ..... (mất chữ)
22. Nguyễn Duy ..... (mất chữ)
23. Ngô Văn ..... (mất chữ)
24. Nguyễn ..... (mất chữ)

25. Nguyễn Văn Chu 30 quan tiền 10 đấu gạo
26. Ngô Văn Chinh 02 quan tiền
27. Ngô Văn Tấu 01 quan tiền
28. Ngô Văn Vĩnh 01 quan tiền
29. Hoàng Văn Lương 30 quan tiền
30. Ngô Văn Vượng 03 quan tiền
31. Nguyễn Văn Khánh 01 quan tiền
32. Nguyễn Văn Bôi 03 quan tiền
33. Nguyễn Văn Siêu 01 quan tiền
34. Ngô Văn Lực 10 quan tiền
35. Nguyễn Văn Thịnh 03 quan tiền 15 đấu gạo
36. Nguyễn Văn Lễ 05 quan tiền 7 đấu gạo
37. Nguyễn Văn..... 06 quan tiền 9 đấu gạo
38. Nguyễn Văn Thi 01 quan tiền
39. Nguyễn Văn Nham 01 quan tiền
40. Nguyễn Văn Tiêu 01 quan tiền
41. Nguyễn Đình Hào 01 quan tiền
42. Đinh Thị Trởn 02 quan tiền
43. Ngô Văn Bẩm 15 quan tiền 15 đấu gạo
44. Phạm Văn Đường 03 quan tiền
45. Trần Đăng Tế 15 quan tiền 15 đấu gạo
46. Ngô Toàn Lệnh 06 quan tiền 9 đấu gạo
47. Mai Văn Trung 05 quan tiền 7 đấu gạo
48. Hoàng Văn Nhân 01 quan tiền, tượng thờ bằng gỗ
49. Nguyễn Văn Tráng (Điềm Giang) 01 quan tiền
50. Nguyễn Văn Cần (Gián Khẩu) 01 quan tiền

51. Nguyễn Văn Chiếu 05 quan tiền 8 đấu gạo
52. Phạm Văn Bằng 01 quan tiền
53. Nguyễn Trọng Phụ 05 quan tiền 7 đấu gạo
54. Trần Xuân..... 10 quan tiền 15 đấu gạo
55. Nguyễn Văn Đễ (Lê Xá) 01 quan tiền
56. Nguyễn Văn Ngàn 02 quan tiền
57. Nguyễn Thị Phát 05 quan tiền

Gia Sinh, tháng giêng năm Ất Dậu (02.2005).
Tham gia dịch thuật:

Ông Trương Văn Sỹ - chuyên viên Hán ngữ nhà máy nhiệt điện Ninh Bình

Ông Phạm Văn Liệu - cử nhân Hán Nôm cán bộ sở Giáo dục và đào tạo Ninh Bình

II - Lễ hội

Lễ hội ở đình làng Sinh Dược gọi là lễ kỳ phúc, chính lễ được tổ chức vào 15 tháng 10 hàng năm. Lễ diễn ra trong vòng ba ngày 14,15,16 tháng 10 âm lịch, theo phong tục sau nước mạ chiêm cuối cùng vào ngày 14 tháng 10 hội đồng kỳ hào tổ chức lễ kỳ phúc. Lễ hội kỳ phúc là lễ hội mang nét văn hóa đặc sắc của địa phương. Nói về nông lịch lễ được mở ra vào thời điểm kết thúc thu hoạch mùa lúa trước, tiếp tục gieo mùa lúa mới thể hiện truyền thống nghề trồng lúa nước ở đồng bằng bắc bộ. Tục rước kiệu Thần Cao

Sơn từ núi Đình về, kiệu Đức Thánh Nguyễn từ sông Hoàng Long tới là biểu hiện của sông núi giao hòa, là sự cầu mong Thần Núi, Thánh sông phù hộ cho sự sống của dân làng. Đặc biệt sau ngày lễ tục tiến hương (mời con rể của làng về ăn cỗ) là biểu hiện lòng quí người, hiếu khách, trọng tình, trọng nghĩa, qui tụ hiền tài không phân biệt dâu, rể cùng nhau đoàn kết để xây dựng làng xã.

Ngày lễ các đinh trong làng phải đi hết, chiều 14 tháng 10 mọi người, các gia đình, các thôn lo dọn vệ sinh sạch sẽ, các cụ già chuẩn bị quần áo tế cho mình và quần áo cho người khiêng kiệu, ban khánh tiết lau, rửa các đồ tế lễ, chỉnh trang lại kiệu, đưa nhang án từ hậu cung ra đình ngoài làm lễ yết cáo.

Sáng ngày 15, các trai đinh trong làng tập trung theo hàng giáp để rước kiệu các Thánh về đình làng.

Hàng xã cử trung đình (trai tráng khỏe mạnh nhất của giáp nhất, giáp nhì) rước kiệu Đức Thánh Cao từ chùa Bái Đính.

Giáp nhất rước phụng nghinh (bát hương để trên kiệu) thờ Đức Thánh Nguyễn từ đình Chợ.

Giáp nhì rước phụng nghinh quan Đệ Tứ ở đền Bóng.

Giáp ba rước phụng nghinh bà Chúa Đà A từ chùa từ chùa Đà A.

Thôn Phú Vinh rước phụng nghinh từ Đền Phú Vinh.

Thôn Ninh Cư rước phụng nghinh từ Đền Tư.

Kiệu của các nơi đều phải tập trung ở Đồi Dốc (gần bưu điện xã bây giờ) để chờ kiệu rước phụng nghinh Đức Thánh Cao từ Bái Đính về, sau đó kiệu được rước theo thứ tự: Kiệu Đức Thánh Cao, kiệu Đức Thánh Nguyễn, kiệu Đức Đệ Tứ, kiệu Bà Ninh Cư, kiệu Bà Phú Vinh, kiệu Bà Kim Tinh (chùa Đà A) để về Đình trung. Khi kiệu đến đình bát hương cũng được rước vào và đặt theo thứ tự như trên.

Sau lễ rước bát hương là đến lễ tam nghiêm (phường bát âm hoạt động suốt thời gian tế). Ông Giáp Chỉ làng đứng cao nhất, sau đó là hai ông bồi xướng, đến thông xướng, đối xướng và từ sáu đến tám người đứng hai bên cầm đài và be rượu để giúp lễ và hành lễ.

Trước tiên là lễ thượng hương - dâng hương.

Tiếp đến là lễ trước tửu - dâng rượu (ba lần)

Tiếp nữa đến nghệ độc chúc. (đọc văn tế)

Nội dung văn Tế

Duy ..... (Quốc hiệu)

Tuế thứ ... (năm) đông thiên, thập nguyệt, thập ngũ nhật viết kim vì, kỳ phúc chi lễ.

Ninh Bình tỉnh, Gia Viễn huyện, Gia Sinh xã, Sinh Dược thôn.

Kỳ lão viên chức, chư gia, chư nhân, thành tâm lễ vật, hàm trai, hàm kê, quả phẩm, hương hoa, thanh chước chi lễ cảm chiêu cáo vu.

- Cung thỉnh Cao Sơn thần vũ uy linh Thượng Thượng Đẳng Thần - tôn thần vị tiền.

- Cung thỉnh Thần Vũ Nhân Dũng Quí Minh Đại Vương Thượng Thượng Đẳng Thần - tôn thần vị tiền.

- Cung thỉnh Lý triều Thiền Sư Nguyễn Minh Không Thượng Đẳng Thần - tôn thần vị tiền.

- Cung thỉnh Đệ Tứ Tướng Quân dực bảo trung hưng anh linh hiển hiện phù công ứng Trung Đẳng Thần - tôn thần vị tiền.

- Cung thỉnh Trinh Uyển Trai Tĩnh dực bảo trung hưng Ngọc Dong Công Chúa Thượng Đẳng Thần - thần vị tiền.

- Cung thỉnh Trinh Uyển Trai Tĩnh Hoàng Khang Công Chúa Trung Đẳng Thần - vị tiền.

- Cung thỉnh Kim Tinh Công Chúa Trung Đẳng Thần - vị tiền.

- Cung Thỉnh Xuân Hoa Công Chúa chi thần - vị tiền

- Cung thỉnh tả hữu bá quan tướng lĩnh quân cơ đồng lai cách thực thượng hưởng.

- Cung thỉnh đương nhiện đương cảnh bản thổ chi thần.

Cẩn cốc.

Cung duy chi thánh chi công xuất kỳ hô hồ đại hưởng, uy dũng linh thông thần lực nhân cơ thái nhạc hanh cao.

Triệu ứng xương kỳ bảo hộ muôn dân sơn hà

trung hậu, long giang tinh khiết công đức bồi dân bách thế bất thiên lịch tự sự thiên thu thần vũ.

Và cuối cùng là lễ tất.

Việc tế lễ kéo dài khoảng ba giờ đồng hồ.

Lễ dùng trong cúng tế gọi là cỗ trung đình thường là xôi, thịt do các hộ có của trong hai giáp (giáp nhất, giáp nhì), hoặc hàng giáp góp nhau để sắm.

Thường thì giáp nhất, giáp nhì cỗ được sắm to hơn, cỗ gồm có một mâm xôi và một chiếc đầu trâu, cỗ của hai giáp được đặt ở bệ đá giữa sân đình. Trong khi các trai đinh đi rước kiệu thì các già ở nhà chuẩn bị cỗ và đặt lên Phù Trang (mâm quả) và đưa ra đình. Khi kiệu rước về và yên vị thì bắt đầu sắp cỗ, sắp cỗ xong thì vào việc tế. Sau tế lễ là các trò chơi, sôi nổi và hào hứng nhất là trò chơi đánh cờ, bàn cờ được bày giữa sân đình, người tham gia, người xem có khi quên cả ăn.

Buổi tối trong đình tổ chức chiếu sắc, tất cả các cột cái, cột quân trong đình đều được treo đèn, cả đình sáng trưng. Các đạo sắc phong lần lượt được đọc và giải nghĩa cho mọi người được biết.

Ngày 16 tháng 10 diễn ra lễ tiến hương, lễ này dành riêng cho con rể của làng. Vào dịp lễ hội con rể của làng ở khắp nơi đều mang lễ về cúng ở đình làng. Theo tục lệ hàng xã phải làm cơm đãi khách nhưng lễ xong thường thì chồng nào vợ ấy về nhà bố mẹ vợ ăn cơm, hàng xã lại phải chia phần cỗ đến biếu từng nhà. Lễ Kỳ Phúc kéo dài suốt ba ngày.

2. Đền Bóng

Đền Bóng được xây dựng ở phía đông nam núi Làng Đồi, trên khoảng đất giữa núi Làng Đồi và núi Nhãn. Đền được xây dựng từ thời Gia Long, hướng nhìn xuống ngòi chảy. Năm Tự Đức thứ 6 (1854) đền được sửa chữa và quay hướng đông nam như bây giờ. Đây là ngôi đền toàn bằng đá không có mái che (đền trần). Nền của đền là đá khối vuông 45cm xếp phẳng. Bệ thờ là đá phiến dài 2,3m rộng 1,3m dày 0,35m, trên bệ thờ là mặt nguyệt, hai con rồng chầu, bát hương tất cả đều bằng đá.

Phía trước bệ thờ là linh sàng cũng bằng đá, linh sàng dài 2,55m rộng 1,3m dày 0,3m.

Hiện còn lưu giữ được 3 đạo sắc phong thần cho quan Đệ Tứ ở Đền Bóng. Nhưng bị rách hầu hết chỉ ghi lại được ngày tháng mà không rõ nội dung.

Đạo thứ nhất: ngày 26.7.1784 năm Cảnh Hưng thứ 44

Đạo thứ hai: ngày 28.11.1850 năm Tự Đức thứ 3

Đạo thứ ba: ngày 18.3.1937 năm Khải Định thứ

3. Đền Thánh Văn

Đền Thánh Văn thờ Đức Khổng Tử, thường gọi là Văn Chỉ. Đền được xây dựng ở phía đông đỉnh núi Làng Đồi. Không rõ đền được xây dựng từ năm nào, đến những năm 1960 khi chiến tranh phá hoại của Đế Quốc Mỹ lan rộng cạnh đền xây dựng trạm gác phòng không của xã, đền cũng đã hư hỏng. Theo các cụ kể lại thì đền có 3 gian, trong đền có bệ thờ, long ngai, mặt nguyệt, bát hương toàn bằng đá. Trong long ngai có để bài vị và sắc phong đến nay không còn.

Hiện nay trên nền cũ của đền còn lại hai bệ thờ bằng đá, bệ thờ đặt hướng nam ghé đông. Bệ lớn bằng đá khối có kích thước: 1,45m x 0,75m x 0,30m, bệ nhỏ cũng bằng đá khối có kích thước: 1,40m x 0,64m x 0,25m

Văn chỉ là nơi mà các nho sĩ và dân chúng thường đến thắp hương xin con chữ của thánh hiền và cầu mong đỗ đạt thể hiện sự hiếu học, các cụ đồ nho trong làng cũng thường hay tổ chức bình văn ở đây.

Từ di tích văn chỉ này ta thấy rằng các thế hệ trước ở Sinh Dược không những chỉ quan tâm nông tang cầy cấy mà còn chú ý đến cái chữ, đến sự học hành của con em mình, vì thế cũng dễ hiểu từ lâu nơi đây có tiếng là đất học.

4. Đền Ba Cây

Đền Ba Cây thuộc thôn Lương Sơn, đền nằm sát sông Lê, quay hướng bắc đông bắc, đền được xây dựng từ thời Lê Trung Hưng. Đền thờ bà Chúa Lê Triều Kim Anh Từ Hòa Công Chúa. Cạnh đền là miếu thờ Thành Hoàng Bản Thổ Đại Vương Tôn Thần. Đền có một gian, bên trong là bát hương thờ, ngoài hiên có chữ đại tự *"Linh từ miếu"* và đôi câu đối:

Địa linh Chúa ngự Lê dân thịnh
Miếu tự Lê triều vạn cổ hưng.

Phía sau và hai bên đền có 4 cây lộc vừng to, có cây đường kính tới hàng mét.

5. Đền Thanh Lương

Đền Thanh Lương ở trên núi Thanh Lương (núi con Rùa sống) thuộc thôn Lương Sơn. Đền được xây dựng ở điểm võng của núi (khoảng giữa đầu Rùa và mai Rùa). Trước đây là đền trần không có mái che, năm 1990 đền được tu sửa lại và làm mái che, trong đền có các ban thờ:

Ban trên cùng phía tây thờ mẫu Lê triều

Ban thứ hai phía đông thờ phật

Ban thứ ba thờ chúa Bạch

Ban dưới thờ cộng đồng

Ngoài cột hiên có câu đối:

Địa cát anh linh tôn Công Chúa
Lế triều trường phụng đức mẫu nghi

Đền quay hướng tây nam quanh năm rợp bóng cây râm mát.

6. Đền Quận Lễ

Đền Quận Lễ nằm trong động, đầu phía đông nam núi Lê. Ban thờ cũng quay hướng đông nam, ngoài ban thờ Quận Lễ ở đây còn ban thờ mẫu Lê Triều vì sau khi chùa Lê không còn bát hương mẫu Lê triều "Vĩnh An Hoàng Hậu" được đưa về đây để thờ. Trước ban thờ Quận Lễ có câu đối:

Lôi đình vạn trận sinh tiền tướng
Hương hỏa ngàn thu tử tòng thần

Tạm dịch nghĩa:

Sống là tướng vạn trận đánh như sấm sét
Chết là thần hương hoả ngàn năm truyền lại cháu con.

Quận Lễ tên là Bùi Thời Trung, là con trai

Mỹ quận công Bùi Văn Khuê và bà Nguyễn Thị Niên (Bà Nguyễn Thị Niên được thờ ở đền Vực Vông) quê Ông thuộc làng Chi Phong hạ (xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình). Dưới thời vua Lê Kính Tông (1600-1619) Ông được phong tước "Đô đốc hiệu lực tứ vệ quân sự vụ bộ lễ". Tương truyền chân núi phía dưới động là nơi Quận Lễ tử trận trong khi chiến đấu, nhân dân trong vùng đã lập đền thờ ông ở đây. Ngày giỗ ông vào 14-11 âm lịch hàng năm.

Tại đây còn một đạo sắc phong thần không rõ của đời vua nào dưới triều Nguyễn, chỉ thấy ghi là sắc số 7.

Nội dung:

Sắc Ninh Bình tỉnh, Gia Viễn huyện, Lê Xá xã, tích thọ thôn duyên trường giáp

Tòng tiền phụng sự nguyên tăng dực bảo trung hưng diệm phú dũng cảm linh ứng

Phổ huệ long khánh nghiêm minh trực uy vũ tôn thần hộ quốc tý dân túc

Minh triết bảo mẫn thần vũ tôn thần dực bảo trung hưng phụng lệnh quản giới

Cấp sắc phong chuẩn hứa phụng sự tứ kim chính trị trẫm tứ tần sát khánh tiết trang nẫm trước linh ứng tiết túc

Ban bảo chiếu đàm ân lễ long đăng trật diệm phu dũng cảm linh ứng tị hứa

Đôn nẫm vũ tôn thần trước gia tăng thuần chính tôn thần phụng lệnh quản giới

Thủ huệ long khánh nghiêm minh đôn trực uy vũ tôn thần hộ quốc tý dân

Tôn thần đặc mệnh phụng sự dũng trí quốc khánh nhi do khuy.

7. Đền Cây Chò và rừng gỗ sưa quý hiếm

Đền Cây Chò nằm ở hang núi Thờ thuộc thôn Lương Sơn, cách đền Ba Cây khoảng 1km về phía nam. Trong hang núi có bát hương bằng đá thờ Đức Thánh Cao. Sau khi đình làng Lê Thượng, Lê Trì không còn nhân dân lập bát hương thờ Thành Hoàng làng là Đức Thánh Quí tại đền Cây Chò. Tại đây còn một đạo sắc phong thần cho tam vị Tản Viên Sơn Thánh của thời vua Duy Tân (1907-1916) nhưng không rõ năm nào, nhiều chỗ bị mối xông chỉ còn ghi lại được như sau.

Nội dung:

Sắc Ninh Bình tỉnh, Gia Viễn huyện, Lê Xá xã tòng tiền phụng sự

...trạch hoằng hy hoa linh hiên sảng tuấn tĩnh dực bảo.....

Trung hưng Tản Viên Sơn tam vị thượng đẳng thần diệu linh phù chính

Phu uy đôn tĩnh hùng tuấn tuấn tĩnh dực

bảo trung hưng Cao Sơn

Thượng đẳng thần trung lương linh diệu địch cát tuấn tĩnh dực bảo trung hưng

..hưng Quí Minh thượng đẳng thần linh tuệ đăng tĩnh viên thông..

..chuyển lợi đăng khám dực bảo trung hưng chi thần tĩnh.

Trước cửa đền là cây sanh, tiếp theo là cây chò và cây thị. cả ba cây đều cổ thụ, riêng cây thị có hai loại quả, loại to tròn, loại nhỏ dẹt. Đặc biệt là trên núi Thờ, núi Lường, đồi Thần kế bên rộng hơn chục ha là cả một rừng gỗ Sưa (còn có tên là hoàng đàn, trắc thối, huê mộc vàng, hoàng hoa lý). Người già ở đây kể rằng: Núi Thờ là đầu con rồng, đồi Thần là cổ con rồng, ngôi đền ở đây rất linh thiêng không ai dám chặt cây, chăn thả gia súc vì thế ở đây rất nhiều cây cổ thụ, trên đỉnh núi Thờ có năm cây gỗ sưa to hàng ôm quả sưa theo gió bay phát tán ra cả vùng, cây cứ tự nhiên mọc mà thành rừng. Năm cây gỗ to nhân dân địa phương đã khai thác vào những năm 1960 làm gỗ bắc cầu (việc khai thác năm cây gỗ này phải bàn bạc hàng chục cuộc họp mới thành). Việc quản lý rừng sưa trước kia chưa chặt chẽ do vậy bị kẻ gian chặt phá nhiều, gần đây đã được khoanh nuôi bảo vệ. Cây sưa thuộc họ đậu, cây to thường xanh rất ít khi rụng lá, vỏ ngoài vàng nâu, khi già bong từng mảng lớn. Cây cao có khi đến 20-30m, lá kép lông chim lẻ một lần dài từ 12-23cm xếp gọn hình xương cá, mỗi bên có từ 5-9 lá, lá thanh nhỏ hơn lá khế. Sưa ra

hoa vào cuối xuân đầu hạ, khi những bông hoa gạo cuối cùng sắp rụng, là đến lúc sưa nở hoa, trăng muốt hoa sưa, hoa đậu trên cành khoảng 20 ngày thì rụng, quả sưa thu hoạch vào đầu mùa đông, mỗi quả chỉ có từ một đến hai hạt. Cả vùng đồng bằng bắc bộ cũng như cả tỉnh Ninh Bình có lẽ đây là rừng gỗ sưa tự nhiên lớn và đẹp nhất, mán phía tây của núi Thờ, đồi Thần chỉ có sưa và sưa kể đến con số hàng nghìn cây. Khu du lịch tâm linh Bái Đính, nơi ở của tiên, của phật cũng là nơi mà loài gỗ quí tồn tại và sinh trưởng, cũng cần nói thêm rằng ngay cạnh đền Trần trong khu du lịch Tràng An cũng có một cây sưa lớn người ôm không xuể, và trên bạt ngàn núi đá còn nhiều cây sưa cổ thụ. Từ bao đời nay ở Trung Quốc, Hàn Quốc và các nước Đông nam Á gỗ sưa đều được dùng vào việc tâm linh. Trong khu du lịch tâm linh sưa toả bóng dưới mái chùa cổ kính, có phải đây là sự sắp đặt của trời đất, là món quà vô giá mà thiên nhiên ban tặng, là tài sản cha ông để lại, chúng ta hãy cùng nhau gìn giữ và bảo vệ.

8. Đền thờ đức Thánh Nguyễn

Đền thờ Đức Thánh Nguyễn (Đền Chợ) nằm ở phía đông nam chân núi Hàm Rồng, trong khu vực chợ Sinh Dược cũ sát sông Hoàng Long, đền

cũng quay hướng đông nam. Đền được xây dựng từ thời nhà Nguyễn (thượng lương trong đền còn ghi: Tự Đức năm Tân Tỵ- 1881) đền thiết kế theo kiểu chữ đinh, tiền đường ba gian, chính tẩm hai gian. Nhà làm theo lối kèo cầu, xà bẩy, lợp ngói ta. Trải qua hàng trăm năm tuy có xuống cấp song đền vẫn còn nguyên vẹn như thiết kế buổi ban đầu. Trước chính tẩm có ba chữ đại tự *"Tối Linh Từ"* trong ban là bài vị thờ Đức Thánh Nguyễn.

Trong đền còn 4 câu đối nói về thân thế sự nghiệp, ca ngợi danh lam thắng cảnh nơi ông tu hành, nói về thú vui câu cá của ông.

Câu đối 1:

Thắng địa long xà trình tú lệ
Điếu đài sơn thuỷ tại cao thâm

Tạm dịch nghĩa:

Nơi đất tốt, Rắn, Rồng phô bầy vẻ lộng lẫy, tráng lệ
Chỗ ngồi câu cá, tại nơi nước thẳm, non cao

Câu đối 2:

Hệ xuất cổ đàm chiêu Thánh Đức
Danh truyền Hoàng Lý hiển công thần

Tạm dịch nghĩa:

Sinh ra từ làng Đàm, Đức Thánh (vinh danh) rạng rỡ

Danh truyền dưới thời Lý, công thần (tỏ rõ) hiển vinh

Câu đối 3:

Hữu triều long lĩnh tầng tầng trĩ
Tiền án trung khuê khúc khúc lưu

Tạm dịch nghĩa:

Bên phải núi tầng tầng như rồng uốn
Trước mặt sông lượn dài khúc khúc bao quanh

Câu đối 4:

Thiên cổ lưu phương thạch bất chuyên
Ức niên tại vọng đổng huyền cao

Tạm dịch nghĩa:

Nghìn đời lưu lại tiếng thơm (như) đá không rời

Vạn năm còn mãi tiếng vang xa (như) núi ngất cao

Nay còn lưu giữ được 6 đạo sắc phong của các triều đại cho Đức Thánh Nguyễn.

Đạo thứ nhất ngày 24.11.1846 (năm Thiệu Trị thứ 6)

Nội dung:

Sắc linh tuệ Minh Không thiền sư chi thần hộ quốc tí dân nẫm trứ

Linh ứng minh mạnh nhị thập nhất niên trực ngã

Thánh tổ nhân Hoàng Đế ngũ tuần đại khánh tiết khâm phụng

Bảo thiệu đàm ân lễ long đăng trật tứ kim phi ưng

Cảm mạnh miễn niệm thần hưu khả gia tặng linh tuệ trừng tĩnh chi thần

Nhưng chuẩn Gia Viễn huyện, Sinh Dược xã, y cựu phụng sự thần kỳ tương hữu

Bảo ngã lê dân khâm tai

Thiệu Trị lục niên thập nguyệt nhị thập tứ nhật.

Đạo thứ hai ngày 26.12.1846 (năm Thiệu Trị thứ 6)

Đạo thứ ba ngày 26.11.1850 (năm Tự Đức thứ 3)

Nội dung:

Sắc Minh Không thiền sư nguyên tặng linh tuệ tĩnh viên thông chi thần hộ quốc tí dân nẫm trứ linh ứng tiết mông ban cấp.

Tăng sắc chuẩn hứa phụng sự tứ kim phi ưng

Cảm mạnh miễn niệm thần hưu khả gia tặng linh tuệ trừng tĩnh viên thông đoan tiêu chi thần nhưng chuẩn gia Viễn huyện Sinh Dược xã y cựu phụng sự thần kỳ tương hữu bản ngã lê dân khâm tai.

Tự Đức tam niên thập nhất nguyệt nhị thập lục nhật.

Đạo thứ tư ngày 24.11.1880 (năm Tự Đức thứ 33)

Đạo thứ năm ngày 25.7.1925 (năm Khải Định thứ 9)

Đạo thứ sáu ngày.... 1925 (năm Khải Định thứ 9)

Các đạo văn tế giao thừa, mồng một, mồng hai,mồng ba tết nguyên đán, ngày giỗ Đức Thánh 10/8 (âm lịch), văn tế chạp Đức Thánh Nguyễn 20/11(âm lịch), văn tế hội đền Đức Thánh Nguyễn 15/2 (âm lịch) còn lưu giữ được như sau.

a- Văn tế giao thừa.

Quốc hiệu.....

Ngày tháng năm.....

Cung di.

Thánh vương viết tế hữu cựu tân thời phân hội tý vị tiền.

Xuân tiết sơ phùng phỉ nghi kính chí hữu dực kỳ lâm tuỷ xương nhi suý vạn hô hỗiuân bách ban sinh ý.

Cẩn cốc.

Bộ hạ tả hữu văn vũ ban liêu đồng cách hưởng.

b- Văn tế mồng một tết.

Quốc hiệu.....

Mồng một tháng giêng năm....

Cung di.

Thánh vương nãi thần nãi thánh dân vũ dân văn vị tiền. đối thời dục vật bảo quốc hộ dân tân xuân tiết giới.

Nguyên đán lễ trần ngưng kỳ mặc tướng tích rỹ hồng ân đán nhi phục đán tân hữu nhật tân phúc trùng lai hạ đồng nhất ban xuân thực kỳ huê rã.

Cẩn cốc.

Bộ hạ tả hữu văn vũ ban liêu đồng cách hưởng.

c- Văn tế mồng hai tết.

Quốc hiệu.....

Mồng hai tháng giêng năm...

Cung di.

Thánh vương đại nhi hoá chi đức kỳ thịnh hỷ vị tiền.

Vạn cổ linh thanh tứ thời hưởng tự tiết thuộc dương tam lễ trần sơ nhị ngưỡng giám vi kiền tích chi phúc chỉ huệ vũ ân cao xuân phong hoà khí thực kỳ huệ rã.

Cẩn cốc.

Bộ hạ tả hữu văn vũ ban liêu đồng cách hưởng.

d- Văn tế mồng ba tết.

Quốc hiệu....

Mồng ba tháng giêng năm...

Cung di.

Thánh vương danh truyền hải bắc ngưng chấn thiên nam ân hoằng xuân dục vị tiền.

Lưỡng quảng hải cực chiêu quang cửu thập húc nhật sơ tam cung trần lễ số ngưỡng vọng ân đàm khang cường phùng cát hoà lạc thả đam thực kỳ huệ rã.

Cẩn cốc.

Bộ hạ tả hữu ban liêu đồng cách hưởng.

g- Văn tế ngày giỗ Đức Thánh Nguyễn 10/8 (âm lịch)

1-Yết cáo văn.

Quốc hiệu.....

Ngày mồng mười tháng tám năm...

Cung di.

Thánh vương lục địa thần tuyên nam thiên phật tử công quán Lý triều vị tiền.

Ân đàm tử lý tiết thuộc trung thu lễ trần cáo kỵ ngưỡng kỳ cách tư tỷ đa phúc chỉ thượng mục hạ hoà phong thần mỹ tục thực kỳ huệ rã.

Cẩn cốc.

Bộ hạ tả hữu văn vũ ban liêu đồng cách hưởng.

2- Chính tế văn.

Quốc hiệu....

Ngày mồng mười tháng tám năm....

Cung di.

Thánh vương siêu phàm nhập thánh vị tiền.

Quá hoá tôn thần công thuỳ quốc điển trạch nhận sinh dân trung thu tiết thuộc hoá nhật lễ ngưỡng kỳ giám cách tích rỹ hồng ân thiên ưu tư chí bách phục biền trăn thực kỳ huệ rã.

Cẩn cốc.

Bộ hạ tả hữu văn vũ ban liêu đồng cách hưởng.

h- Văn tế chạp Đức Thánh Nguyễn (20/11 âm lịch)

1- Yết cáo văn:

Quốc hiệu.....

Ngày hai mươi tháng mười một năm....

Cung di:

Thánh vương lục trí thông thần cô trung phụ chúa công thực tối cao danh thuỳ bất hủ vị tiền.

Lạp nhật thích lâm yết nghi cẩn cụ bất hiển riệc lâm hữu thất kỳ cổ thượng mục hạ hoà nhân khang vật phụ thực kỳ huệ rã.

Cẩn cốc.

Bộ hạ tả hữu văn vũ ban liêu đồng cách hưởng.

2- Chính tế văn:

Quốc hiệu.....

Ngày hai mươi tháng mười một năm....

Cung di.

Thánh vương Quốc Sư vị liệt tể phụ huân danh vị tiền.

Thiên thu hách trạc vạn cổ anh linh tư lạp nhất cẩn cụ vi thiềng ngưỡng kỳ động giám tích rỹ hoà bình tứ dân lợi lạcđồng xa khang ninh thực kỳ huệ rã.

Cẩn cốc.

Bộ hạ tả hữu văn vũ ban liêu đồng cách hưởng.

k- Văn tế hội đền Đức Thánh Nguyễn (15/2 âm lịch)

Quốc hiệu....

Ngày tháng năm....

Cung di.

Thánh vương hải hà tứ chung sơn xuyên anh dục tứ khí dụng thành nam việt sư tích chiêu kim cổ kỳ quan vị tiền.

Nhập triều phụ đạo nam cung công danh bính đồ thư thực lục anh linh nghiễm nhược miếu đường tế lễ trường tồn xã tắc thích tư xuân tiết thuộc nghinh tân chính cải tang yêm lệ tân kỳ phúc đệ dung tế sự kiêm trở anh linh hiểu ngụ ư văn tư cổ kim niên lễ chước tòng nghi giản đuốc thức tân ư lễ tục ngưỡng bằng.

Thánh đức chi trung quang dụng tích hồng ân chi nhã độc sỹ nông công thương mại tứ dân

cộng tịch ư thái bình phú quí thọ khang ninh đồng xa ư quân mộng ư phục lộc thực kỳ huệ rã.

Cẩn cốc.

Bộ hạ tả hữu văn vũ ban liêu đồng cách hưởng.

(hội đền Đức Thánh Nguyễn thường tổ chức 3 năm một lần tại quê hương Ông, thôn Điềm Dương, xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Mở đầu hội là lễ thỉnh kinh, rước nước, tượng Đức Thánh được rước ra giữa sông để tắm. Tương truyền trước kia khi tượng Đức Thánh đến giữa sông thì có mạch nước trong vắt phun lên từ đáy sông để lấy nước tắm cho Ngài.)

Những năm 1960 do hậu cung đình làng Sinh Dược bị chuyển, bát hương, bài vị thờ Thành Hoàng làng Sinh Dược được đưa ra đây, năm 2004 hậu cung được sửa sang, bài vị Thành Hoàng được chuyển về thờ ở đình làng.

9. Miếu thờ quan Bản Thổ trại Đồng Lâm

Miếu thờ quan Bản Thổ Trại Đồng Lâm nay không còn song rất may là bài vị thờ quan Bản Thổ, bức đại tự, và câu đối trong miếu nhân dân trại Đồng Lâm còn giữ lại được.

Bài vị ghi:

Tề tĩnh dực bảo trung hưng Ngọc Dong Công Chúa thượng đẳng thần.

Bức hoành phi có bốn chữ:

Đồng Lâm hợp tự

Đôi câu đối:

Đồng nhân điểm dưỡng quần cư cộng mộc mẫu uy
Lâm cảnh hiển linh bách thất hàm chiêm thần phúc.

Tạm dịch nghĩa:

Cùng với người xây dựng bình yên dân cư đều thấm oai linh của Mẫu
Tới chốn này hiển linh trăm nhà đều thấu được phúc của Thần

Hiện nay còn giữ được 1 đạo sắc phong thần quan bản thổ trại Đồng Lâm, nhưng đã rách nát không còn rõ chữ.

Sắc ghi ngày 25/7/1925 (năm Khải Định thứ 9)

10. Đền Tư

Đền Tư được xây dựng ở địa phận cánh đồng Nứa làng Sinh Dược, cạnh đó có lỗ lùng Sao Sa nước quanh năm không bao giờ cạn (mạch nước

này nay là giếng nhà anh Dũng xóm 4 Gia Sinh). Đền quay hướng đông bắc, hiện chỉ còn một gian là hậu cung của đền khi xưa. Trước đây đền xây to phía trước là 3 gian tiền đường (ba gian tiền đường đã bán cho dân từ những năm 1960), rồi mới đến hậu cung, cây cối xum xuê, làng giao đền cho giáp tư trông coi. Đền thờ Ngọc Dong Công Chúa hiện còn bài vị trên ban thờ. Theo các cụ cao tuổi ở làng Sinh Dược cùng với phủ Lăng, đền Tư trấn giữ cửa rừng phía đông nam. Những người từ phía sông Hoàng Long đi vào rừng đều qua đây lễ cầu cho đi được an toàn. Ngược lại những người đi qua rừng an toàn đều vào đây lễ tạ.

11. Đền Phú Vinh

(còn gọi là đền Mom)

Đền Phú Vinh xưa thuộc thôn Đông Hồ, làng Sinh Dược, nay là xóm 6 xã Gia Sinh, theo văn tế còn lưu lại được thì đền thờ ba Bà Công Chúa là: Trinh uyển trang nghi dực bảo trung hưng Ngọc Dong Công Chúa Thượng Đẳng Thần. Trinh uyển trai tĩnh dực bảo trung hưng Hoàng Khang Công Chúa Trung Đẳng Thần và Thượng Ngàn Xuân Hoa Công Chúa. Đền quay hướng đông bắc, phía trước là ba gian sảnh đường, có cửa cuốn rất đẹp, phía sau là hậu cung để long ngai, bài vị, xung quanh đền là vải, nhãn, lộc

vừng cổ thụ. Những năm 70 của thế kỷ trước đền được lấy làm trụ sở UBND xã. Trận lụt năm 1985 đền bị hư hại nặng và hỏng nát, đến nay chỉ còn lại bức tường của cửa tam quan phía trước. Phía trên cửa chính ghi: Cung Thánh Vạn Tuế, cửa bên trái ghi: Tinh Hoa Thần, cửa bên phải ghi: Giả Đức Xương.

Ngày đại cát tháng 8 năm mậu tý đền Phú Vinh được khởi công xây dựng lại.

12. Phủ Lăng

Phủ Lăng thờ Duyên Khang Công Chúa và Trưởng Quốc Công Chúa, hai Công Chúa nhà Trần là người thuộc dòng họ Trần Đăng ở làng Sinh Dược. Phủ Lăng nằm trên đỉnh quả đồi hình con rùa ở xứ Đồng Mơ làng Xuân Trì, sát đường Anh Trỗi. Ở phủ Lăng còn hai đạo sắc phong thần.

Đạo thứ nhất ngày 11.8.1909 (năm Duy Tân thứ 3).

Nội dung:

Sắc tấn Ninh Bình tỉnh, Gia Viễn huyện, Xuân Trì trang, tòng tiền phụng sự dực bảo Trung Hưng

Linh Phù Duyên Khang công chúa chi thần dực bảo Trung Hưng Linh phù Trưởng Quốc công chúa chi thần tiết kinh bang cấp

Ân lễ giáng đăng truật đặc chuẩn y cựu phụng sự dung chí quốc khánh nhi thần tự điển khâm tai.

Duy Tân tam niên bát nguyệt nhất nhật

Đạo thứ hai ngày 27.5.1925 (năm Khải Định thứ 9)

Nội dung:

Sắc Ninh Bình tỉnh, Gia Viễn huyện, Xuân Trì xã tòng tiền phụng sự nguyên dực bảo trung hưng linh phù

Trưởng Quốc công chúa tôn thần hộ quốc tí dân ngẫm trước linh ứng tiết mông

Ban cấp sắc phong chuẩn hứa phụng sự tứ kim chính trị trầm tứ tuần đại khánh tiết kinh ban bảo chiếu đàm ân lễ giáng đăng phù phong gia tăng trinh uyển tôn thần đặc chuẩn phụng sự dung trí quốc khánh nhi thần tự điển khâm tại

Khải Định cửu niên thất nguyệt nhị thập ngũ nhật.

Các Công Chúa nhà Trần được những triều đại sau này suy tôn là các bậc tôn thần hộ quốc, Trưởng Quốc công chúa còn được gia tăng " Trinh Uyển Tôn Thần". Họ Trần Đăng còn lưu truyền câu chuyện về hai Công Chúa như sau: Khi buộc phải theo Hồ Quí Ly vào Thanh Hoá một số người trong thân tộc nhà Trần vẫn nuôi ý chí khôi phục vương triều, bề ngoài tuy tuân thủ nhà Hồ, song bên trong vẫn ngầm xây dựng lực lượng để nổi dậy khi có thời cơ. Bái Đính là một trong những

căn cứ của Nhà Trần thời bấy giờ. Hài cốt của hai Công Chúa được bí mật mang về đây và nơi cất táng được ghi là ở địa điểm:

Nam sơn tượng
Bắc thuỷ long
Song ngư lưỡng tượng
Nhật nguyệt vô phong.

Tạm dịch nghĩa:

Phía nam có núi như voi
Phía bắc sông uốn như rồng
Đôi cá, đôi voi (che chở)
Ngày đêm không có gió thổi.

Cụ thể là ở chỗ nào thì đến nay vẫn chưa xác định được.Phủ Lăng thiết kế hình chữ đinh, phía ngoài là nhà vòm, bên trái thờ tượng Đức Thánh Hiền, bên phải thờ tượng Thập Bát Long Thần. Trong hậu cung trên cùng là tượng Ngọc Hoàng Thượng Đế, tiếp theo là Tượng Mẫu (năm 2001 tượng Mẫu bị đánh cắp, tượng đang thờ là tượng phục chế năm 2004). Phía tường ngoài còn hai câu đối:

Câu I:

Thần phi ấu hoá vân tưởng thường hoa tuệ linh thông
Tiên cấm chân nhân thân ngọc vi tư băng vi pháp.

Câu II:

Linh thanh hách trược thiên thu hương
hoả lẫm huân cao

Nhai khí tước ân nguy nga lâu đài tân
cảnh sắc.

Phía trong trước hậu cung có câu đối:

Hoàng châu xuân sắc giang sơn cửu
Tiên cảnh Giao Trì nhật nguyệt minh.

Phủ lăng là nơi rất linh thiêng, trước cửa có hòn đá to khắc chữ "hạ mã" các triều đại trước đây quan quân đi qua nơi này đều phải xuống dắt ngựa. Các phường buôn bán qua đường thượng đạo giữa hai phủ Nho Quan và Trường Yên đều vào thắp hương để cầu may.

13. Đền Đầu Ghềnh

Đền Đầu Ghềnh (còn gọi là đền cây làn mát) ở đầu núi Phường thuộc thôn Xuân Trì. Đền được xây dựng không rõ từ bao giờ, dưới gốc cây làn mát. Cây rất to gốc cây phải 3-4 người ôm mới hết, đền thờ "Đông Hải thượng đô đốc, thượng đẳng thần", dưới gốc cây cạnh đền có một hòn đá nguyên khối hình chữ nhật, dài khoảng 1,2m, rộng 0,8m, cao 0,8m mặt phẳng lỳ, tương truyền đây là hòn đá Đức Thánh Nguyễn Minh Không ngồi chơi cờ. Năm 1962 cơn bão C đã lật

đổ cây làn mát và làm hư hỏng ngôi đền. Năm 2007 đền được xây lại song không phải trên nền cũ, đền quay hướng tây có hai cung. Cung trong ban thờ chính giữa đặt tượng *"Đông Hải thượng đô đốc"*, ban thờ bên phải đặt bát hương thờ *"Thành Hoàng"* làng Xuân Trì. Hiện còn giữ được một đạo sắc phong thần của *"Thành Hoàng"* làng Xuân Trì.

Nội dung:

Sắc Ninh Bình tỉnh Gia Viễn huyện, Xuân Trì xã tòng tiền phụng sự nguyên tăng dực bảo trung hưng.

Linh phù đô tổng đốc thái giám thượng quận công tôn thần hộ quốc tý dân nẫm trước linh ứng tiết mông

Ban cấp sắc phong chuẩn hứa phụng sự tử kim chính trị trầm tử tuần đại khánh tiết kinh ban bảo chiếu

Đàm ân lễ long đăng phù trước gia phong quang uý trung đẳng thần đặc chuẩn phụng sự dung chi quốc khánh nhi thân tự điển khâm tai

Khải Định cửu niên thất nguyệt nhị thập ngũ nhật.

(Ngày 25/7/1925 năm Khải Định thứ 9)

Ban bên trái thờ bà chúa thượng ngàn. Cung bên ngoài là bát hương thờ Công đồng. Hòn đá nơi Đức Thánh Nguyễn chơi cờ vẫn để nguyên chỗ cũ, cạnh cửa ra vào phía tay phải.

14. Đường Đầu Chòi

Đường Đầu Chòi là đường giao thông duy nhất của làng Sinh Dược nối từ sông Hoàng Long đến vùng chân núi Bái Đính. Con đường tồn tại gần 200 trăm năm này, có một điều đặc biệt là được xây dựng gần như toàn bộ bằng đá, từ nền đường cho tới mặt đường. Vì chỉ có đường đá mới tồn tại trong mùa lũ lụt. Điểm đầu phía đông bắc của con đường là bến đò Sinh Dược sát sông Hoàng Long, qua chợ Sinh Dược đường đi vào xóm Đồng Lâm, qua cống Cầu Kênh vào phía tây chân núi Làng Đồi rồi đi vào giữa làng Sinh Dược. Qua đình Trung khoảng 100m là đến cống giữa làng, tới đầu làng là cống Cầu Chuông rồi qua xóm ngoài. Từ đây khoảng 1km đường chạy qua đồng chiêm trũng thì tới Đầu Chòi (từ xa xưa nơi đây dựng chòi canh về đến đầu đường có chòi nên gọi là đường Đầu Chòi). Từ Đầu Chòi trở đi đường xuyên qua vùng đồi đến tận cánh đồng Sòng Ngang dưới chân đồi Ba Rau.

Từ câu đồng dao còn lưu truyền:

Sòng Ngang, Quai Vạc, Ổ Gà

Ba Rau, Đống Củi, chạy ra Đầu Chòi.

Và theo các bậc cao niên thì đường Đầu Chòi được đắp mô phỏng đường đi của Đức Thánh Nguyễn từ quê Đàm Gia Loan sang núi Bái Đính hái thuốc.

Con đường này dài khoảng 6km, bề mặt

rộng khoảng 2m được lát toàn bằng đá, tuy không được đục đẽo cẩn thận song đây là những tảng đá có chu vi nhỏ nhất cũng là 20cm x 30cm,thường thường đá kê mặt đường rộng 70-80cm. Theo gia phả họ Trần Đức thì vào những năm 1820- 1830 đường Đầu Chòi được hoàn thành, các cống Cầu Kênh, Cầu Chuông, Giữa Làng cũng bắc vào các năm đó. Cống Cầu Kênh, Giữa Làng nay không còn, chỉ còn lại cống Cầu Chuông đây là cây cầu bằng đá đẹp nhất trong vùng. Mặt cống là hai phiến đá dài 2,85m, dày 0,33m, một tấm chiều ngang là 1m, tấm kia là 0,8m. Hai đầu cống được kê bằng đá khối kích thước 30x40cm mỗi bên 10 hàng, chiều cao từ mặt cống xuống lòng ngòi khoảng 3m. Cống Cầu Chuông nằm cạnh bến trâu và ao nông dân (đây là một khoảng ao rộng, trước kia một bên người tắm, một bên là trâu tắm. Gọi là ao nông dân vì dưới chế độ cũ đất chật người đông, đa phần dân nghèo không có ao, nhà giầu có ao không cho nhờ vì thế mọi người ra đây tắm rửa nên gọi là ao Nông Dân. Nay thì tại đây đã xây dựng một cầu ao đẹp chủ yếu để khách qua đường rửa chân và chiều chiều mọi người ra hóng mát ôn lại những thời gian khó đã qua.

Do giao thông phát triển con đường không còn phù hợp với các loại phương tiện hiện đại do vậy nó bị bóc gỡ hầu như toàn bộ. Đến nay chỉ còn lại nền đường một số đoạn ngắn phía trên cống Cầu Chuông. Tuy vậy trong ký ức của nhiều thế hệ người làng Sinh Dược đường Đầu Chòi không chỉ là đường đi mà còn thắng cảnh, nơi

tình tự của biết bao đôi trai gái, nơi chia tay giữa người ở lại quê hương và người đi chiến đấu thời đánh Pháp, đánh Mỹ. Quanh năm hai bên đường rợp bóng thường bương, lộc vừng, mùa nước nổi hoa lộc vừng rụng đầy mặt nước như trải thảm hai bên đường. Con đường với hàng chục vạn khối đá được kiên trì đắp trong hàng chục năm trời là thể hiện tinh thần lao động sáng tạo, ý chí chinh phục thiên nhiên của người Sinh Dược. Đó là công trình kiến trúc có giá trị lớn nhất của nhân dân ở đây thời trước Cách Mạng.

15. Chợ Sinh Dược

Do nhu cầu buôn bán, trao đổi hàng hoá của nhân dân trong xã và các vùng xung quanh. Năm Tự Đức thứ chín (1857) hàng xã đã mở chợ Sinh Dược. Chợ nằm phía đông nam chân núi Hàm Rồng, giáp với sông Hoàng Long, trên bến, dưới thuyền nên tấp nập kẻ mua, người bán. Từ đây người Sinh Dược không còn hàng ngày phải tới chợ Điềm, chợ Lê trừ khi có nhu cầu thiết yếu. Hàng hoá thông thương, sản xuất phát triển các loại nông sản nổi tiếng của vùng Sinh Dược như củ từ, khoai sọ, lạc vừng mía...được chở đi bán khắp mọi nơi. Các đồ dùng sinh hoạt như muối, vải công cụ lao động như cày, bừa, dao, liềm, cuốc, xẻng... được cung cấp trực tiếp không phải đi mua xa như trước đây. Chợ họp vào các ngày chẵn

trong tháng.

Trong khuôn viên của chợ còn có đền thờ Đức Thánh Nguyễn, đình chợ. Nay chỉ còn đền thờ Đức Thánh Nguyễn, đình chợ không còn.

Sau khi mở chợ nhân dân trong vùng đã sáng tác diễn ca tả cảnh buôn bán ở đây, diễn ca có tên:

NHẬT TRÌNH

Sông Hoàng Long khúc khuỷu khéo thay
Quanh co lại lượn tới rày ngã ba
Nom lên cầu Gián còn xa
Đi qua núi Thiệu tới đò Trường Yên
Vực Vông, cổ giải bên trên
Đi đến sông Điềm sự tích Hoàng Long
Đều lên chợ mới khoan khoan
Nào là chư đạo đạo quan
Dừng chân ta sẽ vào hàng nghỉ ngơi
Sinh Dược chợ mới là đây
Có đền Đức Thánh ở ngay núi rồng
Trước đền chợ họp rất đông
Thuyền bè chèo lái những điều đua tranh
Kẻ gánh xuống người đội lên
Bán rong mua sắm chật chen sum vầy
Nào là các lái đông tây
Bắc nam hội tụ về đây cũng nhiều
Nhìn xem cảnh chợ có chiều vui thay

Qua chùa lại tới làng đây
Qua đền thì lại tới ngay Đầu Chòi.

Chợ Sinh Dược tồn tại hơn 100 năm, sau năm 1960 do đắp đê hữu Hoàng Long, chợ ở ngoài đê không thuận tiện nên chuyển đi nơi khác.

16. Động Long Ẩn

Động Long Ẩn thuộc thôn Xuân Trì, xã Gia Sinh (tên gọi của động đã được nói trong phần truyền thuyết về Nguyễn Minh Không). Động là ruột núi dài gần 2 km, chiếm khoảng 1/3 độ dài của cánh cung núi, phía đông nam núi Bái Đính. Cửa phía đông bắc là hang Vồng (hang như một cây cầu vồng tự nhiên chiều dài khoảng 10m, chiều cao khoảng 5m) cửa hang Vồng nhìn ra hồ Đàm Thị và chiếu thẳng về núi Hàm Rồng. Tương truyền hang Vồng là nơi ngự của bà Duyên Khang Công chúa, hiện Bà vẫn được thờ ở vách tây hang Vồng. Trước đây cứ vào dịp tết âm lịch là làng lại cho đấu thầu để tát hang lấy cá, trước khi tát mà không lễ Bà thì tát không bao giờ cạn. vì vậy trước khi mắc gầu là phải làm lễ khấn Bà, khi tát xong phải chọn con cá chép to nhất nướng vàng đem lễ tạ. Dưới hang Vồng có một nghách gọi là hang Cối Xay vì khi nước cạn cá dồn lại ở đây, hễ có động là cá giãy ù ù như xay lúa.

Đi từ cửa hang Vồng về phía tây khoảng

100m là hang Trâu, hang Trâu dài khoảng 100m lòng hang rộng và cũng thông sang thung hang như hang Vồng. Đi tiếp về hướng tây khoảng 300m chếch lên sườn núi cao khoảng 30m là hang Mắt Rồng, hang này có hai cửa nhìn xa tựa như hai mắt rồng nên gọi là hang Mắt Rồng. Đường ruột núi dài độ 250m nhưng khúc khuỷu, lên xuống, rất khó đi, nhiều chỗ thắt lại chỉ một người chui lọt, hang này rất phù hợp với loại hình du lịch mạo hiểm. Điểm cuối của hang Mắt Rồng cũng là Thung Hang, vì vậy khu vực cửa đông bắc của động Long Ẩn là một quần thể hang động rất phong phú và đa dạng, nối liền với nhau. Có động phải đi bằng thuyền, có động ta đi bộ, hang Vồng sáng sủa, nguy nga, tựa nơi tiên cảnh, như cây cầu đưa ta lên trời, còn đường trong hang Mắt Rồng, chỗ tối, chỗ mờ, huyền ảo như đường về âm phủ. Cửa động phía tây nam là hang Nước, hang nước nhìn ra thung Áng Nồi.

Xuống thuyền từ hang Nước đi khoảng 500-600m có một nhánh hang rẽ ra thung Cậy, đi tiếp khoảng 700-800m nữa lại có một nhánh hang rẽ về khu hang động Tràng An. Đường trong hang ngoắt ngoéo và đầy vẻ kỳ thú, nơi này nước trong qua luồng ánh sáng ta nhìn thấy cá đang bơi, chỗ kia trong bóng tối, nhờ ánh đèn ta có thể nhìn thấy hàng trăm con dơi treo ngược ngủ im lìm, nếu động mạnh chúng đồng loạt vù bay loạn xạ. Động Long Ẩn tập trung đủ loại nhũ đá, và còn hoang sơ. Đến đây ta cảm thấy mình gần gụi, và càng yêu quí thiên nhiên hơn.

17. Hang Tiền

Vùng Sinh Dược có hai hang núi được gọi là hang Tiền. Hang Tiền thứ nhất nằm ở cánh cung núi, phía đông nam núi Bái Đính. Hang nằm dưới chân núi Tiền thuộc thôn Xuân Trì, xã Gia Sinh. Hang quay hướng Bắc Đông Bắc, nhìn ra sông Hoàng Long. Núi Tiền là ngọn núi nhỏ nhô ra sát sông Hoàng Long, hang Tiền là một vòm đá nhỏ nhưng rất đẹp, bên trong có bát hương thờ Bà Chúa Tiền. Nhân dân trong vùng, khách buôn bán đường sông thường ghé thuyền lễ để xin lộc, mong làm ăn, buôn bán phát đạt. Thời trước trẻ chăn trâu hay vào chơi, trú mưa, trú nắng trong hang, chúng thường lấy tiền (loại tiền xu bằng đồng) chơi đáo, chơi ô ăn quan, có đứa bỏ tiền vào túi để đem về nhà chơi tiếp, nhưng lạ thay túi không thủng mà về đến nhà không thấy tiền đâu. Khoảng những năm 1940 Thạch Hộ và một số chủ thầu tay sai của phát xít Nhật, sử dụng hang Tiền để làm kho chứa mìn để phá các núi Hàm Rồng, núi Rồng, núi Rắn, núi Nhãn lấy đá. Tháng 7 năm 1943 nhân dân Sinh Dược đã đấu tranh và đuổi được số này không cho chúng phá núi nữa. Nhưng đến nay núi Tiền không còn, chỉ còn hang Tiền, nên chăng ở đây cần xây dựng đền thờ Bà Chúa Tiền.

Hang tiền thứ hai ở núi Cánh Cốc, nằm trong vòng cung núi phía tây bắc núi Bái Đính, trong hang cũng thờ 3 vị thần Tiền. Hang không rộng lắm, cửa hang quay phía tây trước mặt là

sòng Nứa, bên phải là đồi Tròn, bên trái là đường ra quèn Ma. Trong hang trước kia cũng có rất nhiều loại tiền bằng kim loại, nhiều đồng như đã hoá thạch. Trẻ chăn trâu rất hay vào đây lấy tiền chơi đáo, nhưng cháu nào vô ý bỏ tiền vào túi thì không biết lối về nhà, mà chỉ đi quanh quẩn đâu đó. Ở các làng Lê Thượng, Lê Trì (nay là thôn Lương Sơn) trước kia, nếu tối không thấy trẻ chăn trâu về nhà là gia đình đoán ngay các cháu đã trót dại lấy tiền trong hang. Mọi người đốt đuốc đi tìm thì quả đúng như vậy liền dẫn cháu bé đến hang trả tiền và khấn vái tạ ơn Thần Tiền rồi đưa cháu về. Những người chặt củi vô ý chặt vào cây bên cửa hang khi về nhà không mắc bệnh nọ thì bệnh kia, khi biết ra lên hang lễ tạ mới khỏi. Thời gian gần đây một số người mưu lợi, nghe tin đồn đã mang máy dò kim loại đến dò tìm tiền vàng, nhưng lạ thay máy không cho tín hiệu, người điều khiển ngã sứt chân, vội vàng rủ nhau về. Gia đình ông Lưu Văn Tửu, bà Trần Thị Tấm ở xóm 2, thôn Lương Sơn, nhà ở dưới cửa hang vẫn thường xuyên trông coi, và hương khói ở đây.

18. Núi, động chùa Bái Đính

Trong *"Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biện"*, cụ Nguyễn Tử Mẫn giới thiệu về núi Bái Đính như sau: *"Núi Bái Đính (Bái Lĩnh) ở địa phận các xã Phúc Lai, Sinh Dược, Mộc Hoàn,*

Xuân Trì, Lê Xá, Độc Trang liền địa giới hai huyện Phụng Hoá, Gia Viễn ở phía tây huyện Gia Viễn. Đấy là một dải núi đất liền với phần núi Chi Phong, Trường Yên. Trên đỉnh núi có đền thờ thần Cao Sơn là một trong năm mươi người con lên núi của Lạc Long Quân, là vị thần thứ hai của Tản Viên đến đây" (tr 110).

Nay khu du lịch tâm linh Bái Đính, trong quần thể du lịch Tràng An nằm trọn vẹn trong địa giới hành chính của xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Khu du lịch tâm linh Bái Đính có Động chùa Bái Đính.

Núi Bái Đính cao khoảng hơn 187m, rộng khoảng 15.000m^2. Núi như một người khổng lồ toạ đông bắc hướng về tây nam. Đỉnh núi không nhọn xuôi từ đông sang tây. Trong quần thể núi non trùng điệp từ Hoà Bình về đến Hoa Lư-Ninh Bình không có đỉnh núi nào trông đẹp đến thế. Núi vừa tráng lệ, hùng vỹ, mà không gai góc, làm cho ta cảm thấy dễ gần cái hoang sơ của thiên nhiên.

Núi có bài thơ chữ Hán ca ngợi như sau:

"Đính Sơn độc chiếm nhất danh cao.
Bảo chướng Hoàng đô tự tích triều.
Nhân kiệt địa linh chung vượng khí.
Huyền sơn mỹ lệ tráng kim âu".

Tạm dịch nghĩa:

Đính Sơn riêng chiếm tiếng tăm cao.
Che chở Hoàng đô trải mấy triều.
Người giỏi đất thiêng nhờ vượng khí.

Non huyền đẹp đẽ vững kim âu.

Phía bắc chân núi là con đường đèo độc đạo, nối hai phủ Thiên Quan và Trường Yên thuở xưa. Cạnh con đường đó là ba quả đồi Ba Rau nơi Đức Thánh Nguyễn bắc nồi nấu cơm theo truyền thuyết. Sườn phía đông núi là mán đá trắng, tương truyền đây là nơi ở của mẹ con Nhà Ngọc. Những đêm tối trời, mẹ con Nhà Vàng, Nhà Ngọc thường biến thành những đàn lợn bằng vàng kéo nhau đi sáng lấp lánh cả một vùng rừng núi. Áp sườn phía nam của núi, dưới cửa động hang sáng là thung Đền, rộng khoảng 3-4ha, nơi xưa kia là vườn thuốc của Đức Thánh Nguyễn. Phía tây núi là đường lên động.

Núi Bái Đính còn giữ được vẻ nguyên sơ của núi rừng ngày xưa, ở đây tập hợp hầu hết các loài thực vật của cả vùng, cây cối tốt tươi, bốn mùa xanh ngắt. Đầu tháng giêng,tháng hai trên đường lên động, cùng với cái ẩm, lành lạnh của mưa xuân là thoang thoảng mùi hoa bưởi, khi những ánh nắng cuối xuân rực vàng cũng là lúc hoa na na khoe sắc vàng tươi. Với cái nắng đầu hè, du khách chưa kịp lau ráo mồ hôi, đã thấy cái thơm, mát ngọt của hoa dẻ rừng xoa nhẹ làn da, càng nắng hoa Dẻ càng vàng như màu áo cà sa làm cho cửa thiền thêm tôn nghiêm, kính cẩn. Cuối hè, đầu thu bay khắp cả núi là mùi hoa ngâu rừng, loại cây chỉ mọc rất sâu trong ngách đá cao trên sườn núi. Núi Bái Đính cũng là nơi tập trung hầu hết các loại nam dược của cả khu vực này. Thật xứng danh là vùng núi Sinh Dược (thuốc sống) nơi

mà cách đây gần một ngàn năm Đức Thánh Nguyễn đến tìm thuốc để trị bệnh cứu người. Ông là người phát hiện ra động Bái Đính và tạo dựng thành chùa thờ phật, rồi lấy đây làm nơi tu hành. Để từ đó danh lam thắng cảnh này đi vào sử sách của vùng phủ Trường Yên xưa cũng như của tỉnh Ninh Bình ngày nay.

Đường lên động dài 265 bậc đá. Từ chân núi qua 134 bậc đá là đến cửa tam quan, từ cửa tam quan đi tiếp 25 bậc đá ta đến bia di tích lịch sử văn hoá. Hòn đá dưới chân bia là nơi ngày 6 tháng giêng năm quí mùi (1943) ông Trần Tử Bình lúc đó là ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ đứng diễn thuyết. Là ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ, được phân công phụ trách chiến khu Quỳnh Lưu, sau khi phát hiện lễ hội chùa Bái Đính có rất đông nhân dân trong vùng đến dự, ông Trần Tử Bình đã quyết định tổ chức mít tinh ngay tại lễ hội này. Lực lượng tự vệ làng Sinh Dược có nhiệm vụ bảo vệ và hoá trang đưa Ông về vị trí an toàn. Người tới dự lế hội rất đông gồm có cả nhân dân các tổng Quỳnh Lưu, tổng Lê Xá, tổng Trường Yên.... giữa đám đông quần chúng Cách mạng ông Trần Tử Bình "Hóa trang" mặc áo chùng thâm, đầu quấn khăn đỏ, lưng thắt khăn xanh "Bốc đồng" xưng danh là Đinh Tiên Hoàng Đế và phán bảo rằng "Hỡi, hỡi các con, các cháu, bè lũ giặc Nhật, giặc Pháp cướp của giết người, hà hiếp dân ta, cả âm dương đều oán gét, trời không dung, đất không tha, Các con, các cháu hãy đoàn kết xung quanh mặt trận Việt Minh, đứng lên đánh đuổi giặc

Nhật, giặc Pháp, giành lại chính quyền, giành lấy độc lập, giành lấy cơm no, áo ấm...". Cuộc mít tinh đạt kết quả tốt, lan toả nhanh, tác động mạnh đến phong trào cách mạng cả một vùng rộng lớn như Nho Quan, Gia Viễn, Gia Khánh...Tiếp theo các ngày hội chùa Bái Đính năm giáp thân (1944), năm ất dậu (1945), bà Nguyễn Thị Hưng là cán bộ Xứ uỷ, uỷ viên ban cán sự tỉnh Ninh Bình (bà là vợ ông Trần Tử Bình), được tỉnh cử về, nhân dân Sinh Dược đã bảo vệ bà diễn thuyết, tuyền truyền cách mạng trước những người đi hội. Kết quả tuyền truyền đã tác động rất lớn đến phong trào cách mạng ở Gia Sinh và các vùng xung quanh, củng cố phát triển Việt Minh, tích cực chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám năm 1945.

Đi tiếp 18 bậc đá nữa rẽ tay phải là nơi thờ tổ ở đây đặt tượng tổ Đạt Ma và tượng tổ sư chùa Đà A. Hai pho tượng này đều ở chùa Đà A (chùa Đà A nằm ở chân núi Hàm Rồng, cạnh sông Hoàng Long). Năm 1960 khi chùa được sử dụng làm trường học các pho tượng này được chuyển về đây. Có sách ghi pho tượng đặt cạnh tượng tổ Đạt Ma là tượng sư cụ Thích Thanh Tỉnh. Điều này cần xem lại vì sư cụ Thích Thanh Tỉnh chỉ ở đây khoảng 10 năm (từ 1937-1946), cụ có công lớn trong việc tạo dựng nơi thờ tự ở động tối, nhưng trong trí nhớ của các tín đồ đạo phật ở Sinh Dược thì chùa Bái Đính không có tượng của Cụ.

Từ động thờ Tổ lên 77 bậc đá, rẽ tay phải là động Sáng (động này xuyên qua lòng núi cửa lối

lên quay phía tây bắc, cửa kia quay phía đông nam), rẽ tay trái là động Tối. Phía trên cửa động sáng đề bốn chữ: Minh Đỉnh Danh Lam, động cao gần hai mét, dài chừng 25 mét, nơi rộng nhất khoảng 15 mét, nền động bằng phẳng, mái trần của động không có nhũ đá rủ xuống mà phẳng lỳ như có ai mài dũa vậy. Quanh thành động là các nhũ đá tạo thành nhiều hình khối khác nhau trông rất kỳ thú đây là một trong những động núi đẹp nhất ở Ninh Bình. Động sáng chia làm hai phần, nửa phía tây bắc là chùa thờ Phật (vì thế thung phía trước mặt gọi là thung Chùa), nửa phía đông nam là đền thờ thần Cao Sơn (vì thế thung phía trước cửa gọi là thung §ền). Hiện nay còn giữ lại được sáu đạo sắc phong thần Cao Sơn tại Bái Đính.

Đạo sắc thứ nhất ngày: 26.7.1784 năm Cảnh Hưng thứ 44.

Đạo sắc thứ hai ngày: 4.12.1824 năm Minh Mệnh thứ 5.

Nội dung:

Sắc Cao Sơn chi thần hộ quốc tí dân nẫm trứ công đức

Kính hữu lịch triều phong tặng phụng ngã

Thế tổ cao Hoàng Đế thống nhất hải vu khánh bị thần nhân tứ kim

Phí ưng cảm mạnh quang hiệu hồng đồ miễn niệm thần hưu hạp

Long ân điển khả gia tặng chi thần chuẩn hứa

Gia Viễn huyện Sinh Dược xã y cựu phụng sự thần kỳ tương

Hữu bảo ngã lê dân khâm tai.

Minh Mạng ngũ niên thập nhị nguyệt sơ tứ nhật.

Đạo sắc thứ ba ngày 12.5.1844 năm Thiệu Trị thứ 4.

Nội dung:

Sắc hiệu linh Cao Sơn chi thần hộ quốc tí dân nẫm trứ linh ứng

Tiết mông ban cấp

Tặng sắc chuẩn hứa phụng sự Minh Mệnh nhị thập nhất niên trị ngã

Thánh tổ nhân Hoàng Đế ngũ tuần đại khánh tiết khâm phụng

Bảo thiệu Đàm ân lễ long đăng chật tứ kim phi ưng

Cảm mạnh miễn niệm thần hưu khả gia tặng hiệu linh đôn tĩnh chi thần nhưng chuẩn hứa

Gia Viễn huyện, Sinh Dược xã, y cựu phụng sự thần kỳ tương

Hữu bảo ngã lê dân khâm tai

Thiệu Trị tứ niên ngũ nguyệt thập nhi nhật

Đạo sắc thứ tư ngày 8.6.1844 năm Thiệu Trị thứ 4

Nội dung:

Sắc hiệu linh đôn tĩnh Cao Sơn chi thần hộ quốc tí dân nẫm trứ linh

Tiết mông ban cấp

Tặng sắc chuẩn hứa phụng sự tứ kim phi ưng

Cảm mạnh miễn niệm thần hữu khả gia tặng hiệu linh đôn hung tuấn chi thần.

Nhưng chuẩn hứa Gia Viễn huyện, Sinh Dược xã, y cựu phụng sự

Thần kỳ tương hữu bảo ngã lê dân khâm tai

Thiệu Trị tứ niên lục nguyệt bát nhật

Đạo sắc thứ năm ngày 24.11.1880 năm Tự Đức thứ 33

Đạo sắc thứ sáu ngày 1.7.1887 năm Đồng Khánh thứ 2

Nội dung:

Sắc hiệu linh đôn tĩnh hùng hậu trắc vỹ Cao Sơn thượng đẳng thần

Trung lương linh diệu địch cắt lăng tĩnh Quý Minh thượng đẳng thần

Linh tuệ trường tĩnh viên thông đoan tiêu Minh Không thiền sư chi thần

Hướng lai hộ quốc tí dân nẫm trứ linh ứng tiết mông ban cấp

Tặng sắc lưu tự tứ kim phi ưng

Cảm mạnh miễn niệm thần hưu khả gia tặng linh bảo trung hưng các đẳng thần

Nhưng chuẩn hứa Ninh Bình tỉnh Gia Viễn huyện Sinh Dược xã y cựu phụng sự thần kỳ tương hữu bảo ngã lê dân khâm tai

Đồng khánh nhị niên thất nguyệt sơ nhất nhật.

Chùa thờ phật, đền thờ thần ở động sáng có từ thời Đức Thánh Nguyễn. Trải hàng ngàn năm vật đổi sao rời, kể cả nhữngg khi có sư trụ trì, hay không có sư trụ trì nhân dân Sinh Dược đều cắt cử người trông coi, chăm sóc, bảo vệ, đèn nhang thờ thần, thờ phật. Duy trì lễ hội chùa Bái Đính vào ngày mồng sáu tháng giêng hàng năm, cả chùa và đền đều được sửa sang ngày một đẹp hơn, làm hài lòng phật tử đến từ mọi miền đất nước. Những sự kiện gần đây nhất còn ghi lại được việc tu sửa đền, chùa ở đây.

- Đời vua Tự Đức cả chùa và đền, đều được trùng tu (văn tự còn khắc trên vách đá phía tay phải cửa đền thờ thần Cao Sơn).

- Năm 1937 sư cụ Thích Thanh Tỉnh về trụ trì ở đây chùa và đền tiếp tục được sửa sang và lập ban thờ bên động tối.

- Năm 1960 khi chùa Đà A chuyển làm trường học, tượng thờ ở đây và chùa chợ Sinh Dược đều chuyển về chùa Đính (có cả hai ông hộ pháp)

- Năm 1970 khi chùa Lê chuyển làm trường học tượng thờ cũng chuyển về chùa Đính.

- Năm 2008 tất cả tượng phật đều được thay bằng tượng đồng (chỉ có tượng thần Cao Sơn

trong động là tượng cũ bằng gỗ) . Giờ thân ngày 15/4/2008 (ngày 10/3 mậu tý), hội phật giáo tỉnh Ninh Bình, chính quyền địa phương và đông đảo tín đồ, phật tử đã làm lễ an tâm tượng và khánh thành trùng tu chùa, đền trong cả động sáng, động tối trên núi Bái Đính.

Trước cửa chùa trên động sáng là hai ông Hộ Pháp bên phải là Ông Thiện, phía sau ông là quả chuông cao 1,50m, đường kính miệng 0,80m, bên trái là Ông Ác. Bước vào cửa chùa bên phải là tượng Đức Thánh Hiền, bên trái là tượng Đức Ông. Lễ Đức Ông mới lễ ở thượng điện (lễ trình).

Trên thượng điện:

- Hàng thứ nhất: Ba pho tượng Tam Thế, ở giữa là Tượng Phật hiện tại, bên phải là Tượng Phật quá khứ, bên Trái là Tượng Phật tương lai.

- Hàng thứ hai: Tượng Thích Ca Mâu Ni.

- Hàng thứ ba: Tượng Quan Thế Âm Bồ Tát.

Qua chùa theo nghách hang bên trái là đền thờ thần Cao Sơn. Đền quay hướng nam, tượng thần Cao Sơn bằng gỗ sơn son thếp vàng, hai tay cầm thẻ bài Vua ban trước ngực. Ý ông muốn nói với các thế hệ sau rằng đây là đất sinh từ Vua ban, vì theo thần phả "Quí Minh Đại Vương" thì ông đã cùng với Tản Viên Sơn Thánh, Quí Minh Đại Vương lấy đây làm căn cứ để chống quân Thục Phán. Sau chiến thắng quân Thục ông được gia phong Cao Sơn Đại Vương, được Hùng Duệ Vương ban đất lập sinh từ thờ tự.

Từ cửa đền qua 76 bậc đá lại xuống đến đền thờ thần Cao Sơn, tượng Thần Cao Sơn bằng đồng dát vàng, cao 1,50m được đặt trong hậu cung, hình dáng như tượng thần Cao Sơn trên động. Đền quay hướng đông đông nam, tiền đường ba gian, hậu cung hai gian ngắn (đền mới xây dựng và khánh thành năm 2008). Trước cửa đền là thung đền, vườn thuốc của Nguyễn Minh Không trước kia.

Trở lại cửa động sáng, khoảng giữa hai động sáng và động tối là đền thờ "Lý Triều Quốc Sư" Nguyễn Minh Không, đền quay hướng tây tây nam, cùng hướng của cửa tam quan dưới chân núi. Đây là ngôi nhà sàn hai tầng, tầng dưới là bê tông cốt thép, rộng khoảng150m2 để thoáng, là nơi tín đồ nghỉ ngơi, sắm lễ trước khi lên lễ ở tầng trên. Tầng trên là nhà gỗ lim, năm gian tiền đường, một gian hậu cung, tượng Nguyễn Minh Không bằng đồng dát vàng cao 1,50m đặt ở đây (đền mới xây dựng và khánh thành năm 2008).

Đối diện với động sáng thờ Phật là động tối thờ Bà Chúa Liễu Hạnh. Cửa động tối quay hướng nam 170 độ. Động tối được phát hiện sau động sáng rất lâu, vào khoảng những năm 1930, một người dân đi lấy củi đã tìm thấy cửa động ẩn sau một ổ mối lớn. Năm 1937 sư cụ Nguyễn Thanh Tỉnh đang trụ trì ở chùa Quang Sỏi, được hội đồng kỳ hào của xã lúc đó do ông Trần Văn Ngự làm lý trưởng mời về trụ trì chùa Bái Đính, sau đó khoảng hai năm với sự đóng góp của dân làng, tiền quyên cúng của khách thập phương, sư cụ đã

thuê người nặn tượng, đúc chuông ở hang tối. Việc đúc chuông cũng có nhiều rắc rối. Ông Ngô Văn Lơi lúc đó là tiên chỉ của làng muốn được ghi tên mình lên chuông nhưng hội đồng kỳ hào và sư cụ Thanh Tỉnh không nhất trí dẫn đến mâu thuẫn, và là một trong những nguyên nhân của việc cướp tài sản xảy ra ở chùa Bái Đính vào 4 năm sau. Tượng được lên khuôn và làm ở Đình Trung Sinh Dược, chuông mở lò đúc ngay tại thung bên dưới chùa, chuông do thợ Đồng Quĩ, Nam Định đúc. Ông Nghiêm Trung Nghĩa (ông giáp Nghĩa) được hội đồng kỳ hào cử là đại diện dân làng làm hưng chủ trong lễ đúc chuông. Ông mặc quần áo đỏ, đội mũ đỏ ngồi trên chòi cao. Khi lễ đúc chuông kết thúc, quần, áo, mũ được xé chia cho mỗi người giữ một mảnh để cầu may. Ba quả chuông được đúc thời ấy gồm 1 quả to, 2 quả nhỏ. Năm 1941 xảy ra việc cướp tại chùa Bái Đính, 3 quả chuông và một số tài sản bị lấy mất, về sau này chỉ tìm lại được một quả chuông nhỏ. Sư cụ Thanh Tỉnh cáo giác việc này với chính quyền thời ấy, các thủ phạm của vụ cướp đều bị bắt và đày đi Ai Lao. Năm 1946 sư cụ Thích Thanh Tỉnh chuyển về trụ trì ở chùa Phúc Chỉnh (thuộc thành phố Ninh Bình ngày nay).

Động Tối cao và rộng hơn nhiều so với động Sáng, có thể chứa đến mấy trăm người. Động có 7 hang gọi là 7 buồng, mỗi hang có cấu tạo khác nhau, hang ở trên cao, hang ở dưới sâu hơn 4m, có hang nền phẳng, có hang nền trũng nhưng đều có ngách thông nhau. Trong vùng ít có động nào lại

nhiều buồng đến vậy Nhũ đá ở đây cũng tuyệt đẹp, tạo thành nhiều hình khối kỳ thú vô cùng. Chỗ này như bó lúa treo, chỗ kia như rèm che cửa, chỗ là bàn cờ, nơi đánh cờ của Nam Tào, Bắc Đẩu. Chỗ như tiên nữ đang nằm chơi, tiên nữ hứng gió chải tóc, tiên nữ đang cày ruộng. Ruộng có bờ,có thửa, có chỗ tát nước gàu sòng, có ao bèo nước trong tận đáy. Lại có chỗ thạch nhũ kết dài như một cây đàn, khi gõ nhẹ âm thanh, âm trầm du dương như tiếng chim kêu trong gió. Trong động còn có đường lên trời, từ bờ ao bèo đi về phía tay trái qua một nghách đá nhỏ mà dân ở đây quen gọi là cửa động con bạn sẽ vào một động kín tuyệt đẹp và tối như bưng, từ đây có đường đi lên đến tận đỉnh cột cờ của núi Bái Đính, muốn đi bạn phải là người thích du lịch mạo hiểm và phải có ánh sáng thật tốt. Đường xuống âm phủ sâu thăm thẳm, càng xuống miệng hang càng nhỏ dần, đến một đoạn nào đấy thả một hòn đá bạn sẽ nghe tiếng đá lăn sâu vào trong lòng núi, có lẽ chưa có ai đi đến nơi tận cùng của lối xuống âm phủ này. Ở đây âm dương giao hoà thật là nơi tiên cảnh.

- Năm 1939 khi sư cụ Thích Thanh Tỉnh đúc chuông nặn tượng ban thờ ở động tối, Chính giữa là tượng bà chúa Liễu Hạnh, bên trái là tượng Duy Tiên Công Chúa, bên phải là tượng Quí Hoa Công Chúa, hai bên phía trước là tượng hai tiểu đồng đứng hầu. Cửa động phía tay trái là tượng Ông hổ.

- Nay trên ban, thờ tam toà Thánh Mẫu, Chính giữa là Mẫu Liễu Hạnh- Mẫu đệ nhất, bên

tay phải là Mẫu Thượng Ngàn- Mẫu đệ nhị, bên tay trái là Mẫu Thoải - Mẫu đệ tam. Phía trước toà Thánh Mẫu, ở bệ thấp hơn thờ Ngũ vị tôn ông.

Qua hang thứ nhất đi về phía tay trái là một hang rộng, trần hang như một cái lọng lớn ở đây thờ tất cả các tượng cũ đưa từ chùa Lê, chùa Đà A, chùa Chợ Sinh Dược, tượng động sáng, động tối làm từ trước về đây, có thể gọi hang này là hang "Về Nguồn". Vì đây là kho tư liệu quí giúp các nhà Sử học, Phật học trong các công trình nghiên cứu của mình về núi Chùa Bái Đính và quần thể đền, chùa thờ tự ở vùng Sinh Dược.

Từ hang thứ nhất đi về phía tay phải, là đường xuống "Ao Bèo" tên cũ, nay được gọi là "Giếng Tiên". Trên vách tay trái giếng là đường lên trời và đường xuống âm phủ.

Trước cửa hang còn một bia đá mặt trước ghi tên tín đồ, phật tử đóng góp xây dựng chùa Bái Đính, mặt sau bia còn để lại bài thơ bằng chữ quốc ngữ nhan đề.

MINH ĐỈNH DANH LAM

(Bài thơ ca ngợi cảnh đẹp động chùa Bái Đính của Tuần phủ Ninh Bình Phan Đình Hoè)

Nam mô a di đà phật
Kho vô tận ở trong trời đất

Trải muôn đời tiên phật để dành đây
Nước non với nước non này.
Du lịch mấy nay mà cảnh vắng.
Trường Yên thử địa đa danh thắng
Bái Đính cao phong hiện thạch am
Bốn chữ đề "Minh Đỉnh Danh Lam"
Ấy nét bút Thiên Nam Động Chủ
Tự Thanh Tĩnh xuất gia từ nhỏ
Rộng rãi truyền tiên nhập Thiên Thai
Đương năm Bảo Đại thứ mười hai (1937)
Thư đài - các tới phòng trai dịch lễ
Duyên thịnh hợp lòng dân một thể
Cảm thịnh tình nên nhẹ bước trường non
Giữa lưng trời một cửa thiền môn
Một mình mấy, một non cùng ẩn dật
Thiện tín khắp trên đồng dưới đất
Đều vui lòng qui phật qui tăng.
Thuyền tu tiếng phải nói rằng
Cảnh có phải siêng năng.
Nên cảnh đó đẹp trong hồng trường mãi.
Bụt lại hiện, nam đồng rót ba chuông đổ hồi ngày tháng
Sửa sang mảnh đá, lát làm đường lên xuống,
Nào đặt Thượng Ngàn, nào Thánh Cô,
Nào thiên tướng đã tạc nên thần tượng
Mấy phủ một tay gây nổi cơ đồ,
Công đức ấy do người giúp đỡ
Việc thành phúc quả bằng nhân

Chợ trường kỷ danh phương hữu thạch
Để danh thơm đã có bia đề
Thanh kỳ lại mượn bút hoa giãi bày
Núi kia ai tạc ai xây
Bên kia động Phật bên này động Tiên
Đấng thần cũng ở một bên
Thánh Cao tượng đúc toan xem
Cứ xem trong tập truyện kỳ
Tích xưa Đức Khổng, tổ sư còn truyền
Ô thóc thánh bàn cờ tiên
Nơi xưng Đống Củi, nơi truyền Ba Rau
Đá Soi, Đá Sẻ nhiệm màu
Mạch Lươn, Quay Vạc bấy lâu vẫn còn
Nào Địch Lộng nào Thiên Tôn
Bàn Long, Bích Động xem còn kém đây
Năm thân thẳng một rồng bay
Luật hàn xin diễn một bài lưu danh.

Nam mô Phật tổ chứng minh
Thơ rằng:
Minh Đỉnh Danh Lam cảnh tự nhiên
Mà nay thờ phụng Phật, Thần, Tiên
Bàn Cờ, ô Thuốc hình như tạc
Đống Củi, Ba Rau giấu những truyền
Hang lượt cỏ cây hoa mến chủ
Cuộc bao dâu bể sóng còn nguyên
Cảnh từ Đức Tổ Điềm Giang trước
Nhưng vẫn chờ người có thiện duyên.

Là một danh thắng nổi tiếng nhưng việc trông coi, tôn tạo động, chùa Bái Đính không phải thời nào cũng thịnh, có thời gian nơi đây ít người qua lại, cảnh vắng đìu hiu.

Trong nhân dân vùng này cũng còn truyền lại bài thơ viết về chùa Bái Đính của thày giáo Hoàng Đình Tu, một nhà giáo yêu nước người xã Gia Phương, Gia Viễn từ những năm 1920. Nhà giáo Hoàng Đình Tu tiếc cho nơi Tiên cảnh không người coi sóc, bài thơ có nhan đề:

ĐẾN CHÙA BÁI ĐÍNH

Sang Sinh Dược vào chơi chùa Đính
Đoái nhìn xem phong cảnh mà ưa
Từng từng đá mọc nhấp nhô
Hoa chào trên núi gió đưa dưới đồi
Chuông cổ tự mấy hồi ánh ỏi
Hang từ bi một lối thênh thênh
Cửa thiền càng ngắm càng say
Khiến người lữ thứ động tình tha hương
Tiếc thay cảnh ấy dị thường
Không người chăm sóc trông coi như là
Chốn Tiên vắng khách trần ai
Khúc khuê còn ở thiên thai cũng sầu.

Đỉnh trên nóc động tối là đỉnh cao nhất của núi Bái Đính và gọi là đỉnh Cột Cờ.

Bái Đính là danh lam thắng cảnh, là nơi thờ

Phật, thờ Tiên, song với vị trí chiến lược, vừa kín đáo, vừa án ngữ khống chế cả đường bộ, đường thuỷ nối hai phủ Thiên Quan và Trường Yên xưa kia. Nơi đây đã trở thành căn cứ địa của nhiều cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Thời Hùng Vương, Tản Viên Sơn Thánh đã lập đồn ở đây. Thời Vua Đinh cùng với hành đô ở làng Lược xã Sơn Lai, đồn ở phủ Lăng, động Bái Đính là tiền đồn phía tây của kinh thành Hoa Lư. Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông, Nhà Trần đã xây dựng vùng hang động Ninh Vân, Ninh Hải, Bái Đính làm hậu cứ. Đến thế kỷ thứ XVIII tướng nhà Mạc là Bùi Văn Khuê (Mỹ Quận công Bùi Văn Khuê chồng bà Nguyễn Thị Niên - hiện được thờ Bà ở Đền Vực) đã lập doanh trại ở Bái Đính để chống lại triều nhà Lê. Đến năm 1788, quan Đô Ty Trần Đức Vy một tướng của quân Tây Sơn đã xây dựng Bái Đính làm kho chứa lương thảo và đón Vua Quang Trung làm lễ tế cờ ở đây trước khi đại phá quân Thanh.

(xem Ông Tướng Tây Sơn và mối tình trên quê hương Sinh Dược).

Là một căn cứ thuộc khu căn cứ cách mạng Quỳnh Lưu, núi chùa Bái Đính là nơi hoạt động của các chiến sỹ cộng sản. Thời kỳ trước cách mạng tháng Tám.

Thời kỳ chống Pháp, đây là nơi ở và làm việc của uỷ ban Tôn Giáo Vận, uỷ ban liên lạc nhữnh người công giáo kháng chiến yêu nước liên khu 3. Hội Phật Giáo cứu quốc, Nông Dân cứu quốc Ninh Bình cũng ở đây.

Thời kỳ chống Mỹ cứu nước, núi Bái Đính và khu vực xung quanh là nơi sơ tán của cơ quan Ty Công nghiệp và các cơ sở sản xuất của ty công nghiệp Ninh Bình, là kho tàng của cục xăng dầu, của binh chủng phòng không, không quân bộ Quốc Phòng.

Vùng núi rừng Bái Đính không chỉ là vùng đất địa linh, nơi tu hành của các bậc thánh nhân, là danh lam, thắng cảnh của nước, mà còn là nhân chứng lịch sử, là nơi chở che, ôm ấp, bảo vệ cho các lực lượng kháng chiến trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, từ thời các vua Hùng dựng nước cho đến ngày nay. Chính vì vậy, ngày 18/6/1997, Bộ Văn Hoá đã ra quyết định số 1543 cấp bằng " Di tích lịch sử văn hoá núi chùa Bái Đính" thuộc khu căn cứ cách mạng Quỳnh Lưu. Ngày 29/10/2003, tại Quyết định số 59/2003/QĐ - BVHTT, Bộ Văn Hoá Thông Tin đã công nhận các địa danh là di tích lịch sử khu căn cứ địa cách mạng Quỳnh lưu gồm có: Vườn Hồ, Đồi Riềng, Đồi Son xã Quỳnh Lưu, Khu Trũng, Đồng Báng xã Sơn Lai, đền Sầy, đình Ác xã Sơn Thành, cầu Rịa xã Phú Lộc, thung Lóng xã Phú Long, chùa Lỗi Sơn xã Gia Phong, núi chùa Bái Đính xã Gia Sinh.

19. Lễ hội chùa Bái Đính

Lễ hội chùa Bái Đính được tổ chức vào ngày mồng 6 tháng giêng hàng năm. Lễ hội rất lớn, khách thập phương đến rất đông, chật kín cả lòng thung. Trước đây việc sắm lễ do hương hội, kỳ dịch các cụ bô lão làng Sinh Dược đảm nhiệm. từ sáng sớm, hương hội, kỳ dịch, các cụ bô lão và nhân dân trong làng đã tập trung để rước lễ lên chùa. Lễ gồm có một con lợn, một cỗ xôi (thúng to và các đồ lễ khác. Tất cả lễ được cho vào hai quả phù trang do hai nam thanh niên khiêng, sau lễ cáo yết ở đình làng là rước lễ lên chùa.

Đi đầu là năm lá cờ thần do nam thanh niên vác, tiếp theo là tám thanh niên vác chấp kích (các loại vũ khí làm đồ thờ ở đình làng), tiếp nữa là phù trang đặt lễ do hai nam thanh niên khiêng đi cạnh là hai lọng vàng che lễ. Tất cả số thanh niên trên đều đầu quấn khăn đỏ, mặc áo the lưng thắt khăn đỏ. Sau đồ tế lễ là đến phường bát âm, đàn, sáo, chiêng, trống...vang lừng.

Đi tiếp theo sau là hương hội, kỳ dịch và các cụ bô lão, nhân dân trong làng.

Khi đến chùa, lễ được đặt lên ban thờ và thủ tục tế lễ được thực hiện như ở đình Trung. Lễ hội chùa Bái Đính vẫn còn duy trì đến ngày nay vào ngày mồng 6 tháng giêng hàng năm nhân dân trong xã và khách thập phương đến dâng hương, du xuân, du lịch tâm linh.

20. Chùa Bái Đính

Khu du lịch tâm linh Bái Đính nằm trong quần thể du lịch sinh thái Tràng An với diện tích 481ha, phía bắc đến sông Hoàng Long, phía nam đến khu tái định cư đồi Hang Thanh, phía đông đến thung Áng Nồi, phía tây đến giáp đường (tuyến 8), như vậy hầu hết các di tích và danh thắng của cả vùng như: Động chùa Bái Đính (khu chùa chính), chùa Bái Đính (chùa mới), đền thờ Đức Thánh Nguyễn, đền Bóng, đình Trung làng Sinh Dược, Văn Chỉ, Đền Tư, Đền Phú Vinh, lăng thờ Duyên Khang công chúa và Trưởng Quốc công chúa, Đền Mẫu Bà chúa hạng Tiền, hồ Đàm Thị, hồ Phóng Sinh, động Long Ẩn..đều nằm trong khu du lịch.

Động chùa Bái Đính và các nơi thờ tự khác đã được giới thiệu ở phần trước, phần này xin giới thiệu về chùa Bái Đính mới đang xây dựng, ngôi chùa có nhiều kỷ lục nhất Việt Nam.

Năm 2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình chấp nhận đầu tư xây dựng Khu Tâm linh chùa Bái Đính.

- Khuôn viên chùa lớn nhất 481ha,

- Tượng Thích Ca Màu Ni lớn nhất 100 tấn, đặt trong điện thờ Pháp Chủ rộng gần 2000m2, ba pho tượng Tam Thế mỗi pho nặng 50 tấn, đặt trong điện Tam Thế rộng 2054m^2.

- Điện thờ Quan Âm Bồ Tát 676m^2

- Điện thờ 500 vị La Hán 12000m^2

Tượng Phật A Di Đà bằng đồng nặng 100 tấn thờ ở Điện Pháp Chủ, chùa Bái Đính

- Tượng La Hán (La Hán đường) 500 pho

- Tượng Adi Đà 100.000 pho

-Giàn chuông 8 quả 178 tấn, quả treo ở gác chuông là 36 tấn

-Tổng số m^2 xây dựng 30.000

Điện Tam Thế nằm ở độ cao khoảng 70m so với mực nước Sông Hồng.

Chùa có tất cả 20 hạng mục công trình được xây dựng.

Chủ đầu tư xây dựng chùa: Ông Nguyễn Xuân Trường

Cố vấn thiết kế: Giáo sư, tiến sỹ, kiến trúc sư Hoàng Đạo Kính

Chủ trì thiết kế: Thạc sỹ, kiến trúc sư Hoàng Đạo Cương, kiến trúc sư Nguyễn Bá Tuấn.

Đến chùa Bái Đính tụng kinh, niệm phật hẳn không ít phật tử và khách du lịch đều tự hỏi tại sao ngôi chùa to lớn nhường ấy lại được xây ở đây, nơi mà hầu như tiếng tăm không vượt ra khỏi hàng tỉnh. Vậy xin hãy lần theo dấu tích và mong ước của người xưa, nhìn vào thế sông, thế núi. Đọc lại quá trình, tìm tòi nghiên cứu của những người có trách nhiệm, những người tâm huyết và của hội phật giáo Việt Nam, hội phật giáo Ninh Bình để hiểu được căn nguyên, gốc rễ, lý do của việc xây chùa ở đây:

- Theo thần phả về Quí Minh Đại Vương đã giới thiệu ở phần trên, trong cuộc chiến đấu

chống quân Thục, Tản Viên Sơn Thánh đã lập đồn ở đây.

- Kinh đô Hoa Lư của nhà Đinh, nhà Tiền Lê, và thời kỳ đầu của nhà Lý, đồng thời cũng là trung tâm phật giáo của nước ta lúc bấy giờ, nhiều công trình, đền đài thờ phật, thờ mẫu được xây dựng từ đó đến nay vẫn còn. Một ngàn năm sau việc xây dựng khu tâm linh Bái Đính trong khu du lịch sinh thái Tràng An ở vùng cố đô Hoa Lư là sự kế tiếp và hoàn thiện ý nguyện của các bậc tiền nhân.

- Trong bài thơ ca ngợi động chùa Bái Đính được khắc vào bia đá ở cửa động tối trên núi Bái Đính mở đầu bằng câu:

Kho vô tận ở trong trời đất
Trải muôn đời Tiên Phật để dành đây.

Và kết thúc bằng câu:

Cảnh từ Đức Tổ Điềm Giang trước
Nhưng vẫn chờ người có thiên duyên

Thật là Tiên Phật đã để dành và duyên trời ngàn năm sau sẽ đến, quả là như vậy "cảnh từ Đức Tổ Điền Giang trước". Đức Thánh Nguyễn Minh Không đến từ Đàm Gia Loan, phát hiện ra hang động, xây dựng vườn thuốc cứu bách tính để có tên vùng Sinh Dược (thuốc sống) và rồi cũng từ đó một Bái Đính nguyên sinh và thơ mộng, trầm mặc chứng kiến lịch sử các triều đại đi qua. Rồi để đến ngày kỷ niệm 1000 năm Thăng Long- Hà Nội, Bái Đính trở thành điểm đến của du khách thập

phương, trở thành nơi chiêm bái cho lòng người thanh thản khi trở về cõi phật. Câu thơ trên vừa như lời tiên đoán, vừa như duyên tiền định, vừa như lời dặn dò của Thánh hiền, lời sấm truyền trong bàn dân thiên hạ là nơi đây sẽ trở thành điểm đến của phật tử bốn phương, thật không công bằng khi ai đó nói rằng Bái Đính không có dấu tích của nhà phật. Hiếm có nơi nào lại có dấu tích của hai vị Thánh (Tản Viên Sơn Thánh là một trong 4 vị Thánh " tứ bất tử", Nguyễn Minh Không là Thánh sống được nhân dân tôn thờ).

- Duyên trời là thiên thời còn địa lợi như phần đầu cuốn sách đã nói đây là vùng đất thư hùng giao hoan, âm dương hài hoà, địa linh sinh nhân kiệt. Các nhà phong thuỷ hiện tại cũng như sau này khó có thể tìm được nơi nào đẹp hơn để dựng chùa. Đúng là duyên trời định sẵn, trước cửa khuôn viên chùa là hồ rộng. Soi bóng xuống hồ núi Phường, núi Tháp, núi Hang Trai, đồi Vụng Son, đồi Lăng kết lại như hình chữ Tâm, đúng là "Tâm Linh Hiển Ứng".

- Núi Bái Đính (Bái Lĩnh) và hồ Đàm Thị, núi non còn đó, hồ soi bóng núi như vẫn đang kể lại truyền thuyết xưa: ông Đinh Công Trứ dặn vợ rằng nếu đẻ con trai thì đặt tên là Đinh Bộ Lĩnh để nhớ ngày hai vợ chồng từ Nghệ An về quê đi qua và nghỉ lại trong am dưới chân núi Bái Lĩnh. Đại Hữu là nơi mẹ đẻ còn Bái Lĩnh là nơi cha sinh ra bậc đế vương. Hơn một trăm năm sau Bái Lĩnh là một trong những nơi tu luyện của Đức Thánh Nguyễn Minh Không. Nhân hoà là thế,

thử hỏi có ở đâu như Bái Đính, Vương và Thánh cùng phát tích.

- Bái Đính cũng là nơi mà trước khi tiến đánh Thăng Long tiêu diệt hai mươi vạn quân Thanh mùa xuân năm 1789, Vua Quang Trung đã làm lễ tế cờ, vâng mệnh trời đi đánh giặc phải chăng đây là nơi trời đất gặp nhau, hun đúc khí thiêng giúp đoàn quân chiến thắng.

Trong cuốn sách "Xây dựng thành phố Hoa Lư du lịch" Ông Nguyễn Xuân Thảo, nguyên Thứ trưởng bộ Kế Hoạch Đầu Tư, người tâm huyết và là một trong những người đầu tiên nêu ý tưởng xây dựng qui hoạch khu du lịch sinh thái Tràng An, chùa Bái Đính đã viết: "Một lần tôi chủ động mời được Hoà thượng Thích Thanh Tứ và Đại đức Quyết, hiện đang trụ trì chùa Phúc Khánh đến chùa Núi Đính để xem thì cả Hoà thượng Thích Thanh Tứ và Đại đức Quyết đều thấy đây là một địa điểm rất tốt để đặt chùa.

Ngày 12/7/2004, tôi lại mời nhà sử học Dương Trung Quốc, Tổng thư ký Hội Khoa học lịch sử Việt Nam và ông Chấn, một thầy phong thuỷ nổi tiếng của đất Hà Tây đến thăm vị trí trước cửa chùa Bàn Long và vị trí chùa Núi Đính thì thầy Chấn cho rằng vị trí chùa Núi Đính là địa điểm tuyệt vời để đặt một ngôi chùa lớn như thế.

Khu đất núi đính này cách suối nước nóng Kênh Gà 5 km, cách khu du lịch Đồng Chương 9 km, cách động Vân Trình (động đẹp nhất tỉnh Ninh Bình) 6 km, cách vùng đất ngập nước Vân Long 6

km, cách Cố đô Hoa Lư 6 km và có đường 12C chạy qua từ thị xã Ninh Bình đến hồ Đồng Chương.

Địa điểm này cách cửa hang Long Ẩn (thuộc hệ thống hang động Tràng An) 3 km, rất thuận tiện cho du khách sau khi thăm Tràng An, ra khỏi hang và đi vãn cảnh chùa. Như vậy khu núi Đính sau này sẽ là tâm điểm du lịch của cả vùng.

Tôi cho rằng, khu vực chùa núi Đính đã hội tụ đủ các yếu tố và điều kiện để xây dựng một ngôi chùa lớn nhất Việt Nam. Đặc biệt là thế, chùa sẽ tựa lưng vào núi. Về hướng, chùa quay theo hướng tây là hướng thuận, thế mở, trước cửa chùa là một vùng đất thoáng, rộng mênh mông." (NXT, "Xây dựng thành phố Hoa Lư du lịch" tr, 52-53).

Chùa Bái Đính đã khánh thành giai đoạn một, những công trình chính như sau.

1 - Tam quan

Tam quan được xây dựng toàn bằng gỗ, trên lợp bằng ngói men ống Bát Tràng màu nâu. Công trình này dài 32,00m, rộng 13,50m, chiều cao từ chân tảng đến mái là 16,50m. Tam quan là ba cửa, cửa Đại ở giữa, cửa Hữu và cửa Vô, ngoài ba cửa chính hai phía Đông và Tây còn có hai gian hồi như vậy Tam quan có năm gian. Trong Tam quan dựng các tượng Hộ pháp, cửa bên Hữu là tượng Ông Thiện, cửa bên Vô là tượng Ông Ác, mỗi pho cao 5m, nặng 10 tấn. Cũng trong Tam quan còn 8 pho tượng Kim Cương đều bằng đồng,

mỗi pho nặng 8 tấn. Phía đông và phía tây Tam quan là hai dãy nhà gỗ cổ, mỗi bên 15 gian, nối liền với hành lang La Hán.

Giờ tỵ ngày 1/3 năm mậu tý, chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đã về dự lễ và đặt thượng lương Tam quan chùa Bái Đính.

2 - Hành lang La Hán

Tiếp theo các gian nhà gỗ cổ ở hai phía Tam quan, mỗi bên là 115 gian nhà hành lang với chiều dài là 527m. Trong 230 gian nhà hành lang đặt 500 tượng La Hán bằng đá nguyên khối. Tượng La Hán được chế tác tại làng nghề đá xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Đây là làng nghề đã có truyền thống 700 năm, Ông tổ nghề là người vùng núi Nhồi Thanh Hoá. Mỗi tượng La Hán thực sự là một tác phẩm nghệ thuật, đây là ngôi chùa có nhiều tượng La Hán nhất ở nước ta.

3 - Tháp chuông

Tháp chuông được xây dựng bằng bê tông cốt thép giả gỗ, tháp có 3 tầng, tầng 1 cao 6,90m, tầng 2 cao 8,61m, tầng 3 cao 2,75m tổng chiều cao của tháp là 22,00m. Trong tháp chuông có cầu thang đi lên sàn cao gần 7m để du khách đi xung quanh ngắm nhìn chuông.

Chuông treo trong tháp nặng 36 tấn, đúc tại phường đúc Huế. Chày kình đánh chuông dài 4,2m, đường kính 0,3m, nặng 500kg. Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam đã cấp bằng "Xác nhận kỷ lục": "Đại hội đồng chuông lớn nhất Việt Nam" ngày 12 tháng 12 năm 2007.

4 - Điện Quan Thế Âm Bồ Tát.

Điện Quan Thế âm Bồ Tát được xât dựng toàn bằng gỗ, điện có chiều dài 41,80m, rộng 17,40m, cao 14,80m gồm 7 gian, 5 gian chính và 2 gian hồi. Gian giữa của điện, trên bệ cao, đặt tượng Quan Thế Âm Bồ Tát có nhiều tay, nhiều mắt, được đúc bằng đồng, nặng 40 tấn.

Tường của điện phía ngoài xây gạch để trần không trát, phía trong xây các ô nhỏ đều cao 0,59m, rộng 0,30m, sâu 0,30m trong các ô đặt tượng Quan Thế Âm nhỏ, bằng đồng tất cả khoảng 200 pho.

5 - Hồ phóng sinh

Hồ phóng sinh có diện tích hơn 5.000m^2, với chiều dài 77m, chiều rộng 63m, hồ ở độ cao khoảng 25m so với mực nước sông Hồng. Địa điểm xây dựng hồ là khúc quanh lớn nhất của dòng chảy chính giữa vùng Bái Đính ra sông Hoàng Long vào mùa mưa. Trong hồ trồng sen

được đựng trong các thùng kim loại, biểu tượng cho Phật ngự trên toà sen. Ven hồ trồng nhiều cây bồ đề, có cây được chiết từ cây bồ đề tổ ở Ấn Độ đem về trồng ở đây.

6 - Điện thờ Pháp Chủ

Điện thờ Pháp Chủ được xây dựng bằng bê tông cốt thép, bên ngoài bọc gỗ. Điện rộng 2059m2, chiều dài 47,60m, chiều rộng 43,30m, cao 30m. Trên mái gồm hai tầng mái cong,có hàng cổ lâu để nâng độ cao lấy ánh sáng và thông khí. Ở gian chính giữa của điện trên bệ cao đặt tượng Thích Ca Mâu Ni bằng đồng nguyên khối nặng 100 tấn. Tượng Thích Ca Mâu Ni ngồi trên toà sen và niệm hoa sen. Pho tượng này đã được Trung tâm sách kỷ lịc Việt Nam cấp bằng "Xác nhận kỷ lục": "Pho tượng Phật Thích Ca bằng đồng cao và nặng nhất Việt Nam" ngày 4 tháng 5 năm 2006. Thích Ca Mâu Ni tên là Tất Đạt Đa, con vua Sutdôdana ở Ấn Độ sinh năm 563TCN, mất năm 483TCN.

Tường của điện xây gạch không trát, trong tường xây 1.284 ô nhỏ, các ô có chiều cao 0,59m, rộng 0,30m, sâu 0,30m, mỗi ô đặt 1 pho tượng Thích Ca Mâu Ni nhỏ bằng đồng. Trước cửa điện là hàng cây của các vị nguyên thủ quốc gia và lãnh đạo địa phương trồng ở đây.

7 - Tòa Tam Thế

Từ điện Pháp Chủ, qua vườn Phật Tích lên 200 bậc đá nữa là đến toà Tam Thế. Toà Tam Thế nằm ở vị trí giữa núi Bái Đính và ngọn đồi Ba Rau lớn, cạnh con đường thượng đạo nối liền hai phủ Nho Quan và Trường Yên khi xưa. Toà Tam Thế quay hướng Bắc đông bắc, cao hơn mặt nước biển khoảng 76m, thấp hơn ngọn núi Bái Đính khoảng 111m. Từ đây nhìn qua hồ phía trước khuôn viên chùa, ta thấy ngọn núi Tháp, núi Phường, đồi Lăng, đồi Vụng Son kết lại như hình chữ "Tâm". Từ Tam quan lên đến toà Tam thế là 812m, toà nhà này được xây dựng bằng bê tông cốt thép giả gỗ, có chiều dài 59,10m, chiều rộng hơn 40,00m, cao tới 34,00m, diện tích trong nhà 2.053m^2. Nhà có 3 tầng mái uốn cong, hai hàng cổ lâu có tác dụng nâng độ cao của chùa, đồng thời để lấy ánh sáng và thông khí.

Toà Tam Thế có 7 gian (3 gian giữa mỗi gian rộng 9,00m, 2 gian bên mỗi gian rộng 7,20m, 2 gian hồi mỗi gian rộng 4,50m). Ba tượng Tam thế đặt ở 3 gian chính, tư thế khác nhau. Tượng Phật Hiện tại ở gian giữa, hai bàn tay để trên đùi, ngang bụng, hai ngón tay cái chạm đầu vào nhau. Tượng Phật Quá khứ ở gian bên phải, bàn tay trái giơ cao hơn vai, ngón tay kết ấn, tay phải để trên đùi ngang giữa bụng. Tượng Phật vị lai ở gian bên trái, bàn tay phải ngửa giơ cao, đầu ngón tay ngang vai, bàn tay trái để sấp trên đùi.

Ba pho tượng Tam Thế đều bằng đồng

Ba pho tượng Tam thế bằng đồng mỗi pho nặng 50 tấn, thờ ở điện Tam thế, chùa Bái Đính.

nguyên khối, mỗi tượng nặng 50 tấn. Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam đã cấp bằng "Xác nhận kỷ lục": "Ngôi chùa có có bộ tượng Tam Thế bằng đồng lớn nhất Việt Nam", ngày 12 tháng 12 năm 2007.

Cũng giống như điện thờ Pháp Chủ, tường phía ngoài toà Tam Thế xây gạch không trát, phía trong xây 1.808 ô nhỏ cao 0,59m, rộng 0,30m, sâu 0,30m trong mỗi ô đặt một tượng nhỏ bằng đồng.

Giờ Tuất ngày 16/5/2008 (ngày 12/4 mậu tý), lễ an tâm tượng được Hội Phật giáo tỉnh Ninh Bình tiến hành, hàng chục ngàn phật tử các nơi về dự, 21h10 phút Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng về thắp hương, 21h20phút ông đậy nắp tâm tượng và phủ vải đỏ lên pho tượng Hiện tại trong toà Tam Thế.

Giờ Ngọ ngày 17/5/2008 (ngày 13/4 mậu tý), các đại biểu dự Đại hội phật giáo thế giới (VESAK), đại diện Hội Phật giáo Việt Nam, đại diện chính quyền địa phương và đông đảo nhân dân, đã dự lễ cắt băng khánh thành giai đoạn một chùa Bái Đính.

8 - Giếng Ngọc

Từ toà Tam Thế xuôi về phía tây nam khoảng 800, xuống đến chân núi Bái Đính là giếng Ngọc (tên địa phương trước đây là lỗ lùng Ổ Gà). Giếng là mom nước quanh năm không bao giờ cạn, lúc nào nước cũng trong tới đáy, nước đùn

lên tạo thành dòng chảy về phía tây, gặp lỗ lùng Quay Vạc, thành sòng nước lớn, lại chảy tiếp về vùng đá Soi, Lỗ Lươn và đổ về sông Lê. Tương truyền Đức Thánh Nguyễn chỉ dùng nước ở đây vào việc sắc thuốc, ăn uống, còn dùng việc khác ông phải sang mãi ao bên thung Áng Nồi. khách qua đường dừng chân lấy nước cho vào vỏ bầu, ống bương mang theo làm khước, khát lắm mới dám dùng. Trước khi lên chùa lễ phật các bà, các chị xuống đây soi gương chải tóc, múc lên rửa mặt, vảy vào quần áo, tảy sạch bụi trần.

Nay giếng được xây lại rất đẹp, hình mặt nguyệt, đường kính rộng 30m, sâu 6m. bờ giếng xây lan can đá, rộng tới 6.000m^2, 4 góc có 4 lầu bát giác. Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam đã cấp bằng "Xác nhận kỷ lục": "Ngôi chùa có giếng lớn nhất Việt Nam", ngày 12 tháng 12 năm 2007.

Chương III:
TRUYỀN THUYẾT

Vùng Bái Đính có nhiều phong cảnh đẹp và ở đây nhân dân địa phương còn lưu truyền được nhiều truyền thuyết. Các truyền thuyết này gắn liền với sự phát triển của địa phương cũng như của đất nước, gắn liền với lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc. Tên từng quả đồi, từng con suối, từng ngọn núi ra đời từ truyền thuyết như cô Tấm bước ra từ quả thị, đẹp như thơ và trong mát như dòng suối buổi ban mai.

1. Truyền thuyết về sự ra đời của Đinh Bộ Lĩnh

Ở miền Hoa Lư (Ninh Bình) còn truyền kể câu chuyện về sự ra đời của Đinh Bộ Lĩnh như sau:

Ông Đinh Công Trứ quê ở động Hoa Lư (nay

thuộc xã Gia Phương, huyện Gia Viễn) giữ chức thứ sử ở Châu Hoan (vùng Thanh Hóa, Nghệ An) dưới thời Dương Đình Nghệ.

Do bị quân phản loạn đốt trụi kho lương và khí giới, Ông bị cách chức nên cùng vợ là bà Đàm Thị, khăn gói về quê. Trên đường về quê hai Ông Bà rất mệt mỏi và phiền muộn vì tuổi cao mà đến nay hai người chưa một mụn con, việc quan thì trắc trở, quê hương là nơi dung thân của tuổi già lại ở quá xa.

Ròng rã hàng tháng trời từ Châu Hoan hai Ông Bà mới về đến núi Bái Lĩnh (Bái Đính) gần quê. Vợ chồng Ông ngồi nghỉ dưới cây cổ thụ. Nhìn xa xa thấy cánh đồng, Bà bảo Ông ngồi nghỉ còn mình thì mò cua kiếm cá về nấu ăn. Lúc đầu Bà đi về hướng tây, dòng nước nhiều cua, cá lại đưa Bà về hướng đông, chẳng mấy chốc đã đi xa chỗ Ông nằm nghỉ. Trước mặt Bà là một cái đầm rộng non xanh nước biếc đẹp như nơi tiên cảnh và lại rất nhiều tôm cá chẳng mấy chốc tay nải của Bà không còn chỗ đựng. Bỗng một cơn mưa rào ập đến, mưa trắng phau không còn nhìn rõ đâu là bờ, Bà cứ cắm đầu lội thẳng trong mưa, may sao trước mặt Bà là một hang núi đẹp lạ lùng núi uốn cong như một cái cầu vồng. Mưa gió là thế mà trong hang núi ấm áp, Bà ngồi nghỉ trên một phiến đá và thiếp đi lúc nào không biết. Khi giật mình tỉnh dậy. Bà thấy một con rái cá to nằm bên cạnh một chân vắt qua bụng Bà. Bà hoảng sợ vùng dậy kêu la và chạy về chỗ Ông. Mọi người dân quanh đấy nghe tiếng kêu la vác

gậy gộc chạy đến. Con rái cá không hoảng sợ, không chạy trốn. Mọi người xông vào đánh chém, xả thịt chia nhau. Ông bà xin bộ xương và tấm da con rái cá gói cẩn thận mang về để trên gác bếp.

Ít lâu sau bà có thai nhưng trong lòng cảm thấy xấu hổ,và băn khoăn về giấc ngủ như thần sai khiến trong hang đá hôm xưa. Ông Đinh Công Trứ thấy vợ có thai thì mừng lắm nói: Mai này sinh con nếu là trai nhớ đặt tên là Bộ Lĩnh (nhớ chặng đường vất vả và buổi nghỉ dưới chân núi Bái Lĩnh). Mấy tháng sau ông Đinh Công Trứ đột ngột qua đời, bà Đàm Thị đau đớn than khóc, bà con hàng xóm ai cũng thương tình. Bà lần hồi kiếm sống qua ngày và không nói cho ai biết là mình có mang. Bụng bà ngày một to, ông Đinh Công Trứ mất hơn một năm mà bà vẫn chưa sinh nở. Những lời đồn đại thị phi về bà lan khắp nơi. Người em trai của ông Đinh Công Trứ là Đinh Thúc Dự ở Sách Bông thấy vậy cho là bà hoang thai đến nhiếc móc, chửi mắng, tước hết nhà cửa ruộng vườn rồi đuổi bà đi. Bà Đàm Thị bụng chửa vượt mặt đành phải bỏ làng vào ở động Kỳ Lân (nay thuộc xã Gia Phương) trong động có đền thờ sơn thần cách làng không xa.

Vài tháng sau bà sinh được một người con trai khôi ngô tuấn tú, nhớ lời chồng dặn, bà đặt tên con là Bộ Lĩnh- Đinh Bộ Lĩnh.

2. Truyền thuyết về Đức thánh Nguyễn Minh Không (1066-1141) tu hành khổ hạnh ở động Bái Đính

Đức Thánh Nguyễn Minh Không (Sinh ngày 15 tháng 10 năm 1066, mất ngày 10 tháng 8 năm 1141) tên là Nguyễn Chí Thành, quê ở Đàm Gia Loan, phủ Trường Yên (xã Gia Thắng huyện Gia Viễn ngày nay). Ông là học trò của danh tăng Từ Đạo Hạnh, pháp danh là Nguyễn Minh Không, dân gian gọi người là Nguyễn Minh Không.

Ông là người thông hiểu phật pháp, học cao biết rộng. Đặc biệt dân gian đồn rằng ông được trời ban cho "thiên y thư" sách thuốc nhà trời để cứu nhân độ thế. Thực ra, ông là người ham học lại có lòng nhân từ, muốn cứu người nên ông đã miệt mài, gắng công chăm lo y thuật. Ông chữa bệnh cứu người mà không hề lấy công, để lại tiếng thơm muôn đời.

Chuyện kể rằng: Đời Vua Lý Nhân Tông, Thái tử Dương Hoán mắc bệnh hiểm nghèo, khắp người mọc đầy lông như lông hổ, các quan thái y trong triều chữa mãi không khỏi. Nghe danh ông nhà Vua cho mời ông vào triều xem bệnh cho Thái Tử. Sau khi bắt mạch và xem bệnh cho Thái

Tử, ông đưa ra cách chữa trị mà mọi người đều cho là nhảm nhí. Nhà vua cũng rất băn khoăn song vì trong hàng ngũ thái y chỉ có ông là dám cam đoan nếu chữa không khỏi bệnh cho Thái Tử thì xin chịu tội chết nên cuối cùng nhà Vua đành đồng ý. Ông sai lấy một vạc dầu và thả các loại thuốc vào. Khi vạc dầu sôi sùng sục, ông dùng tay vục dầu vảy khắp người Thái Tử trước sự kinh ngạc của mọi người. Sau mấy lần như thế Thái Tử khỏi bệnh. Nhà Vua mừng rỡ và hậu thưởng nhưng ông không nhận. Nhà Vua giữ ông ở lại triều đình phong làm đệ nhất thái y nhưng ông từ chối, ông lại ra đi với sông núi, cỏ cây, hoa lá và nhân dân ở khắp mọi miền quê.

Ông mất năm 1141 tại xã Hàm Lý, huyện Vĩnh Lạc, Hải Dương, nhà Vua sắc phong ông là "Phù Vân Quốc Sư". Đền thờ ông có ở rất nhiều nơi, ở Ninh Bình có tới 25 nơi thờ ông.

Bái Đính là một trong nhiều nơi ông gắn bó cuộc đời mình, cả một vùng rộng lớn của các huyện Nho Quan, Gia Viễn còn ghi lại nhiều truyền thuyết về ông.

Đương thời ông đã cùng với thiền sư Nguyễn Giác Hải trụ trì ở chùa Vệ (xã Khánh Phú, Yên Khánh ngày nay) cùng sang Tây Trúc thỉnh kinh. Sau đó trở về quê hương Đàm Gia Loan. Trong một lần vượt sông Hoàng Long đi hái thuốc ông đã phát hiện ra động trên núi Bái Đính. Hang động đẹp như nơi tiên cảnh, núi lại hướng về phía tây như chầu về đất phật tổ, rừng già mênh mông vô vàn cây thuốc quí. Ông đã dừng chân ở đây tu

hành và hái thuốc để cứu độ chúng sinh. Không chỉ hái cây thuốc sẵn có trên núi, mà ông còn đưa nhiều loại thuốc quí về đây để thuần hóa và trồng, biến nơi đây thành một vườn thuốc lớn truyền lại cho các thế hệ mai sau. Cũng chính từ ý nghĩa này mà cái tên Sinh Dược (thuốc sống) ra đời. Sinh Dược được đặt tên cho cả một vùng đất đai rộng lớn xung quanh núi Bái Đính.

Ông đã sống và làm thuốc tu hành ở đây bao lâu thì không ai còn nhớ song tên đất, tên đồi xung quanh núi Bái Đính đều gắn liền với sinh hoạt của ông.

Ba quả đồi gọi là đồi ba rau (nơi xây dựng chùa mới) là ba ông đồ rau ông dùng để bắc bếp nấu cơm và sao thuốc. Hõm đồi phía tây gọi là xó bếp là nơi ông cho củi vào đun, hõm đồi phía tây bắc gọi là đống củi là nơi ông để củi. Tro than ông cời về phía đông tạo thành từng đống là các đống đá tai mèo màu đen như than nằm cạnh đường lên chùa mới.

Ở phía tây bắc cách Bái Đính khoảng 500m là núi Một giống như cái ấm pha trà, núi Cấn, núi Giữa, núi Xưa giống như ba cái chén là nơi ông uống trà. Nước pha trà ông lấy ở giếng Lợi Chậu, dưới chân núi Môn gần đó, phía đông bắc núi có một giếng nước tự nhiên, nước trong vắt, miệng giếng, đá đua ra như miệng chậu. Nước trong giếng đùn lên chảy qua miệng chậu như một bông hoa thật đẹp.

Ở phía đông núi Bái Đính cách núi khoảng 300m đường chim bay có một thung lũng rộng gọi

là thung Áng Nồi. Phía nam thung có một cái ao lớn gọi là ao Áng Nồi (hay còn gọi là ao Sậu), phía đông bắc thung dưới chân núi cũng có một cái ao đồng thời là cửa hang, gọi là hang Nước, Ao Áng Nồi và hang Nước quanh năm không bao giờ hết nước, đây là nơi Đức Thánh tắm giặt và rửa xoong nồi, bát đĩa vào mùa nước khan, vì thế gọi là Áng Nồi (mùa mưa đã có nước trên núi). Hang Nước là cửa hang phía tây của một đường hang động xuyên núi đẹp và dài nhất trong các hang động ở Tràng An, từ cửa hang này qua gần 2.000m sẽ đến cửa phía bắc là hang Vồng.

Trước đây khi chưa đắp đê Hoàng Long thường là từ ngày Phật Đản (8.4 âm lịch) đến nước tiểu mãn (20.4 âm lịch), mưa rào to nước ngập tràn thung từng đàn cá chép đỏ, cá trê, cá chày...từ hang Nước, ao Áng Nồi bơi ra nhiều vô kể như cá thả ao. Cá cuốn vào nhau đỏ lấp lánh như những con rồng lớn nên có người còn gọi hang Nước là hang Long Ẩn. Cá hóa rồng xuất hiện vào ngày Phật Đản, cũng là từ tích Đức Thánh đưa đó đánh cá về để ở đây.

Khi tu hành ở động Bái Đính, ông thường hay về vùng Vân Trình thả đó vì ở đây có chỗ sông hẹp hai bên là vách núi gọi là khu vực Nút Đó rất thuận tiện cho việc thả đó bắt cá (Nút Đó, là đoạn sông Hoàng Long, đi qua thôn Vân Trình, xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan). Vì ở xa không coi được, nên đó hay bị đổ trộm, bực mình ông làm câu đồng dao:

Ai mà trộm đó lão này
Đến mùa trẩy thuế đi may về nồm

(Đoạn sông này theo hướng tây nam- đông bắc nên mùa trẩy thuế vào tháng 5, tháng 6 âm lịch cả đi và về đều ngược gió). Cũng có lần ông mang theo cả diều lên đây vừa thả đó vừa thả diều, diều bay cao ông buộc dây vào hòn đá chân núi rồi vào hang mát ngủ, ngủ quên mất gió to thổi mạnh, diều bay lên trời, công cả hòn đá đi xa mấy chục mét rồi rơi xuống cạnh sông, vì vậy mà cách nút Đó về phía hạ lưu khoảng 300m có hòn đá mà dân địa phương gọi là hòn đá "diều công" nặng hàng mấy chục tấn. Lần khác đi đánh đó tại đây, gặp hai con voi húc nhau, ông nhảy vào can và ngự lên đầu một con, chỗ Ông ngự nay dân làng lập đền thờ ông ở đầu núi Nang. Núi Nang, núi Quéo (thuộc thôn Vân Trình, xã Thượng Hoà, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình) trông như hai con voi quay đầu vào nhau.

Sau nhiều lần bị đổ trộm mất cá, ông không đánh đó ở vùng này nữa mà mang đó về cất ở hang Nước và ao Áng Nồi, trong đó còn vài con chép nhỏ và các loại cá khác, Ngài phóng sinh cả cá và đó xuống ao . Được thả xuống ao, cá sinh sôi nảy nở và theo hang ngầm đi khắp mọi nơi.Hàng năm cứ vào dịp phật đản đầu tháng tư âm lịch khi đón những trận mưa đầu mùa hạ, họ hàng nhà cá lại kéo nhau về nơi mà tổ tiên cá được Đức Thánh phóng sinh, hoá rồng múa lượn lễ trời, lễ phật, lễ đội ơn Đức Thánh.

Phía tây Bái Đính ngay dưới chân núi là

vùng Ổ Gà nơi Đức Thánh nuôi gà, tiếp đó là cánh đồng rộng mấy trăm ha của của hai xã Gia Sinh và Sơn Lai. Cách núi khoảng 1km đường chim bay nơi tiếp giáp giữa ruộng cấy lúa và đồi là một vùng đá ong bằng phẳng rộng đến hàng mẫu tên địa phương gọi là vùng Đá Soi, nơi đây còn hình chiếc cối giã gạo, có cả lỗ cối và chỗ đặt chày giã gạo, cạnh cối giã gạo là cối giã cua, đây là nơi ông giã gạo ăn và giã cua nấu canh. Vì ông giã cua, vất bã ra bên cạnh nên vùng đồng bái thuộc ba xã Gia Sinh, Sơn Lai, Quỳnh Lưu rộng hàng ngàn ha là vùng đất sỏi đen trắng như màu bã cua vậy. Cũng tại đây có một bàn chia ô ăn quan chỗ Đức Thánh ngồi chơi ô, đá lõm xuống rộng hàng mét, trẻ chăn trâu 9-10 tuổi nằm ra mới vừa(khu vực này là nơi tụ tập vui chơi của hầu hết trẻ chăn trâu trong vùng, chơi ô rồi cãi lộn, trâu mất lúc nào không biết, đến nay vẫn còn bài vè trẻ trâu:

Thả trâu đồng Bái
Chơi ô cả ngày
Lúc Bố đi cày
Làng bắt mất trâu.

Đáng tiếc rằng bãi đá ong này vào những năm 1980, đã bị nhân dân địa phương khai thác hết nay không còn dấu tích gì nữa. Phía tây bãi đá có một lạch nước chảy về phía thôn Đính Tràng của xã Sơn Lai, đây là lạch lươn hay là vùng lỗ lươn. Chuyện xưa kể rằng Đức Thánh thường đến đây bắt lươn. Tảng đá ông quì bắt

lươn to bằng cái chiếu, chỗ ông quì gối bắt lươn đá lõm xuống như một cái thúng con. Bắt được lươn ông đi xin mẻ về nấu, đầu tiên ông nhảy qua sông đi về hướng bắc đến vùng đồi Bích Sơn xin mãi mà dân chỉ cho một đũa mẻ, bực mình quay về đến cạnh sông Hoàng Long ông hắt bát mẻ ra đồng chỗ ấy giờ là cánh đồng me thuộc xã Gia Vượng. Cánh đồng rộng chừng 3ha nước quanh năm lúc nào cũng trắng như nước mẻ. Ông lại đi về phía nam đến vùng đồng bào dân tộc Mường ở Quảng Lạc bà con ở sởi lởi, thực thà vừa cho ông nhiều mẻ lại cho cả hoa chuối rừng để nấu với lươn. Về gần đến nhà trời mưa đường dốc ông trượt ngã, mẻ đổ mất một ít nơi ông đánh đổ mẻ là dốc me bây giờ, dốc này khi còn là đường đất chỉ cần mưa lất phất là trơn như đổ mẻ. Làng gần đó cũng được gọi là làng Mẻ, sau lái dần thành làng Me nay thuộc xã Sơn Lai, huyện Nho Quan, cách núi Bái Đính khoảng 1km đường chim bay. Món lươn nấu hoa chuối, có tí mẻ chua mà ông dùng khi xưa nay trở thành món đặc sản ở cả trong và ngoài nước và có khi xuất xứ cũng từ vùng lỗ lươn này.Và cũng lại thật tiếc rằng tảng đá in dấu tích Đức Thánh quì gối năm xưa đã bị một người dân dùng mìn phá để lấy đá xây nhà.

3. Ông tướng Tây Sơn và mối tình trên quê hương Sinh Dược

Sinh ra và lớn lên ở ấp Thành Sơn, xã Bồ Đề,phủ Qui Nhơn, huyện Bồng Sơn, tỉnh Bình Định. Ông Trần Đức Thiểm, húy Đức Vi- Trần Đức Vi đã cùng các trai tráng trong làng đầu quân cho nghĩa quân Tây Sơn từ khi cuộc khởi nghĩa mới nổ ra. Giỏi võ nghệ lại là người đức độ ông được thủ lĩnh nghĩa quân trọng dụng và phong cho chức quan Đô Ty.

Theo đoàn quân của chủ tướng Nguyễn Huệ ra bắc, ông để lại phía sau quê hương Bình Định và đại gia đình ở ấp Thành Sơn. Khi quân Tây Sơn từ Thăng Long lùi về xây dựng phòng tuyến Tam Điệp, Bỉm Sơn ông được quan đô đốc Vũ Đình Huấn (Đô đốc Vũ Đình Huấn là người xã Quảng Xuyên, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định). Sau chiến thắng mùa xuân kỷ dậu 1789 ông là chỉ huy đồn Gián Khẩu, lấy vợ người làng Bãi Trữ xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư và trở thành ông tổ họ Vũ tại đây. Nhà thờ ông hiện còn tại thôn Bãi Trữ và có đôi câu đối:

Lệnh truyền đô đốc danh miền Bắc
Tứ quí xuất nhân thắng địa Nam

Nghĩa là:

Vâng mệnh vua đô đốc để lại danh tiếng ở miền Bắc

Khí tiết của qui nhân ở miền Nam

("Ninh Bình theo dòng lịch sử, văn hóa" - *Sđd, tr.174)*

Ông được cử đi trinh sát và chuẩn bị các điều kiện như: Khảo sát các đường thủy bộ, chuẩn bị lương thực khí giới để đón quân Tây Sơn tiến ra Thăng Long tiêu diệt quân Thanh. Sau khi nghiên cứu kỹ địa hình, ông đã chọn vùng Bái Đính làm nơi tập kết nghĩa quân để tiến đánh đồn Gián Khẩu - cửa ngõ phía nam thành Thăng Long vì:

- Một là: từ đây có thể theo hai đường thủy, bộ tiến đánh đồn Gián Khẩu bí mật nhất, thuận lợi nhất. Từ núi Bái Đính theo đường thủy, bộ tới Gián Khẩu chỉ mất độ một giờ đồng hồ, khoảng 5km.

- Hai là: Vùng núi Bái Đính núi non trùng điệp nhiều hang động, thung lũng có thể trú quân và tích trữ lương thảo mà không bị lộ.

- Ba là: từ Tam Điệp, qua Phố Cát, Rịa về Bái Đính quân Tây Sơn có thể đi con đường ngắn nhất và an toàn nhất để tiến về Gián Khẩu, con đường độc đạo dưới chân núi Bái Đính là con đường nối liền phủ Thiên Quan và Trường Yên lúc bấy giờ

Tại đây ông đã chiêu tập nhiều trai tráng trong vùng bổ sung cho nghĩa quân. Ông Phạm Văn Thông - ông tổ thứ hai của họ Phạm làng

Sinh Dược trở thành quan phó đô ty của nghĩa quân (theo gia phả họ Phạm làng Sinh Dược, ông Phạm Văn Dũng hiện là trưởng họ đời thứ 9). Lò rèn của ông Nguyễn Văn Soạn (ông tổ họ Nguyễn-ông Nguyễn Văn Ngông trưởng họ đời thứ 12 ở làng Sinh Dược) ở chân núi Làng Đồi được mở rộng thành công binh xưởng rèn vũ khí cho nghĩa quân. Các hang động ven núi được mở rộng lấy làm nơi chứa lương thực và các đồ dùng khác phục vụ cho nghĩa quân. Cũng tại đây ông đã làm quen với bà Nguyễn Thị Thanh, em gái thứ hai của ông Nguyễn Văn Soạn (người đi tiếp quân lương mà sau này ông lấy làm vợ).

Khi đồn Bái Tái (ở vùng thôn Bái, Sơn Thành-Nho Quan ngày nay) do cai Giá và nghĩa quân "Cần Vương" của nhà Lê chiếm giữ bị giải tán bởi mưu kế của ông Đinh Huy Đạo (ông Đinh Huy Đạo, đời thứ 6 họ Đinh Huy ở thộn Ngọc Động, xã Gia Phong, ông được nhà Tây Sơn phong tới chức "Quang lộc thượng đại phu, chức bí thư trực học sĩ viễn mưu hầu" đứng đầu 4 vị quan to ở cung Thái Tử, ông là người trực tiếp dạy dỗ Thái Tử Quang Toản) Quân Tây Sơn từ Phố Cát tiến ra ém ở vùng Bái Đính. Trong dân gian còn truyền lại rằng cả một vùng núi đồi rộng lớn từ Sơn Lai - Nho Quan đến tận Trường Yên- Hoa Lư ngày nay là nơi ở của nghĩa quân. Vùng núi Văn, núi Võ (nay thuộc xã Sơn Lai) là nơi ở của quan văn, quan võ. Vùng đồi Lều sát với ao Áng nồi nơi có nguồn nước là lều trại của bộ phận hậu cần, cạnh đó là đồi Voi nơi để voi chiến. Vùng Án Mã

với nhiều thung lũng rộng nối tiếp nhau, có thể chứa hàng ngàn bò, ngựa là nơi nghĩa quân thả và giấu ngựa. Dòng nước chảy từ Bái Đính qua Ba Rau xuống vùng ruộng trũng ra sông Hoàng Long, nơi nghĩa quân nghỉ ngơi dưới tán rừng già ăn cơm nắm mo cau, mo cau chất thành từng đống hai bên dòng nước, nhân dân trong vùng gọi đó là sòng Mo.

Trước khi tiến quân đánh đồn Gián Khẩu, Đô Ty Trần Đức Vy đã vâng lệnh Vua dựng đàn để Vua Quang Trung làm lễ tế cờ ở núi Bái Đính. Lá cờ nghĩa được cắm ở đỉnh phía bắc đỉnh cao nhất của quả núi, thể hiện ý chí của quân Tây Sơn quyết tâm quét sạch giặc ngoại xâm đến từ phương bắc, từ đó đến nay nhân dân Sinh Dược gọi đây là đỉnh Cột Cờ. Sau lễ tế cờ, người ngậm tăm, ngựa đóng hàm, quân thủy xuất quân từ cánh đồng Thổ cạnh núi Hàm Rồng, sát sông Hoàng Long. Quân bộ xuất quân từ bến Bổi (bên trong phủ lăng thờ hai Công Chúa Nhà Trần) qua làng Sinh Dược theo đường Cầu Độn, qua Đông Khê, Gia Trung để vượt sông Hoàng Long tiến về Gián Khẩu (Cầu Độn là con đường nối làng Sinh Dược, Đồng Lâm của xã Gia Sinh và làng Đông Khê xã Gia Trung, sở dĩ có tên là Cầu Độn vì thời đó giữa hai địa danh này là một khoảng đầm lầy dài gần 2km nghĩa quân Tây Sơn đã phải chặt cây rừng để độn xuống đầm lầy tạo thành đường, dấu tích của con đường này còn rất rõ, khi đào nắn sông Hoàng Long đoạn phía trên trại Đồng Lâm khoảng 200 - 300m dưới mặt đất

khoảng 1m đã phát hiện một vùng có nhiều cây cối mục nát lẫn trong bùn đất, thi thoảng vẫn còn một vài cây gỗ còn hình dáng và được xếp theo hướng đông tây).

Sau chiến thắng mùa xuân kỷ dậu 1789, quan Đô Ty Trần Đức Vy, phó Đô Ty Phạm Văn Thông được Vua Quang Trung giao cai quản đồn Hoàng Đan (hạt Nam Định). Trong khói lửa chiến tranh hai nghĩa quân Tây Sơn một Nam , một Bắc đã kết nghĩa làm anh em thề sống chết có nhau, nay lại được ở cùng một chỗ, ông Phạm Văn Thông đã mai mối cho ông Trần Đức Vy lấy em vợ là bà Nguyễn Thị Thanh. Năm canh dần 1794 (năm Cảnh Thịnh thứ hai) ông Vy sinh con đầu lòng là Trần Đức Nhuận, dòng họ Trần Đức ở làng Sinh Dược bắt đầu từ đây (trưởng họ hiện nay là ông Trần Ngọc Hoàng đời thứ 7). Ông Phạm Văn Đường con ông Phạm Văn Thông cũng sinh ra cùng thời với ông Nhuận .Em gái bà Nguyễn Thị Thanh là Nguyễn Thị Lành cũng lấy một nghĩa quân Tây Sơn họ Vũ quê ở Thanh Hóa, lập nên họ Vũ ở làng Xuân Trì, xã Gia Sinh (ông Vũ Thơi là trưởng họ đời thứ 7).

Ba nghĩa quân Tây Sơn lấy ba chị em họ Nguyễn, cuộc sống êm ấm, sinh sôi dưới chân núi Làng Đồi chưa được bao lâu thì Tây Sơn thất thủ ,nhà Nguyễn tiến ra phía bắc chiếm lại các căn cứ của nghĩa quân. Quan Đô Ty Trần Đức Vy chạy về Nam, định mang theo vợ con nhưng bà Thanh bụng mang dạ chửa không đi được đành phải ở lại quê nhà. Quan phó Đô Ty Phạm Văn Thông trong

một lần chống giặc đã bị bắt và giam giữ tại nhà tổng Tòe khu vực Kì Vỹ. Ông bị tra tấn dã man, sau khi được cứu ra ông về quê sinh sống nhưng bán thân bất toại nằm liệt một chỗ. Ông mất năm Kỷ Mùi 1799.

Trong thời gian ông Thông bị bắt bà Lanh gửi ông Phạm Văn Đường cho bà Thanh nuôi nấng để đi thăm chồng. Thân gái dặm trường bà quyết tâm đi vào nơi mũi tên hòn đạn để thăm chồng song bà đã không gặp được chồng mà còn bị bắt mang đi biệt tích. Hai dòng họ Trần Đức và họ Phạm lúc này chỉ còn bà Nguyễn Thị Thanh chèo chống, vừa phải né tránh sự truy đuổi của nhà Nguyễn, vừa phải nuôi con, nuôi cháu nhưng bà Thanh đã làm tròn phận sự. Cả ông Trần Đức Nhuận và ông Phạm Văn Đường đều được bà nuôi khôn lớn trưởng thành, sau này đều có công trong việc xây dựng làng xã. Bà Nguyễn Thị Thanh đã trở thành nhũ mẫu của cả hai dòng họ. Cảm tạ ơn sâu của bà, khi bà mất (ngày 10.7 âm lịch) họ Phạm đã khắc bia ghi công ơn bà, lấy ngày giỗ của bà làm ngày chính giỗ của họ Phạm. Mộ của bà ở khu vực đồng Đìa thường được dân làng gọi là mộ Bà Đốc.

Bài vị của bà hiện nay được thờ ở cả hai dòng họ.

Chương IV:
Xứng danh anh hùng trong thời đại mới

Cũng như bao làng quê khác dưới chế độ đế quốc, phong kiến người dân quê tôi đói khổ trăm bề. Từ khi có Đảng nhân dân các làng Xuân Trì, Sinh Dược, Lê Thượng, Lê Trì như được hồi sinh và được đưa đường dẫn lối đến cuộc sống tươi đẹp hơn. Sau ngày chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Ninh Bình được thành lập, ông Lương Văn Thăng người ở Quỳnh Lưu, Nho Quan đã mở lớp học chữ hán tại nhà ông Nguyễn Văn Đa thôn Xuân Trì. Trước đó con gái ông Lương Tú Thăng, là bà Lương Thị Thoá cũng đã xây dựng gia đình với ông Ngô Mạnh Chức ở làng Sinh Dược. Bà đi lấy chồng mà trên vai còn nặng tình non nước, những gánh rau, gánh gạo qua lại giữa hai miền quê Quỳnh Lưu - Sinh Dược có cả tài liệu tuyên truyền cách mạng mà cụ Tú gửi ra cho tổ chức. Bằng nhiều mối quan hệ, đường lối cách mạng - chủ nghĩa Mác - Lê Nin được tuyên truyền và bám rễ ở mảnh đất này.

Với danh nghĩa là đi học chữ hán ông Ngô Trí Phú là con cả ông Ngô Mạnh Chức đã vào ở nhà ông ngoại. Tại đây ông Phú được học tập, hiểu biết về cách mạng, được chi bộ Đảng Lũ Phong (tổng Quỳnh Lưu) kết nạp vào tổ chức cách mạng, đồng thời được giao nhiệm vụ phát triển cơ sở ở làng Sinh Dược. Vào dịp kỷ niệm lần thứ 13 cách mạng tháng 10 Nga thành công (7-11-1930) người thanh niên 19 tuổi Ngô Trí Phú đã hoàn thành nhiệm vụ tổ chức cắm cờ búa liềm trên đỉnh núi Khơi. Lá cờ trên đỉnh núi nơi tiếp giáp của hai huyện Nho Quan, Gia Viễn đã gây chấn động cả một vùng quê rộng lớn và báo hiệu cách mạng đã về trên mảnh đất này. Sau ông Ngô Trí Phú, ông Lê Tử Bình ở Lê Thượng cũng được kết nạp vào tổ chức cách mạng đây là những hạt nhân cách mạng đầu tiên của xã Gia Sinh. Cũng từ đây phong trào yêu nước được phát triển, cơ sở cách mạng được mở rộng đưa phong trào từng bước đi lên.

Mở đầu là phong trào khất sưu, khất thuế, chống thuế trong những năm 1930-1931, điển hình là việc tổ chức chống thuế của nhân dân các làng Lê. Sáng ngày 27\6\1931 khoảng 150 người chủ yếu là người Lê Xá tập trung tại chùa Lê rồi kéo xuống tỉnh đấu tranh đòi khất thuế. Tuần phủ Phan Đình Hoè đành phải chấp nhận cho khất thuế, kết quả này đã tác động rất lớn đến các địa phương khác tạo nên khí thế đấu tranh mạnh mẽ. Trong năm 1931 nhiều xã, tổng thuộc huyện Gia Viễn không phải nộp thuế, nộp sưu trong nhân dân còn truyền tụng:

Trận chống thuế ai quên sao được
Từ Vân Trình, Lê Xá bước tiên phong

Trong những năm 1932- 1933 phong trào tuy không mạnh xong vẫn được duy trì. Thời gian này ông Lê Tử Bình được ra tù lại tiếp tục hoạt động. các hội cứu tế đỏ, hội tương tế ái hữu, hội cầy ruộng, phường gianh, hội may áo...được phát triển. Các hội viên quyên tiền gây quĩ giúp nhau lúc khó khăn, xây dựng mối đoàn kết, giáo dục lòng yêu nước, căm thù phong kiến, đế quốc.

Trong những năm 1936- 1939 (thời kỳ mặt trận dân chủ Đông Dương) một số hội như: hội ái hữu, hội cấy, hội lợp nhà ở Sinh Dược được thành lập. Đoàn thanh niên phản đế do ông Ngô Trí Phú phụ trách lập "tổ đọc sách báo", hội tập võ, hội đầu cù, phường trồng sắn, trồng củ... Cơ sở Lê Xá lãnh đạo quần chúng đấu tranh với bọn tay sai của đế quốc, phong kiến ở địa phương đòi quyền dân sinh,dân chủ, chống đi phu, đi lính, tổ chức rải truyền đơn ở làng Đông Khê, trường học hàng tổng Lê Xá và nhà chánh tổng Hà Tăng Tiến.

Phong trào cách mạng những năm 1936-1939 ở Sinh Dược, Lê Xá có sự lãnh đạo của Đảng, có tính quần chúng rộng rãi, công khai đấu tranh đòi tự do, dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi phát triển phong trào trong những năm sau.

Những năm 1939-1940 việc xây dựng lực lượng để chuẩn bị tổng khởi nghĩa được gấp rút tiến hành. Ông Lương Văn Đài (tức Văn, quê Thái Bình) được khu uỷ phân công phụ trách và

xây dựng phong trào ở Ninh Bình, ông Ngô Trí Phú được phân công đi đón ông Đài về Sinh Dược và đã lấy nhà ông Hoàng Quang Doãn ở Trại Đồng Lâm là cơ sở tin cậy để hoạt động.

Từ tháng 4/1941 cơ sở Đảng ở Sinh Dược, Lê Xá được củng cố và mở rộng, cơ sở Đoàn thanh niên được ông Ngô Trí Phú trực tiếp ở các Làng Sinh Dược, Lê Xá, Ngọc Động, Lỗi Sơn, Me, Chàng, Vẽo. Phong trào phát triển mạnh, hoạt động của tổ chức Đoàn khá sôi nổi và đạt hiệu quả.

Sau cuộc mít tinh ở gò Sáo (xã Gia Phong) ngày 1/8/1941. Ngày 13/9/1941 ông Ngô Trí Phú bị mật thám Pháp bắt cùng với các ông Trần Văn Tập, Trần Văn Hương, Lê Tử Bình và 5 người khác ở Lê Xá. Ngày 26/9/1941 (6/8 Tân Tỵ) ông Phú đã anh dũng hy sinh trong nhà tù của thực dân Pháp, ông là liệt sỹ đầu tiên của xã Gia Sinh.

Sau ngày ông Phú hy sinh phong trào không lắng xuống mà lại phát triển mạnh thêm. Các tổ chức cứu quốc được thành lập tiến tới tổng khởi nghĩa. Cuối tháng 10 năm 1942 hội nghị các cơ sở cách mạng của xã họp tại nhà ông Ngô Mạnh Chức.

Ngày mồng 6 tháng giêng năm quí mùi (10/2/1943) nhân dịp lễ hội chùa Bái Đính, ông Trần Tử Bình (lúc đó ông là xứ uỷ Bắc Kỳ phụ trách chiến khu Quang Trung gồm Ninh Bình, Hoà Bình, Thanh Hoá và đang mở lớp huấn luyện quân sự đầu tiên cho 3 tỉnh tại đồng Báng, xã

Sơn Hà, Nho Quan ngày nay) quyết định tổ chức cuộc mít tinh tại đây.

Năm 1943 giặc Pháp ở Ninh Bình và bọn tay sai ở địa phương, cướp đoạt ruộng đất của Sinh Dược để đào ngòi phá núi Hàm Rồng. Khoảng tháng 8-1943 lợi dụng phiên chợ Sinh Dược, một cuộc đấu tranh đã nổ ra. Sau những hồi trống mõ nổi lên, hàng trăm thuyền bè đổ ra kín cả cánh đồng Làng cầu, hàng trăm trẻ, già, trai, gái xông lên thu xeo, búa, dụng cụ của bọn làm đá. Trước khí thế đấu tranh của nhân dân, bọn chủ thầu tay sai và Thạch Hộ bỏ chạy không dám lên nữa. Đây là cuộc đấu tranh tự phát của quần chúng và đã thắng lợi, thắng lợi này không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn có ý nghĩa rất lớn về chính trị, có tính cách mạng, phát động lực lượng quần chúng tham gia.

Ngày mồng 6 tháng giêng năm giáp thân (30/1/1944) lại một lần nữa nhân dịp lễ hội chùa Bái Đính. Ban cán sự Đảng tỉnh Ninh Bình quyết định tổ chức cuộc diễn thuyết công khai tố cáo tội ác của phát xít Nhật, thực dân Pháp, đồng thời kêu gọi nhân dân tích cực tham gia Việt Minh để chống Pháp, Nhật. Đồng chí Nguyễn Thị Hưng (tức Đ) và chị Tâm cán bộ xứ uỷ Bắc Kỳ về diễn thuyết . Cuộc diễn thuyết được tổ chức chu đáo, bất ngờ, đông đảo nhân dân tham dự, bọn hương lý, kỳ hào và tay sai trở tay không kịp.

Ngày 15/3/1945 một số nhân dân Sinh Dược, Lê Thượng, Xuân Trì mang theo quang thúng, vượt núi đồi vào phối hợp với nhân dân

Quỳnh Lưu và các làng lân cận phá kho thóc lẫm cứu đói. Tháng 5/1945, Việt Minh Sinh Dược họp tại nhà ông Ngô Mạnh Chức bàn việc kiện toàn các tổ chức tự vệ cứu quốc, thanh niên cứu quốc, phụ nữ cứu quốc, phụ lão cứu quốc... mở rộng tổ chức Việt Minh, phát động quần chúng, tổ chức cuộc đấu tranh bằng bạo lực cách mạng.

Ngày 24/7/1945, cuộc đấu tranh chống thuế giành thắng lợi, xã bộ Việt Minh tuyên bố giải tán chính quyền tay sai của địch và tuyên bố thành lập uỷ ban giải phóng xã để giải quyết việc hành chính lúc giao thời. Ở Sinh Dược do ông Ngô Mạnh Chức làm chủ tịch, ở Lê Thượng do ông Trần văn Dữ làm chủ tịch, ở Xuân Trì do ông Nguyễn Xuân Mai làm chủ tịch.

Sáng ngày 19/8/1945 chấp hành mệnh lệnh của Việt Minh tỉnh Ninh Bình, của huyện Gia Viễn, xã bộ Việt Minh, Ủy ban dân tộc giải phóng Sinh Dược, Lê Thượng, Xuân Trì huy động lực lượng tự vệ và một số quần chúng tham gia giành chính quyền ở huyện lỵ Gia Viễn. Sáng ngày 20/8/1945 tự vệ, và đông đảo quần chúng các làng SinhDược, Xuân Trì, Lê Xá mang theo biểu ngữ, cờ băng, khẩu hiệu, súng trường, dao, kiếm kéo đến động Thiên Tôn hoà cùng nhân dân hai huyện Gia Viễn, Gia Khánh tiến về tỉnh lỵ Ninh Bình giành chính quyền tỉnh thắng lợi.

Ngày 21/8/1945, xã bộ Việt Minh, Uỷ ban dân tộc giải phóng Sinh Dược họp (tại nhà ông Ngô Mạnh Chức) bàn việc thành lập uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời. Ông Ngô Mạnh Chức

được chỉ định làm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời.

Sáng ngày 22/8/1945 UBND cách mạng lâm thời Sinh Dược ra mắt nhân dân tại đình trung làng Sinh Dược. Tại Xuân Trì UBND Cách mạng lâm thời được thành lập, ông Nguyễn Xuân Mai làm Chủ tịch, lực lượng cách mạng đã thu hồi triện đồng, sổ sách, giấy tờ của chính quyền chế độ cũ.

Cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền (8/194) thắng lợi chấm dứt ách đô hộ của đế quốc Pháp gần một trăm năm, sự thống trị hàng nghìn năm của phong kiến. Nhân dân được tự do, đất nước được độc lập, chấm dứt cuộc đời nô lệ. Từ đây dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân các làng Sinh Dược, Xuân Trì, Lê Thượng làm chủ cuộc đời mình, bước vào thời kỳ xây dựng chế độ xã hội mới.

Ngày 07/07/1947 chi bộ Đảng xã Hưng Long (từ năm 1946- 1949 các thôn Sinh Dược, Xuân Trì, vùng chợ Lê, Chi Phong - Trường Yên gọi là xã Hưng Long) được thành lập gồm 7 Đảng viên:

1- Ông Đinh Quang Trí - bí thư

2- Ông Nguyễn Văn Toàn

3- Ông Nguyễn Thanh Đức

4- Ông Nguyễn Ngọc Liên

5- Bà Ngô Thị Kim Tuyến

6- Ông Nguyễn Tiến Hổ

7- Ông Nguyễn Văn Đoàn

Ông Nguyễn Văn Toàn và ông Nguyễn Ngọc Liên là hai anh em ruột, bà Ngô Thị Kim Tuyến là con gái ông Ngô Văn Chức và là vợ ông Nguyễn Ngọc Liên.

Việc thành lập chi bộ xã Hưng Long đáp ứng những yêu cầu khẩn cấp của nhiệm vụ chính trị, đảm bảo lãnh đạo trực tiếp toàn diện ở địa phương, là mốc son chói lọi của Đảng bộ, nhân dân Gia Sinh, khẳng định bước phát triển mới của phong trào cách mạng.

Phong trào cách mạng của Sinh Dược, Lê Thượng, Xuân Trì là một quá trình vận động liên tục, chiến đấu kiên cường. Nét nổi bật của quá trình cách mạng là phong trào phát động được quần chúng vùng lên đấu tranh lật đổ bộ máy cai trị, giành chính quyền về tay nhân dân. Là một trong những xã thành lập Uỷ ban nhân dân lâm thời sớm nhất trong huyện. Ngay sau khi cách mạng thành công, chính quyền xã đưa bọn cường hào, bọn tay sai của Pháp, Nhật ra xét xử trước nhân dân. Gia Sinh là xã có đơn vị lực lượng tự vệ chiến đấu, phong trào quần chúng mạnh, tích cực tham gia khởi nghĩa giành chính quyền huyện Gia Viễn và tỉnh Ninh Bình.

Sự kiện thành lập chi bộ Đảng cộng sản đông dương đầu tiên của xã (tháng 7 năm 1947) là một mốc lịch sử quan trọng trong cuộc vận động cách mạngcủa Đảng bộ và nhân dân xã Gia Sinh. Đó là sự nối tiếp cách mạng, thể hiện xã sớm có tổ chức cơ sở Đảng.

Giành được những thắng lợi đó, trước hết do có sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo chặt chẽ của xứ uỷ Bắc Kỳ, trung tâm chiến khu Quỳnh Lưu, của Tỉnh uỷ Ninh Bình, huyện uỷ Gia Viễn. Thắng lợi đó thuộc về chi bộ, nhân dân xã Hưng Long trước đây, Đảng bộ và nhân dân xã Gia Sinh sau này có lòng yêu nước nồng nàn, sẵn sang xả thân cứu nước, tràn đầy ý chí quyết chiến, quyết thắng, một lòng, một dạ theo Đảng, bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ, hăng hái xông lên phía trước giết giặc, cứu nước, cứu nhà.

Thắng lợi đó bắt nguồn từ đội ngũ cán bộ Gia Sinh tuyệt đối trung thành với Đảng, tận hiếu với dân,có năng lực, có phẩm chất cách mạng,có ý thức tổ chức, kỷ luật nghiêm minh, có tinh thần bất khuất, dũng cảm sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì lợi ích cách mạng, vì quyền lợi của nhân dân. Cán bộ, Đảng viên Gia Sinh có lối sống giản dị, khiêm tốn, tình nghĩa thuỷ chung trong sáng, sẵn sàng nhận khó khăn về mình. Đó là sự gương mẫu tiên phong của cán bộ, Đảng viên luôn là những tấm gương sang dẫn dắt quần chúng noi theo. Đồng chí Ngô Chí Phú bị đế quốc tra tấn đến chết vẫn giữ vững khí tiết người cộng sản. Đồng chí Trần Tử Bình bị địch bắt tra tấn tù đày, ra tù lại tiếp tục hoạt động góp phần dẫn dắt phong trào cách mạng địa phương. Nhiều đồng chí, đồng đội nối tiếp theo gương không chịu khuất phục trước sự tàn bạo của kẻ thù, không nản lòng lùi bước trước sự khủng bố, tàn sát của giặc, sự khó khăn gian khổ của cuộc kháng chiến.

Thắng lợi đó trước hết thuộc về lớp lớp những người con của quê hương Gia Sinh, thuộc về chi bộ xã luôn chăm lo xây dựng khối đoàn kết toàn dân, chăm lo đến lợi ích, quyền lợi của nhân dân, khéo léo lãnh đạo kết hợp giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, luôn quan tâm và coi trọng công tác giáo dục tư tưởng, giáo dục chính trị một cách thường xuyên cho cán bộ, Đảng viên và quần chúng, vận động đông đảo nhân dântham gia sự nghiệp cách mạng của xã.

Những chiến công chói lọi, những thành tích vẻ vang của nhân dân, cán bộ Gia Sinh mãi mãi sẽ là tấm gương sáng phát huy truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng của quê hương để các thẽ hệ kế tiếp tiếp tục vươn lên trong giai đoạn mới của cách mạng, góp phần bảo vệ và xây dựng quê hương đất nước Việt Nam giầu đẹp.

Qua 45 năm (1930 - 1975) đấu tranh giành độc lập tự do và kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, nhân dân Gia Sinh luôn vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh vì sự nghiệp cách mạng, sẵn sàng hy sinh bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi hoàn toàn, nhân dân Gia Sinh tự hào với sự đóng góp sức người, sức của. Xã Gia Sinh luôn dẫn đầu toàn liên khu III, 6 năm liền được tặng danh hiệu lá cờ đầu, được tặng nhiều cờ luân lưu từ Bộ Quốc Phòng đến Liên Khu và tỉnh, làm nhiệm vụ đóng thuế nông nghiệp, mua công phiếu kháng chiến, công trái quốc gia 126.300 đồng, 2.000 đồng đảm

vụ quốc phòng, 30 tấn thóc, ủng hộ 2 tấn thóc nuôi quân, đón thương binh về nuôi dưỡng, nhiều cơ quan của Đảng sơ tán về vùng núi Bái Đính, bệnh viện Dân y cũng về đóng ở chùa Lê. Gần 400 người tham gia du kích, hàng nghìn người tham gia phục vụ chiến đấu ở ngay tại quê hương cũng như các chiến dịch lớn. Huy động hàng vạn cây tre, nứa, hàng vạn mét khối đất đá, đắp kè ngăn sông Hoàng Long phục vụ cho chiến đấu. Gần 500 trăm người vào bộ đội. Riêng năm 1947 có 60 người nhập ngũ.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Gia Sinh là xã có số người đi bộ đội chiến đấu chiếm tỷ lệ dân số cao (23%), đứng đầu huyện Gia Viễn và đứng hàng thứ hai ở tỉnh Ninh Bình từ năm 1965 đến năm 1994 có 1478 người nhập ngũ, hơn 200 thanh niên xung phong. Là xã nằm trên trục đường hành quân của bộ đội vào Nam, nhân dân Gia Sinh tích cực giúp đỡ bộ đội, chăm sóc thương binh, vận tải vũ khí, hàng hoá phục vụ kháng chiến, phục vụ bộ đội an dưỡng luyện tập. Khi chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ lan rộng nhiều cơ quan, xí nghiệp công nghiệp và nhân dân thị xã Ninh Bình sơ tán về Gia Sinh. Nhân dân trong xã đã nhường cơm, xẻ áo, nhường nhà cửa ruộng vườn để phục vụ kháng chiến và những người vì chiến tranh mà phải xa gia đình, để lại tình cảm sâu nặng cho bất kỳ ai đã đến sống ở mảnh đất này.

Đảng bộ và nhân dân Gia Sinh được nhà nước tặng 1 huân chương kháng chiến hạng nhất,

một huân chương lao động hạng 3. vinh dự và tự hào, ngày 29/01/1996 xã Gia Sinh được nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Hai làng Sinh Dược, Lê Thượng và 2 gia đình được nhà nước tặng bằng có công với nước, 15 người được công nhận lão thành cách mạng, 10 người được công nhận cán bộ tiền khởi nghĩa, 4 mẹ được công nhận bà mẹ Việt Nam anh hùng, 2 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng lao động và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 180 liệt sỹ (số có hồ sơ quản lý tại xã), 92 thương binh, 2 gia đình có 7 và 9 người con nhập ngũ.

CÁC GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI NƯỚC

1- Gia đình ông: Ngô Mạnh Chức, thôn Sinh Dược.

2- Gia đình ông, bà: Trần Văn Trứ, thôn Lương Sơn.

3- Gia đình bà Bùi Thị Khang, thôn Lương Sơn.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

1- Mẹ Việt Nam Anh hùng: Nguyễn Thị Chôm, Sinh năm: 1900.

Mẹ là người làng, làm dâu họ Trần, thôn Lương Sơn. Bà là mẹ của ba Liệt sỹ: Trần Văn Nhìn, Trần Văn Trông, Trần Văn Thìn.

Ngày 17/12/1994 Bà được truy tặng danh

hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng

2- Mẹ Việt Nam Anh hùng: Nguyễn Thị Loan, Sinh năm: 1912.

Mẹ là người làng Xuân Trì, là mẹ liệt sỹ Nguyễn Văn Nhân.

Ngày 17/12/1994 Bà được truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng

3- Mẹ Việt Nam Anh hùng: Nguyễn Thị Lựu, Sinh năm: 1925.

Mẹ là con cháu cụ đồ nho ở xã Gia Tiến sang định cư ở Sinh Dược, làm dâu chi ba họ Ngô ở thôn Sinh Dược, là mẹ liệt sỹ Ngô Văn Bang.

Ngày 17/12/1994 Bà được truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng

4- Mẹ Việt Nam Anh hùng: Nguyễn Thị Nhỡ, sinh năm: 1925.

Mẹ là người làng Sinh Dược, làm dâu chi họ Ngô ở thôn Sinh Dược, là mẹ liệt sỹ Ngô Văn Mão.

Ngày 09\03\2004 được truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh Hùng.

GIA ĐÌNH CÓ 9 NGƯỜI CON NHẬP NGŨ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

Gia đình ông Nguyễn Văn Công ở làng Sinh Dược.

GIA ĐÌNH CÓ 7 NGƯỜI CON NHẬP NGŨ TRONG KHÁNG CHẾN

Gia đình ông Trần Hữu Chí ở trại Đồng Lâm, làng Sinh Dược.

ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG LÊ VĂN ĐÍNH

Ông sinh năm 1932 ở thôn Lương Sơn, nhập ngũ năm 1949, khi được phong danh hiệu Anh hùng, ông là bác sỹ, Viện phó bệnh viện dã chiến binh đoàn 559.

Trước khi nghỉ hưu, ông là Đại tá, Bác sỹ, Bí thư Đảng uỷ Bệnh viện quân y 108.

ANH HÙNG LAO ĐỘNG TRẦN TRUNG NGUYÊN

Ông sinh năm 1920 ở thôn Lương Sơn. Trong thời kỳ hợp tác xã nông nghiệp, "ng là đội trưởng đội chăn nuôi, hợp tác xã Lương Sơn. Ông đã khắc phục mọi khó khăn lãnh đạo đội nuôi 200 con dê, 300 con trâu, bò, hàng nghìn con lợn, gà cung cấp thực phẩm cho hậu phương và tiền tuyến.

Đội chăn nuôi của ông trở thành đội lao động XHCN Tiên tiến toàn miền Bắc. Ông được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động năm 1967.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, huyện Gia Viễn chỉ có một người được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, một người được phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động, cả hai đều thuộc xã Gia Sinh.

Những năm đầu tiên thực hiện công cuộc đổi mới, địa phương gặp rất nhiều khó khăn, là một xã nghèo của huyện Gia Viễn, kinh tế thuần nông, 50% nhân dân chưa có điện sáng, hệ thống giao thông, thuỷ lợi hầu như chưa được xây dựng, sản xuất gặp nhiều khó khăn. Song dưới sự lãnh đạo chỉ đạo sát sao của BCH Đảng bộ, sự giúp đỡ của mọi cấp, mọi ngành, Đảng bộ, nhân dân trong xã đã phát huy truyền thống đơn vị anh hùng, đoàn kết, vượt khó vươn lên giành được kết quả toàn diện trên tất cả mọi lĩnh vực.

Năm 2006, Gia sinh đã thoát khỏi xã nghèo của huyện Gia Viễn. Kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất từ trước đến nay, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, văn hoá xã hội tiến bộ toàn diện, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, quốc phòng được củng cố, đời sống tinh thần, vật chất, trình độ dân trí của nhân dân dược nâng lên rõ rệt, bức tranh toàn cảnh của quê hương có nhiều đổi mới. Nhân dân phấn khởi tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước.

Về phát triển kinh tế năm 1996, tổng sản lượng qui ra thóc mới đạt 2.353 tấn, bình quân = 420kg, đến năm 2006 tổng sản lượng đạt 3.648 tấn, tấn bình quân 630kg/người/năm, xã đã xây

dựng vùng chuyên canh cây vụ đông, vùng nuôi trồng thuỷ sản, có 7 trang trại cho thu nhập 50 triệu đồng trên hộ.

Về giao thông không kể tuyến đường du lịch tất cả các đường xóm đều được bê tông hoá, kênh mương được kiên cố hoá 70%, bờ vùng, bờ thửa đều được rải đá cấp phối.

Các trường tiểu học, trung học cơ sở, trạm xá, trụ sở UBND đều được xây dựng cao tầng khang trang đẹp đẽ. Ngoài nhà văn hoá trung tâm của xã, bằng nguồn vốn tự đóng góp cả 11 thôn đều xây dựng nhà văn hoá, làm nơi sinh hoạt cộng đồng. Ba làng được công nhận là làng văn hoá cấp tỉnh, 8 khu dân cư tiên tiến, có 70% hộ gia đình văn hoá. Trường tiểu học, trạm y tế đạt chuẩn quốc gia.

Từ khi hòa bình lập lại (1954) đến nay, cả xã có trên 500 người tốt nghiệp các trường Đại học trong và ngoài nước, 17 tiến sỹ, 3 Phó Giáo sư.

Khi khởi công xây dựng khu Tâm linh - chùa Bái Đính cả xã như một ngày hội lớn, hội người cao tuổi và các đoàn thể đã đóng góp hàng ngàn ngày công dọn đường, làm vệ sinh để đón Tượng về. Việc đưa các pho tượng hàng trăm tấn lên đồi cao, đèo dốc không chỉ phải có phương tiện hiện đại là làm được, mà phải phụ thuộc rất nhiều yếu tố. Các cụ cao niên không chỉ có góp công mà còn hiến kế, tính ngày giờ mưa nắng, tính độ lún của từng đoạn đường, để đưa tượng về được an toàn.

Với gần 400ha đất thu hồi, hàng trăm gia đình phải di chuyển để phục vụ việc xây dựng các hạng mục công trình của khu tâm linh. Xây dựng chùa mới, xong cảnh quan, môi trường, những nét văn hoá từ ngàn xưa để lại, làng xóm, cây đa, bến nước thế nào, để Sinh Dược, Xuân Trì, Lương Sơn những tên đất, tên làng đã đi vào huyền thoại vẫn còn muôn đời sống mãi với thời gian quả là bài toán khó không những với những người lãnh đạo mà là với toàn thể nhân dân trong xã. Ai cũng hiểu rằng chùa Bái Đính- khu Tâm linh không chỉ là niềm tự hào của nhân dân trong xã, mà còn là niềm tự hào chung của nhân dân Ninh Bình. Phát triển du lịch là hướng đi đúng với tiềm năng của quê hương để nâng cao đời sống nhân dân. Nhưng rời bỏ những ngôi nhà đã nhiều đời gắn bó, rời bỏ mảnh vườn biết bao mồ hôi đã đổ, không phải một sớm, một chiều là làm được.

Nhiều cuộc họp của cấp uỷ, chính quyền, các đoàn thể, thậm chí ở cả các dòng họ được tiến hành. Lại một lần nữa truyền thống anh hùng được thể hiện. Để cuối cùng người Gia Sinh thống nhất ý chí, thống nhất hành động, giành sức người, sức của, góp phần nhỏ của từng người, từng gia đình vào việc chung. Đã có 308 ha đất, trong đó: 172,50ha đất sản xuất nông nghiệp, 24,10ha đất rừng trồng, 64,60ha đất rừng phục hồi khoanh nuôi tái sinh, 11,52ha đất nuôi trồng thuỷ sản, 3,20ha đất thổ cư, 30,08ha đất các loại khác được thu hồi. Có 333 hộ gia đình thuộc các xóm 6,9,10,11 phải di chuyển về nơi ở mới để lấy

mặt bằng phục vụ xây dựng khu Tâm linh- chùa Bái Đính.

Cuộc sống đã có nhiều đổi thay, nhiều nhà đầu tư đã đến đây xây dựng các công trình dịch vụ, con em Gia Sinh trên khắp mọi miền đất nước đều hướng về quê hương thành tâm, thành ý góp sức xây dựng quê nhà và trong sâu thẳm tấm lòng của mỗi người đều chung một ý nguyện xây dựng nét văn hoá quê hương, văn hoá ở khu Tâm linh - chùa Bái Đính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. An Viết Đàm, Trương Đình Tưởng, Đặng Lê, Nguyễn Văn Trò: Gia Viễn, Lịch sử - văn hoá - Ninh Bình năm 2001.

2. Nguyễn Tử Mẫn: Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biện, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

3. BCH Đảng bộ xã Gia Sinh: Lịch sử đảng bộ xã Gia Sinh - Ninh Bình.

4. Nguyễn Văn Trò: Theo dòng lịch sử, văn hoá, Ninh Bình - NXB Văn hoá dân tộc năm 1998.

5. Dịch các sắc phong, văn bia, câu đối: Các Ông Đinh Huy Thượp, Hoàng Quang Sĩ, Trương Quang Sĩ, Lê Văn Chiểu, Đinh Trường Nghi.

Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo lời kể của các ông: Nghiêm Trung Định (làng Sinh Dược - Gia Sinh), Lê Văn Chiểu (làng Lê Thượng), Nguyễn Văn Vượng (làng Xuân Trì) và các cụ cao niên (làng Sinh Dược, làng Xuân Trì, thôn Lương Sơn - xã Gia Sinh).

Mục Lục

Lời tựa 5

Chương I:
Bái Đính - Đất và người 9

Chương II:
Di tích và danh thắng 31

Chương III:
Truyền thuyết 123

Chương IV:
Xứng danh anh hùng trong thời đại mới . . .139

Tài liệu tham khảo 157

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84.4) 38253841 - Fax: (84.4) 38269578
Email: thegioi@hn.vnn.vn
Website: www.thegioipublishers.com.vn

BÁI ĐÍNH
MỘT VÙNG VĂN HÓA

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRẦN ĐOÀN LÂM

Sửa bản in:	Ngô Văn Minh
Kỹ thuật vi tính:	Minh Anh
Bìa:	Phạm Tuấn

In 1.000 bản, khổ 13x19cm, tại Trung tâm Chế bản và In - Nhà xuất bản Thế Giới. Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số: 892-2008/CXB/2-144/ThG cấp ngày 15 tháng 10 năm 2008. In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2009.